Genie
A TEREX BRAND

Hướng Dẫn Vận Hành

Phạm Vi Số Sê-Ri

GS™-1530/32
GS™-1930/32
GS™-1932 XH
GS™-2032
GS™-2632
GS™-3232
GS™-2046
GS™-2646
GS™-2646 XH
GS™-3246
GS™-3246 XH
GS™-4046

Từ GS30P-200101
Từ GS32P-200101
Từ GS46P-200101
Từ GS30D-40101
Từ GS32D-10101
Từ GS46D-20101

ANSI/CSA
North America
South America
Asia

Với
thông tin
Bảo trì

Bản Dịch Hướng Dẫn Sử Dụng
Eighth Edition
Fourth Printing
Part No. 1296776VTGT

목차

Giới thiệu.....1
Định Nghĩa Biểu Tượng và Minh Họa Nguy Cơ....5
An Toàn Chung.....7
An Toàn Cá Nhân 26
An Toàn Nơi Làm việc 27
Chú giải..... 36
Bộ điều khiển 39
Kiểm tra..... 43
Hướng Dẫn Vận Hành..... 69
Hướng dẫn Vận Chuyển và Nâng 85
Bảo trì 91
Thông số kỹ thuật 93

Copyright © 1997 Terex Corporation

Phiên bản thứ tám: Fourth Printing, October 2024

Genie là thương hiệu đã đăng ký của Terex South Dakota, Inc. ở Hoa Kỳ và nhiều quốc gia khác. “GS” là thương hiệu của Terex South Dakota, Inc.

Các máy này tuân thủ theo
ANSI/SAIA A92.20
CAN/CSA B354.6

Giới thiệu

Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này

Genie chân thành cám ơn bạn đã chọn sản phẩm của chúng tôi. Ưu tiên số một của chúng tôi là sự an toàn của người dùng, một mục tiêu chỉ đạt được tốt nhất khi chúng ta cùng phối hợp. Tài liệu hướng dẫn này là hướng dẫn vận hành và bảo trì hàng ngày dành cho người dùng hoặc người vận hành máy Genie.

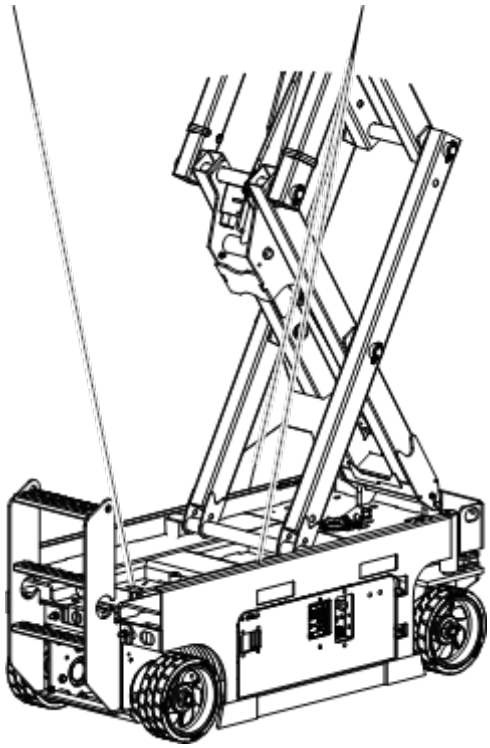
Tài liệu hướng dẫn này phải được xem là một vật dụng không thể tách rời trên máy và phải luôn đi kèm với máy. Nếu quý vị có bất kỳ thắc mắc nào, hãy liên hệ với Genie.

Thông Tin Nhận Dạng Sản Phẩm

Số sê-ri máy nằm trên nhãn số sê-ri.

Nhãn số sê-ri nằm trên khung lái

Số sê-ri in trên khung lái



Mục Đích Sử Dụng và Hướng Dẫn Làm Quen

Máy này được sử dụng để nâng các nhân viên, cùng với dụng cụ và vật liệu của họ lên địa điểm làm việc trên cao. Trước khi vận hành máy, người vận hành có trách nhiệm đọc và hiểu rõ hướng dẫn làm quen này.

- ☑ Mỗi cá nhân phải được đào tạo để vận hành Xe Nâng Người (MEWP).
- ☑ Mỗi cá nhân có thẩm quyền, có năng lực và được đào tạo đều phải làm quen với MEWP.
- ☑ Chỉ những nhân viên được đào tạo và có thẩm quyền mới được phép vận hành máy.
- ☑ Người vận hành có trách nhiệm đọc, hiểu và tuân thủ hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất và các quy định về an toàn có trong Hướng Dẫn Vận Hành.
- ☑ Hướng Dẫn Vận Hành được lưu trữ trong ngăn chứa hướng dẫn sử dụng trên khung nâng.
- ☑ Để biết các cách sử dụng sản phẩm cụ thể, hãy xem mục **Liên Hệ Với Nhà Sản Xuất**.

Giới thiệu

Các ký hiệu điều khiển trên khung nâng và chuyển động máy có liên quan:


Nút kích hoạt chức năng nâng


Nút kích hoạt chức năng lái


Nút chức năng dầm chìa


Nâng/hạ khung nâng (khi chọn chức năng nâng)


Lái tiến/lùi (khi chọn chức năng lái)


Điều hướng phải/trái (khi chọn chức năng lái)


Khu vực hoạt động, nút sử dụng trong nhà


Khu vực hoạt động, nút sử dụng ngoài trời

Các ký hiệu điều khiển dưới đất và chuyển động máy có liên quan:


Nút kích hoạt chức năng nâng


Nút nâng/hạ khung nâng

Các chức năng và chuyển động tuần tự:

- Lái và điều hướng.

Các chức năng liên khóa:

- Tốc độ lái khi khung nâng ở trên cao.
- Lái khi khung nâng ở trên cao trên bề mặt không bằng phẳng.
- Tất cả các nút điều khiển trên khung nâng và dưới đất.

Giới hạn sử dụng:

- Máy này được sử dụng để nâng các nhân viên, cùng với dụng cụ và vật liệu của họ lên địa điểm làm việc trên cao.
- Không được nâng khung nâng lên trừ khi máy đang nằm trên bề mặt vững chắc, bằng phẳng.

Giới thiệu

Phân Bố Bản Tin và Tuân Thủ

An toàn cho người sử dụng sản phẩm là điều tối quan trọng đối với Genie. Genie sử dụng nhiều bản tin khác nhau để truyền đạt thông tin quan trọng về vấn đề an toàn và sản phẩm cho các đại lý và chủ sở hữu máy.

Thông tin trong các bản tin được gắn vào các máy cụ thể sử dụng kiểu máy và số sê-ri.

Việc phân bổ bản tin được dựa trên chủ sở hữu hiện tại trong hồ sơ cùng với đại lý liên kết của họ, do đó điều quan trọng là phải đăng ký máy của bạn và cập nhật thông tin liên lạc của bạn.

Để đảm bảo an toàn cho nhân viên và khả năng vận hành máy liên tục đáng tin cậy, hãy đảm bảo tuân thủ thông báo trên bản tin tương ứng.

Để xem bất kỳ bản tin mở nào cho máy của bạn, hãy truy cập trang web của chúng tôi tại www.genielift.com.

Liên Hệ Với Nhà Sản Xuất

Đôi khi, có thể cần liên hệ với Genie. Khi bạn liên lạc, hãy sẵn sàng cung cấp số kiểu máy và số sê-ri máy, cùng với tên và thông tin liên lạc của bạn. Ít nhất, cần liên lạc với Genie về:

Báo cáo tai nạn

Các câu hỏi liên quan đến ứng dụng và an toàn của sản phẩm

Các tiêu chuẩn và thông tin tuân thủ theo quy định

Cập nhật thông tin về chủ sở hữu hiện tại, như những thay đổi về quyền sở hữu máy hoặc thay đổi thông tin liên lạc của bạn. Xem mục Chuyển Giao Quyền Sở Hữu bên dưới.

Chuyển Giao Quyền Sở Hữu Máy

Dành ra vài phút để cập nhật thông tin về chủ sở hữu sẽ đảm bảo rằng bạn nhận được các thông tin quan trọng về an toàn, bảo trì và vận hành áp dụng cho máy của bạn.

Vui lòng đăng ký máy của bạn bằng cách truy cập trang web: www.genielift.com hoặc bằng cách gọi điện đến đường dây nóng của chúng tôi theo số 1-800-536-1800.

Giới thiệu



Nguy hiểm

Không tuân thủ các hướng dẫn và quy tắc an toàn trong cẩm nang này sẽ dẫn đến tử vong hoặc thương tật nghiêm trọng.

Không Được Vận Hành Máy Trừ Khi:

☑ Người điều khiển phải học và thực hành các nguyên tắc vận hành an toàn có trong tài liệu hướng dẫn vận hành này.

1 Tránh các tình huống nguy hiểm.

Phải thông hiểu các quy tắc an toàn trước khi xem phần tiếp theo.

2 Luôn tiến hành kiểm tra trước khi vận hành máy.

3 Luôn tiến hành kiểm tra chức năng trước khi dùng máy.

4 Kiểm tra nơi làm việc.

5 Chỉ sử dụng máy theo đúng mục đích sử dụng.

☑ Người điều khiển phải đọc, hiểu và tuân thủ các quy định an toàn và hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất, các cẩm nang vận hành an toàn cũng như các nhãn dán trên máy.

☑ Người điều khiển đọc, hiểu và tuân thủ các quy định về an toàn của chủ lao động cũng như nội quy công trường.

☑ Người điều khiển đọc, hiểu và tuân thủ mọi quy định của chính quyền hiện hành.

☑ Người điều khiển phải được đào tạo bài bản để có thể vận hành máy an toàn.

Bảo Trì Biển Báo An Toàn

Hãy thay thế bất cứ biển báo an toàn nào bị mất hoặc hư hỏng. Luôn nghĩ đến sự an toàn của người vận hành máy. Sử dụng xà phòng nhẹ và nước để rửa sạch các biển báo an toàn. Không được sử dụng những chất tẩy rửa chứa dung môi vì chúng có thể làm hư hỏng vật liệu của biển báo an toàn.

Phân Loại Nguy Hiểm

Các nhãn dán trên máy sử dụng các biểu tượng, mã màu, ký hiệu để chỉ thị các yếu tố sau:



Biểu tượng cảnh báo về vấn đề An toàn - được dùng để cảnh báo quý vị về các nguy cơ chấn thương. Hãy tuân theo tất cả những thông điệp an toàn theo sau biểu tượng này để tránh nguy cơ thương tật hoặc tử vong.

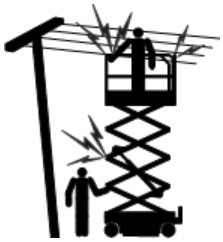
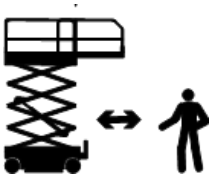
⚠ DANGER Cho biết tình huống phát sinh nguy hiểm có thể gây thương tật hoặc tử vong nếu không tránh được.

⚠ WARNING Cho biết một tình huống nguy hiểm, nếu không tránh khỏi, có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tật nghiêm trọng.

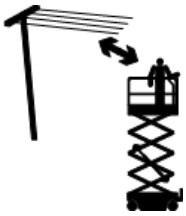
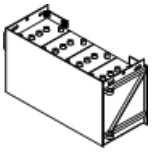
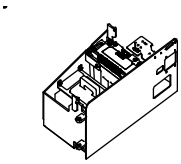
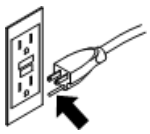
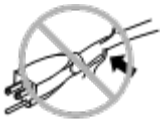
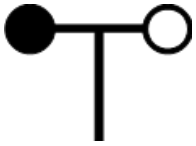
⚠ CAUTION Cho biết một tình huống nguy hiểm, nếu không tránh khỏi, có thể dẫn đến thương tật nhẹ hoặc trung bình.

NOTICE Báo hiệu nguy cơ thiệt hại tài sản.

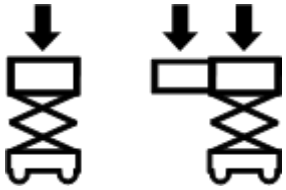
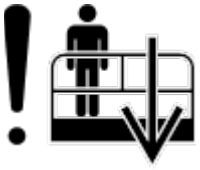
Định Nghĩa Biểu Tượng và Minh Họa Nguy Cơ

 Đọc hướng dẫn vận hành.	 Đọc hướng dẫn bảo trì	 Nguy cơ bị nghiến	 Nguy cơ bị nghiến	 Nguy cơ va chạm
 Nguy cơ té ngã khỏi khung nâng	 Nguy cơ té ngã khỏi khung nâng	 Nguy cơ té ngã khỏi khung nâng	 Nguy cơ té ngã khỏi khung nâng	 Nguy cơ điện giật
 Nguy cơ điện giật	 Nguy cơ nổ	 Nguy cơ cháy	 Nguy cơ bị bỏng	 Nguy cơ tổn thương da
 Kẹt cần an toàn	 Tránh xa những bộ phận chuyển động.	 Tránh xa dầm chìa và lốp xe	 Di chuyển máy đến vùng đất bằng phẳng	 Đóng khay khung lái

Định Nghĩa Biểu Tượng và Minh Họa Nguy Cơ

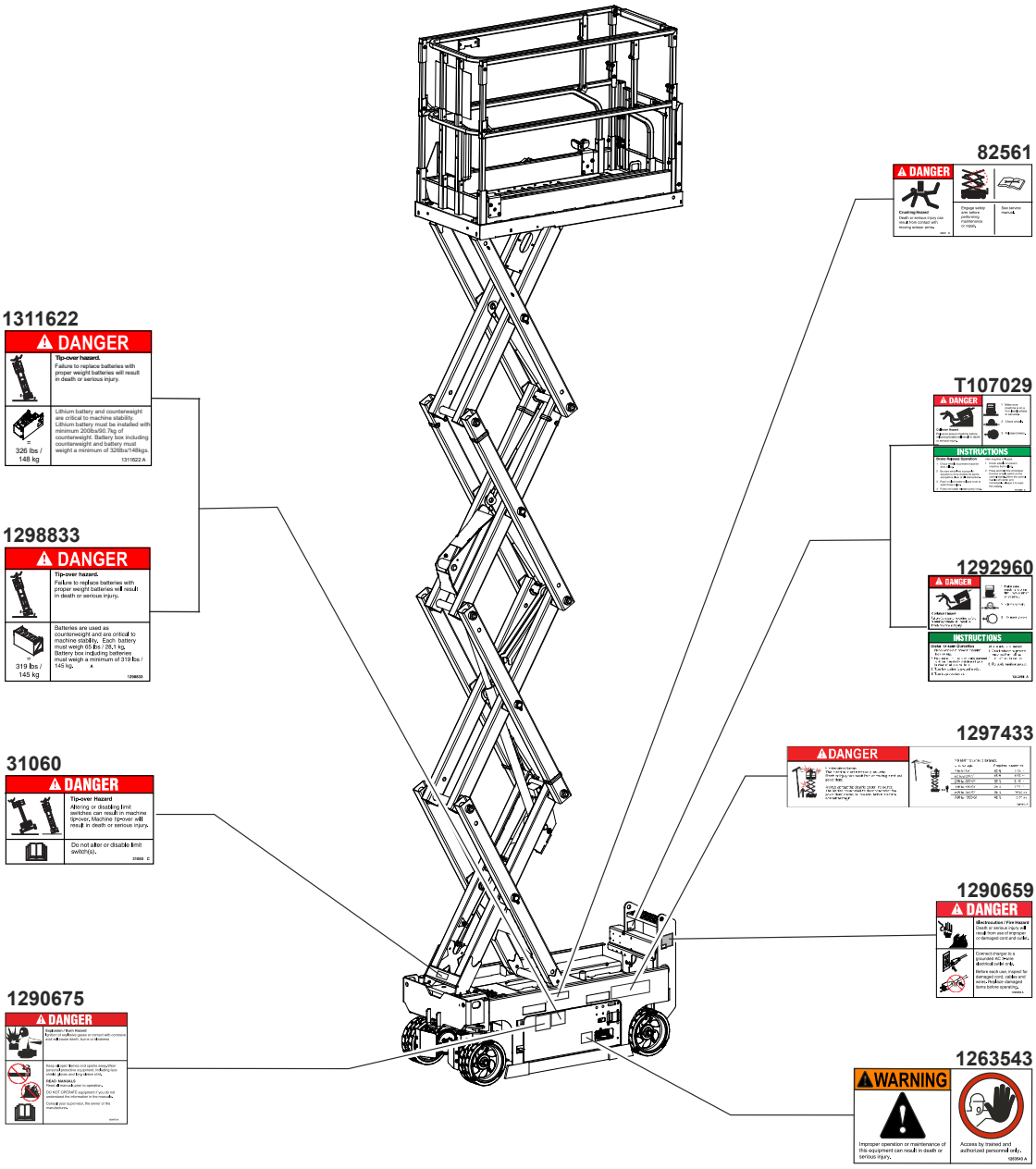
 Hạ khung nâng.	 Không được thiết đặt ở nơi không thể cân bằng bằng dầm chìa	 Giữ khoảng cách an toàn quy định	 Chỉ nhân viên có thẩm quyền và được đào tạo mới được phép tiếp cận	 Sử dụng một mảnh bìa cứng hoặc giấy để kiểm tra rò rỉ
 Ắc-quy được sử dụng làm đối trọng	 Hộp ắc-quy bao gồm đối trọng và ắc-quy được dùng làm đối trọng	 Cấm hút thuốc.	 Chỉ nối đất nguồn điện CC 3 dây	 Thay thế dây điện và sợi dây bị hỏng
 Tải trọng bánh xe	 Hướng dẫn nâng và neo chặt	 Điểm nâng	 Điểm cột dây neo	 Tốc độ gió

Định Nghĩa Biểu Tượng và Minh Họa Nguy Cơ

 Neo chặt	 Nhả phanh	 Nhấn phanh	 Mức áp suất của đường khí vào khung nâng	 Định mức điện áp của nguồn điện vào khung nâng
 Tải trọng tối đa		 Trong nhà	 Ngoài trời	 Lực tay
 Khung nâng quá tải	 Chèn kỹ các bánh xe	 Nút Hạ Phụ		

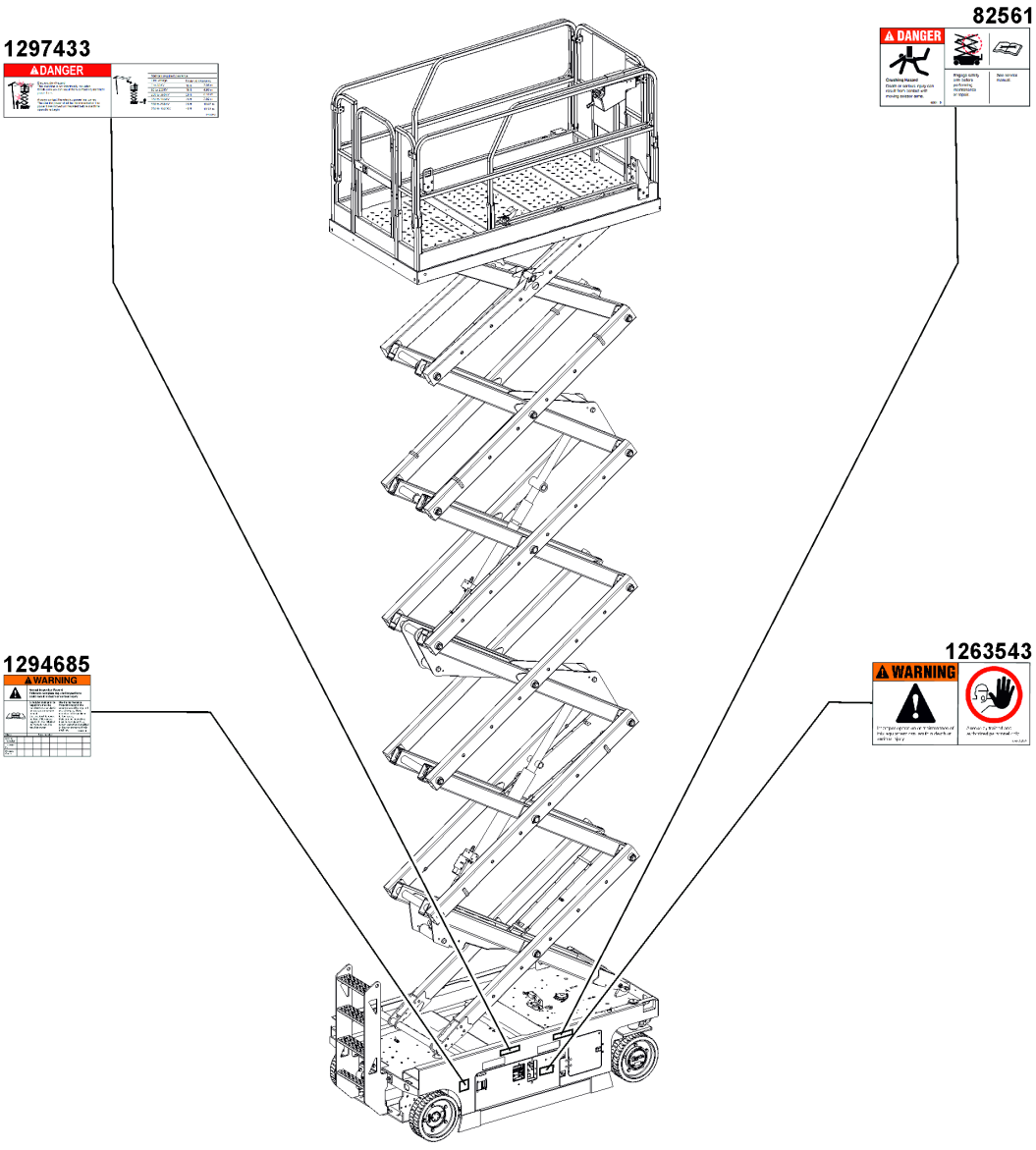
An Toàn Chung

GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH



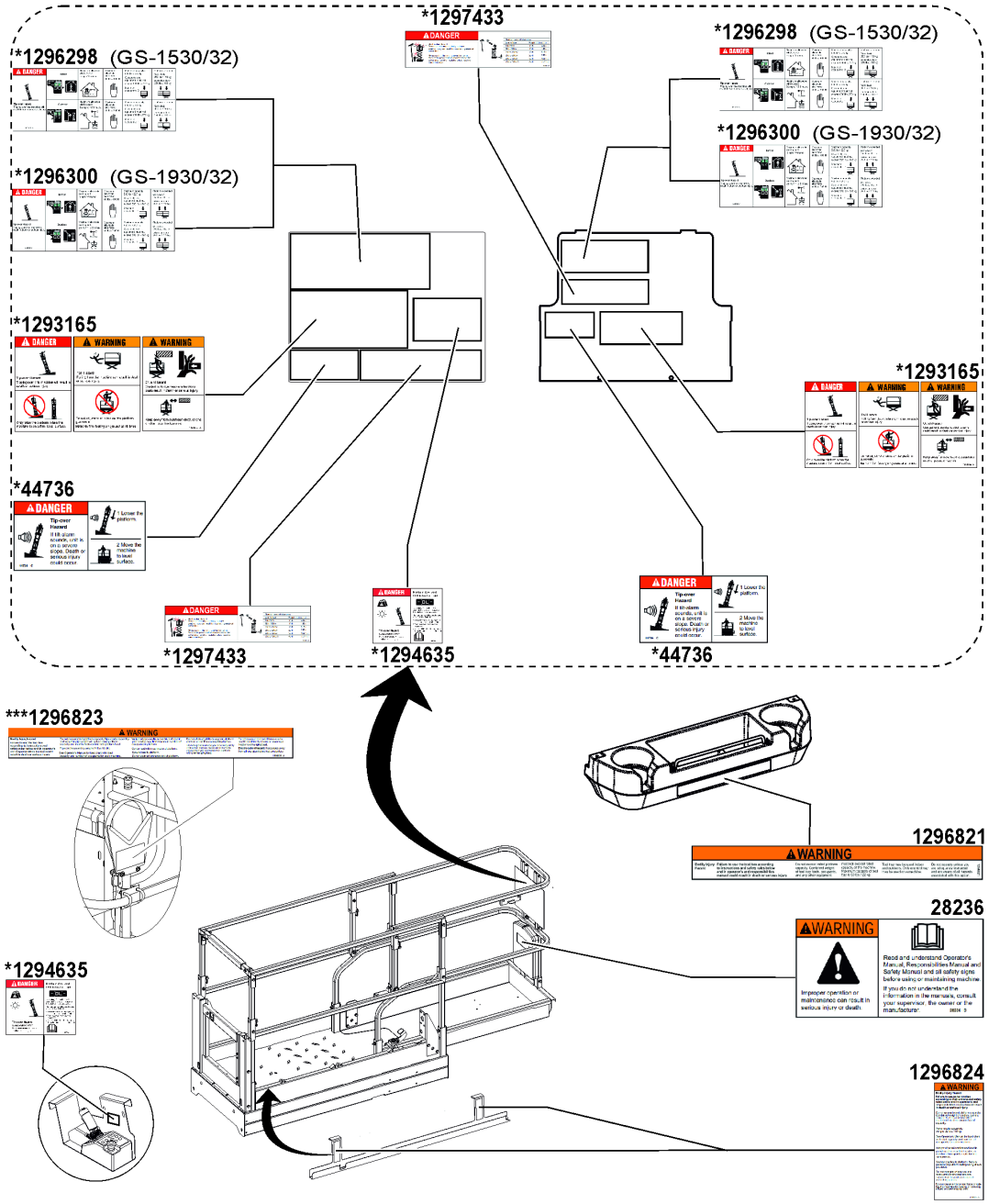
An Toàn Chung

GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH



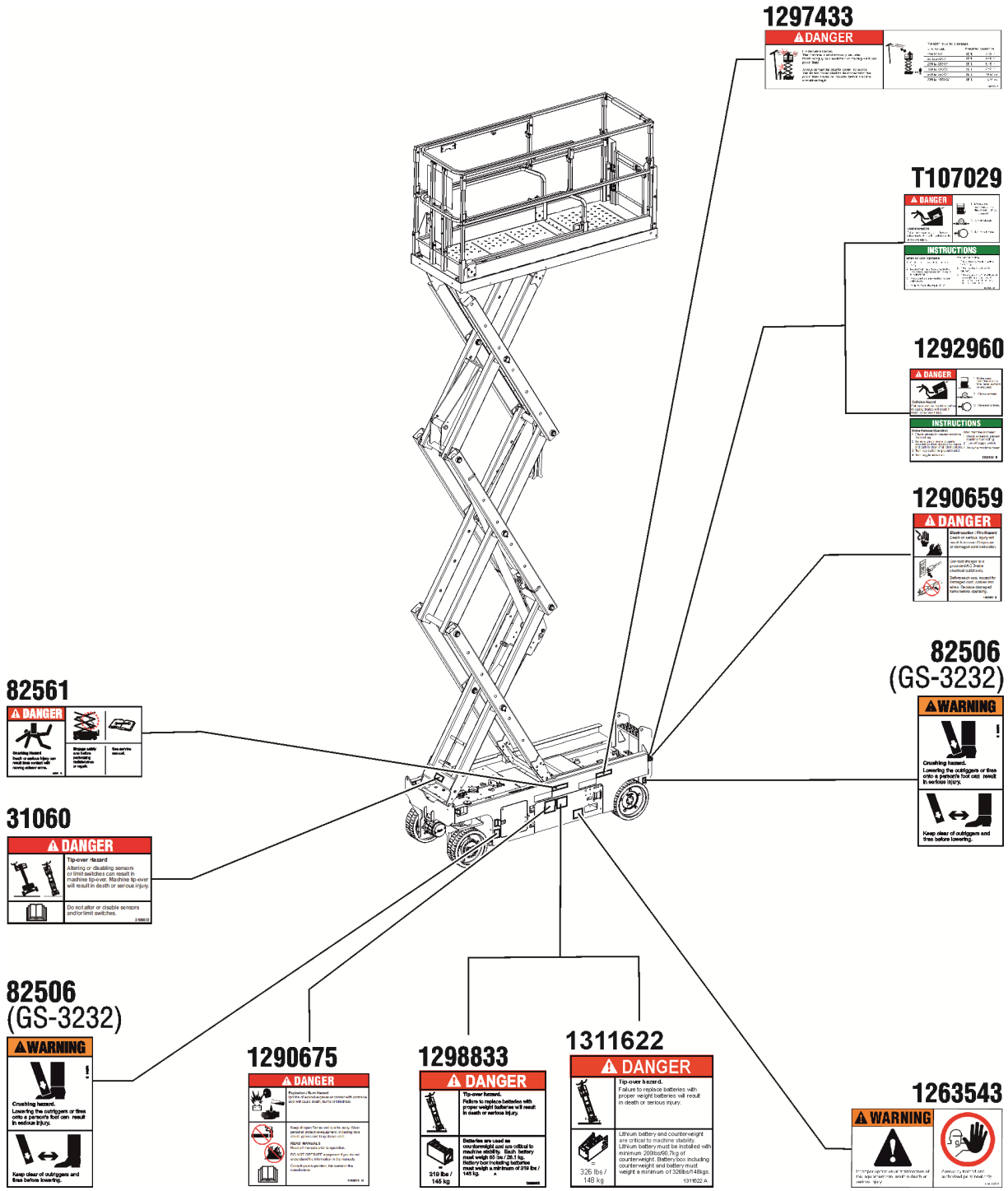
An Toàn Chung

GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH



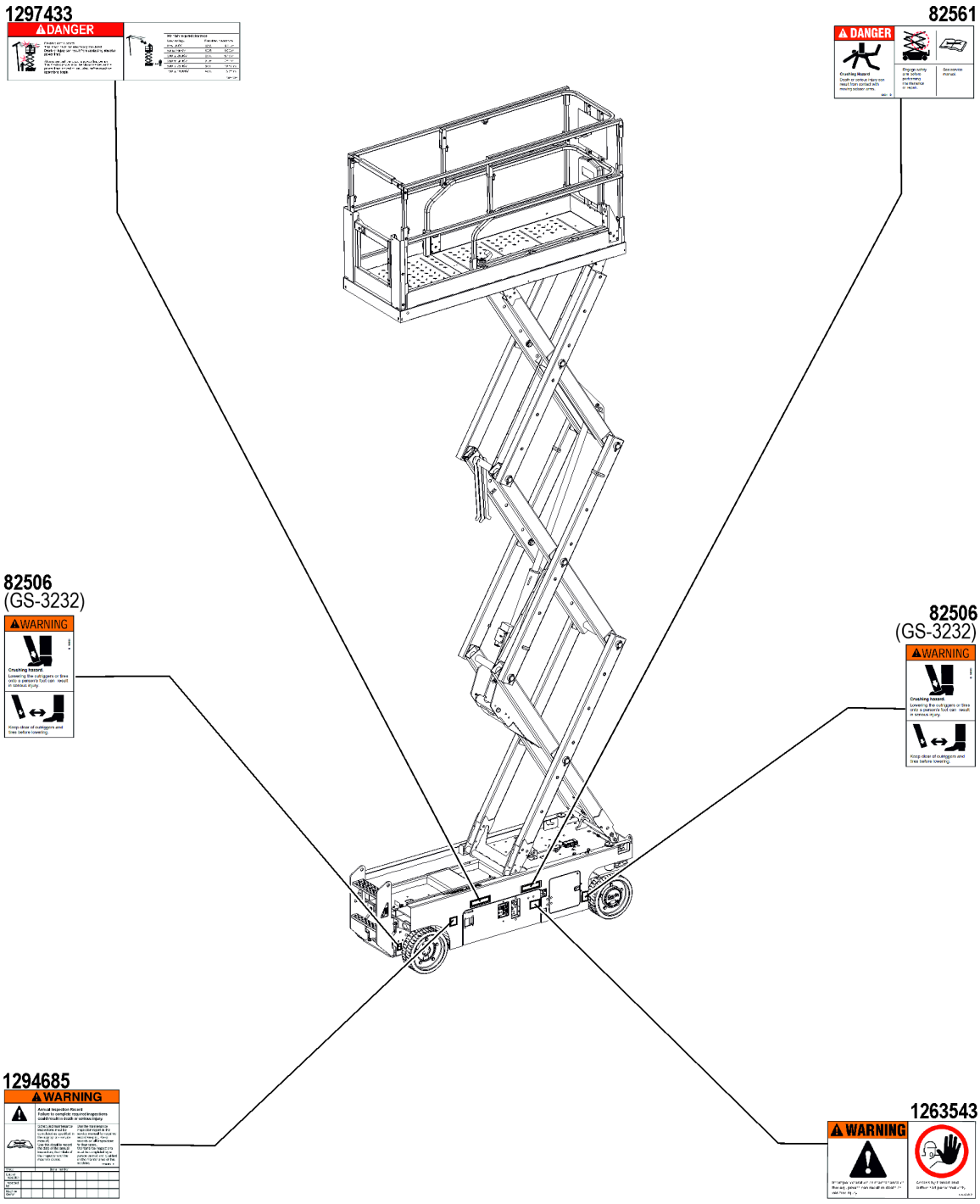
An Toàn Chung

GS-2032, GS-2632, GS-3232



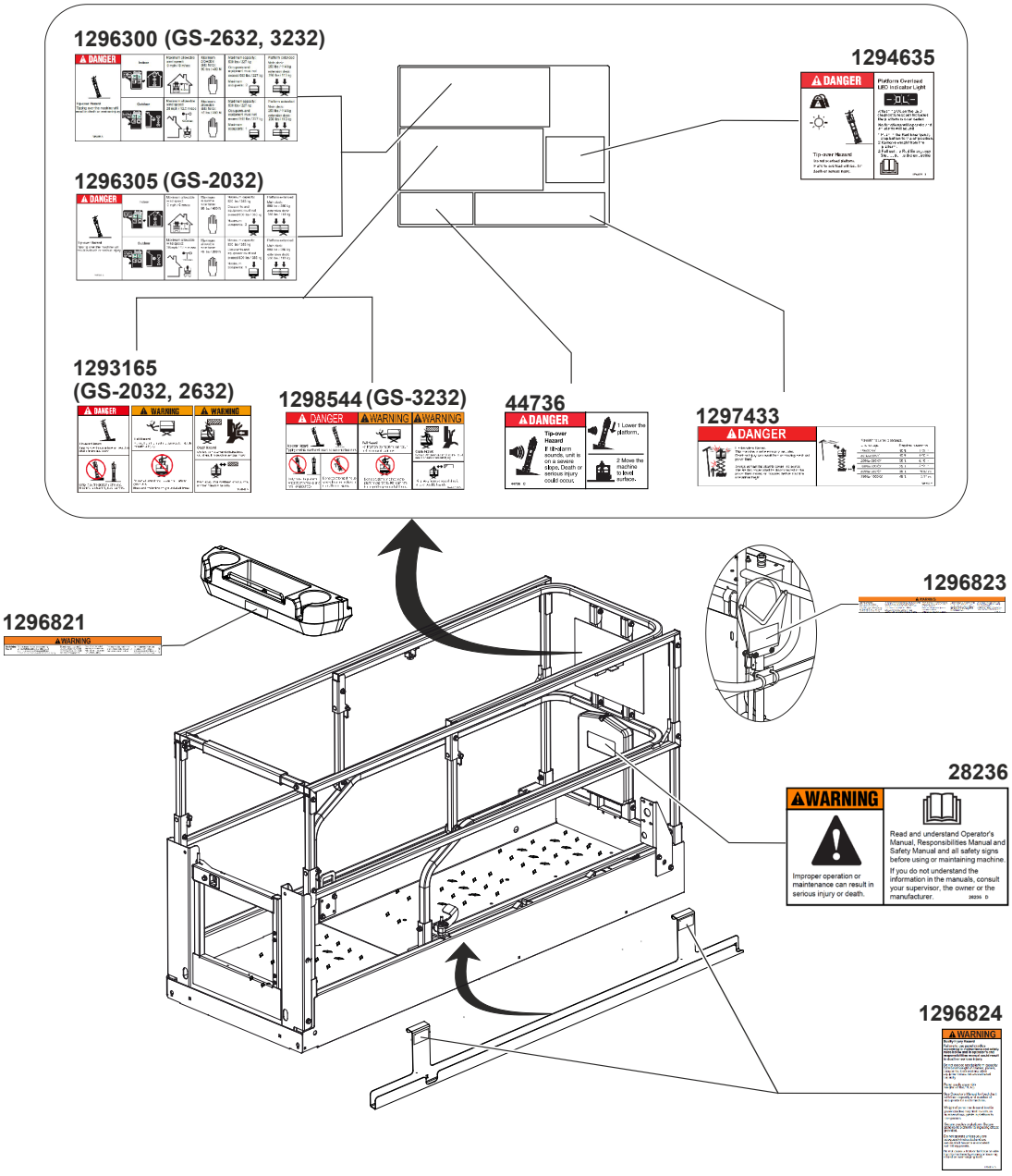
An Toàn Chung

GS-2032, GS-2632, GS-3232



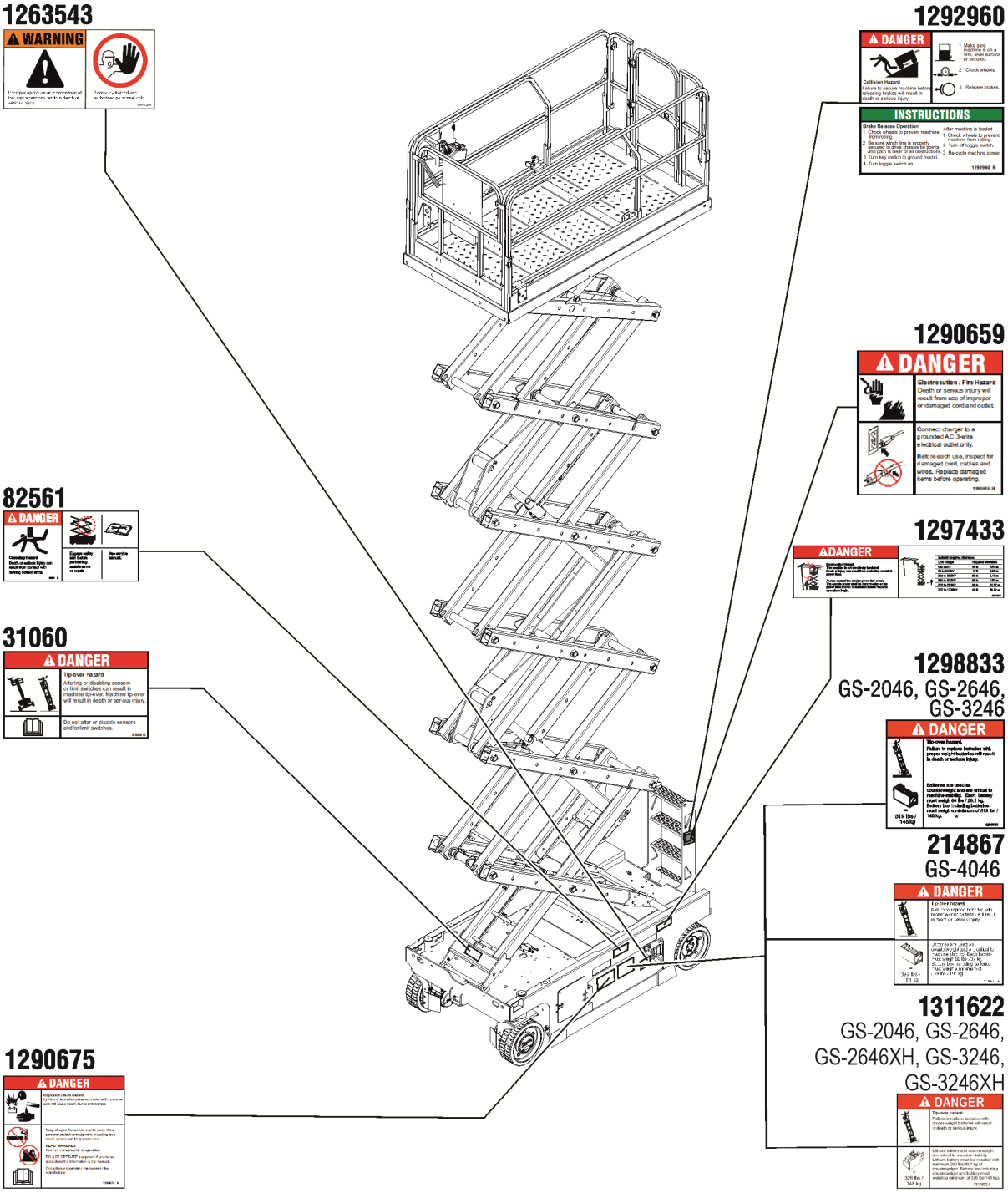
An Toàn Chung

GS-2032, GS-2632, GS-3232



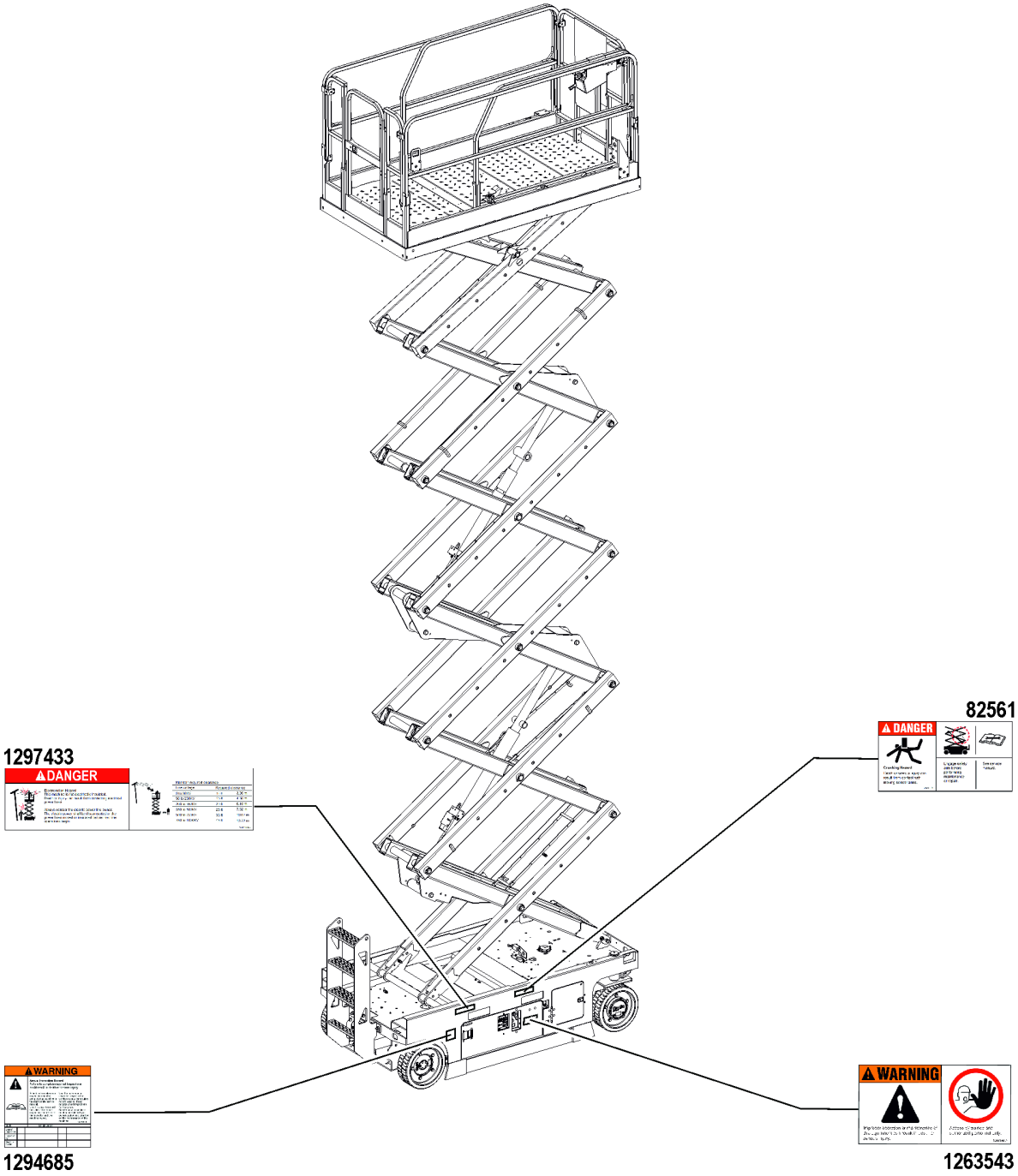
An Toàn Chung

GS-2046, GS-2646, GS-2646XH, GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046



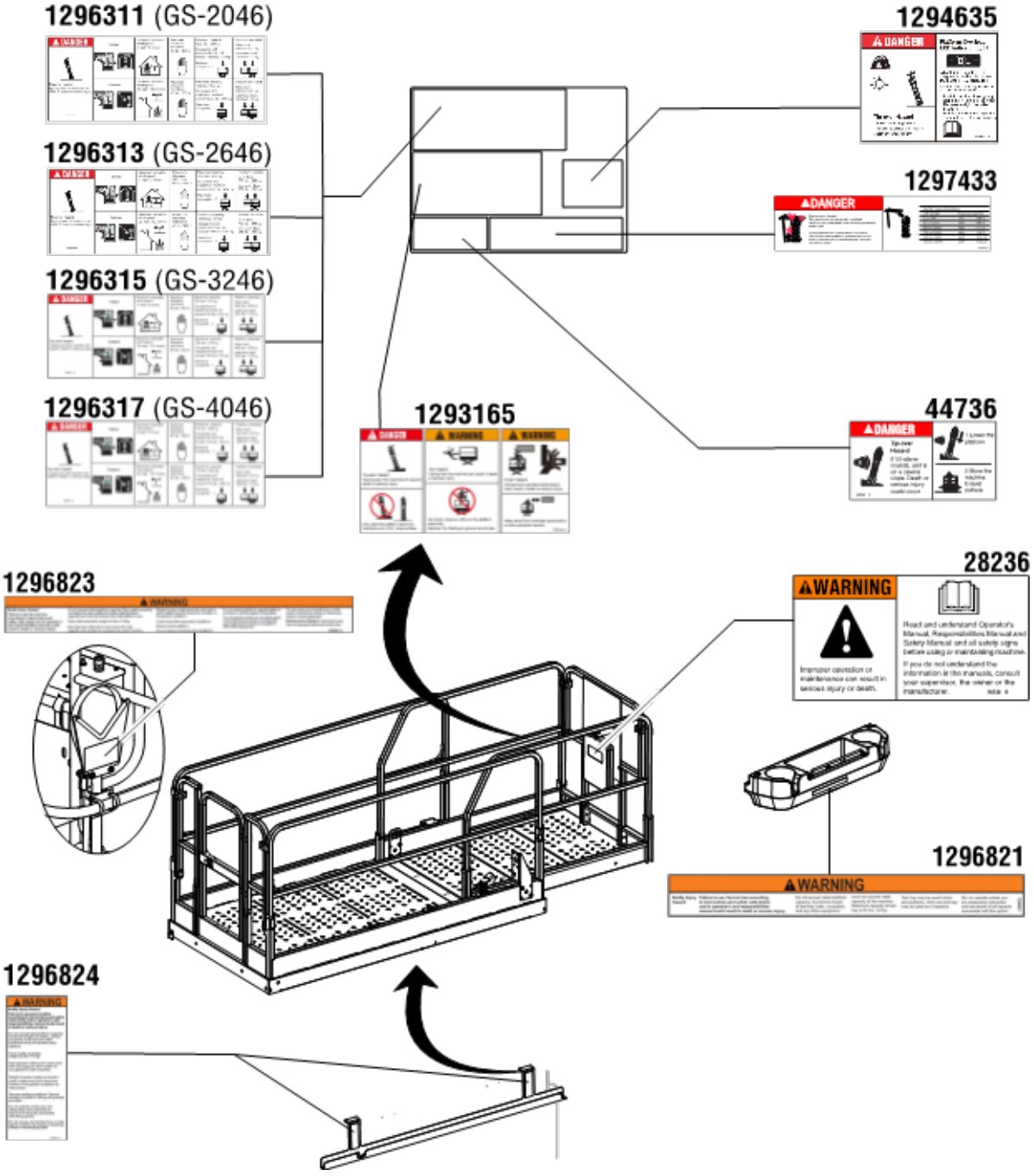
An Toàn Chung

GS-2046, GS-2646, GS-2646XH, GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046



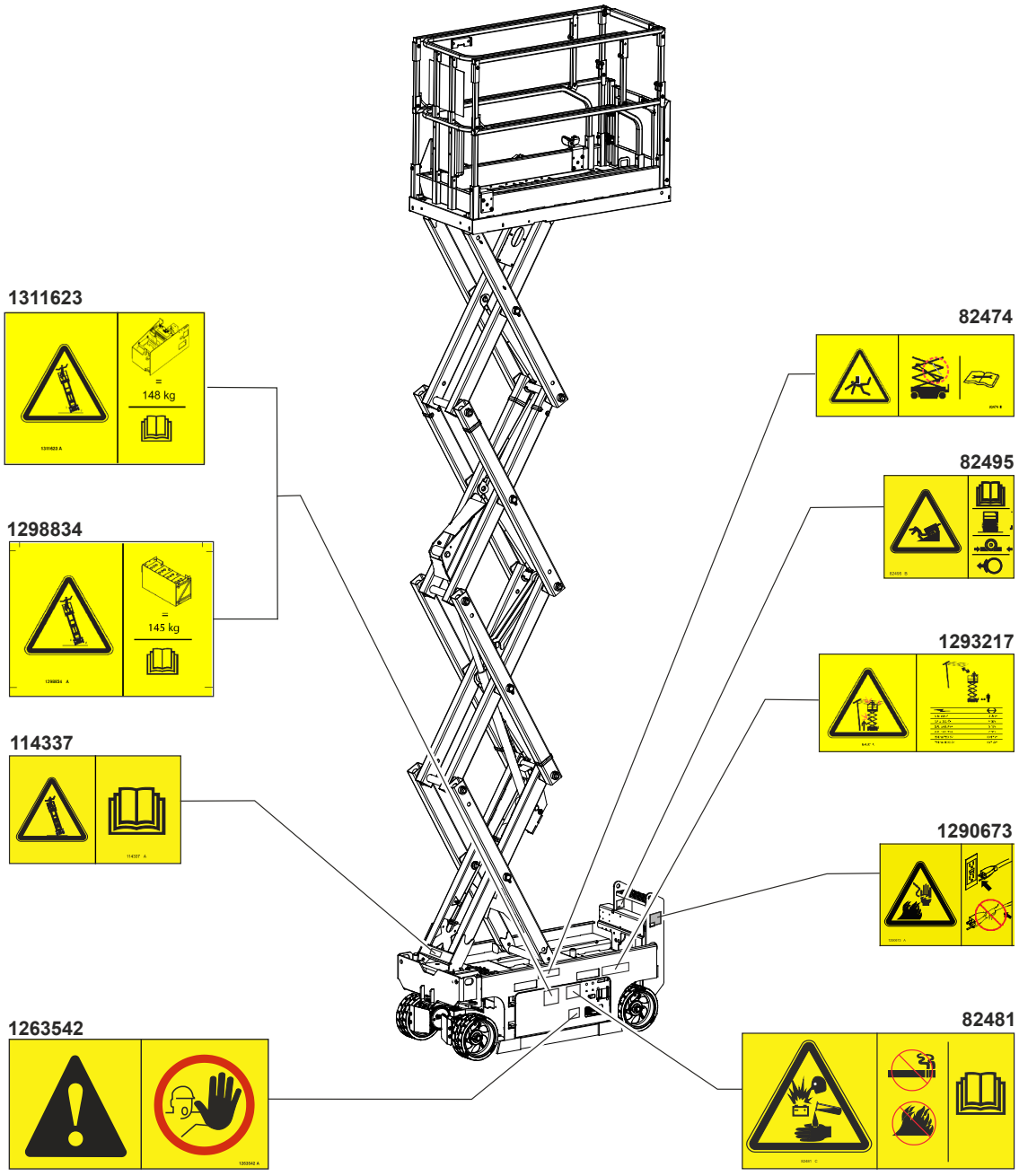
An Toàn Chung

GS-2046, GS-2646, GS-2646XH, GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046



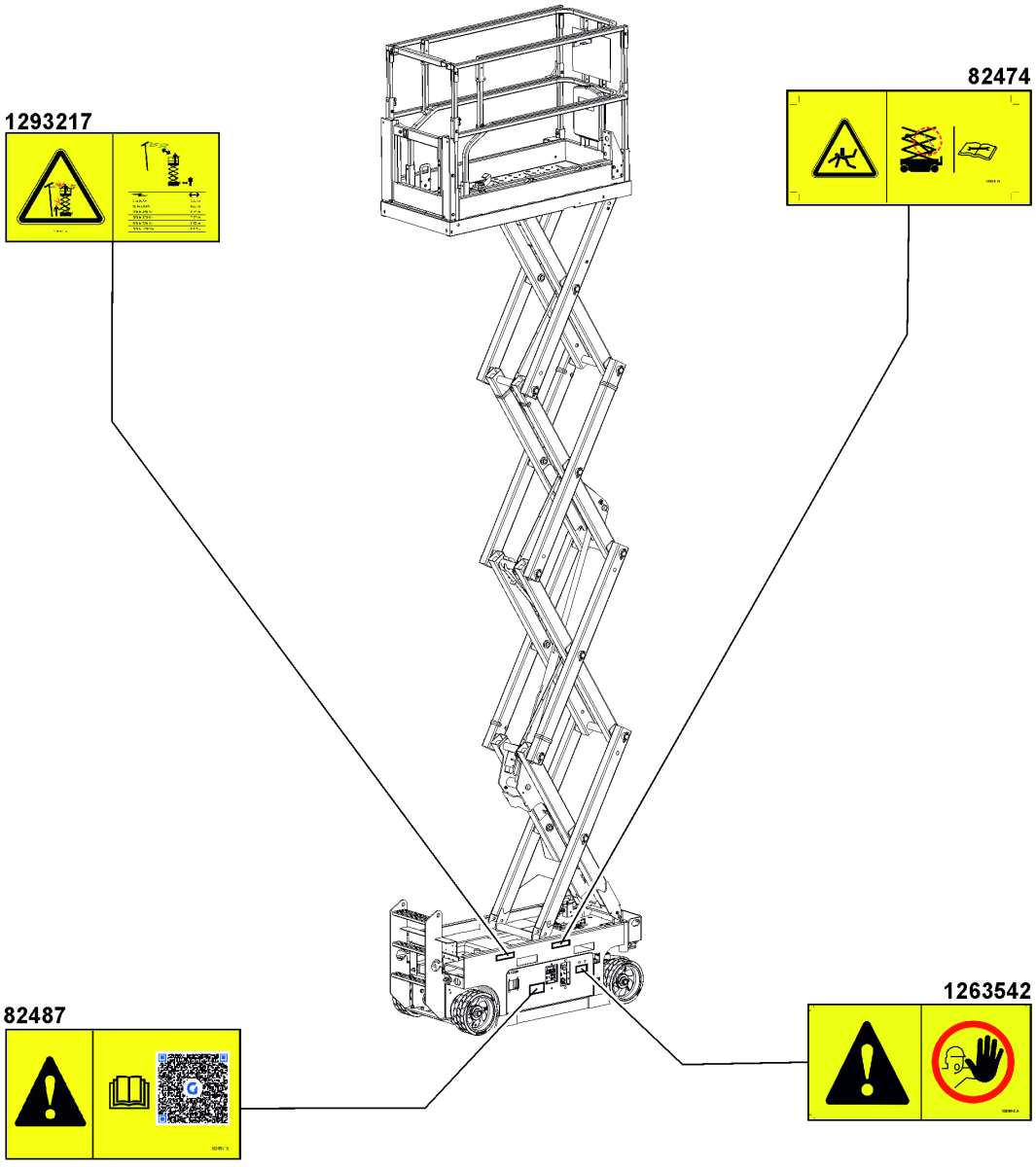
An Toàn Chung

GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH



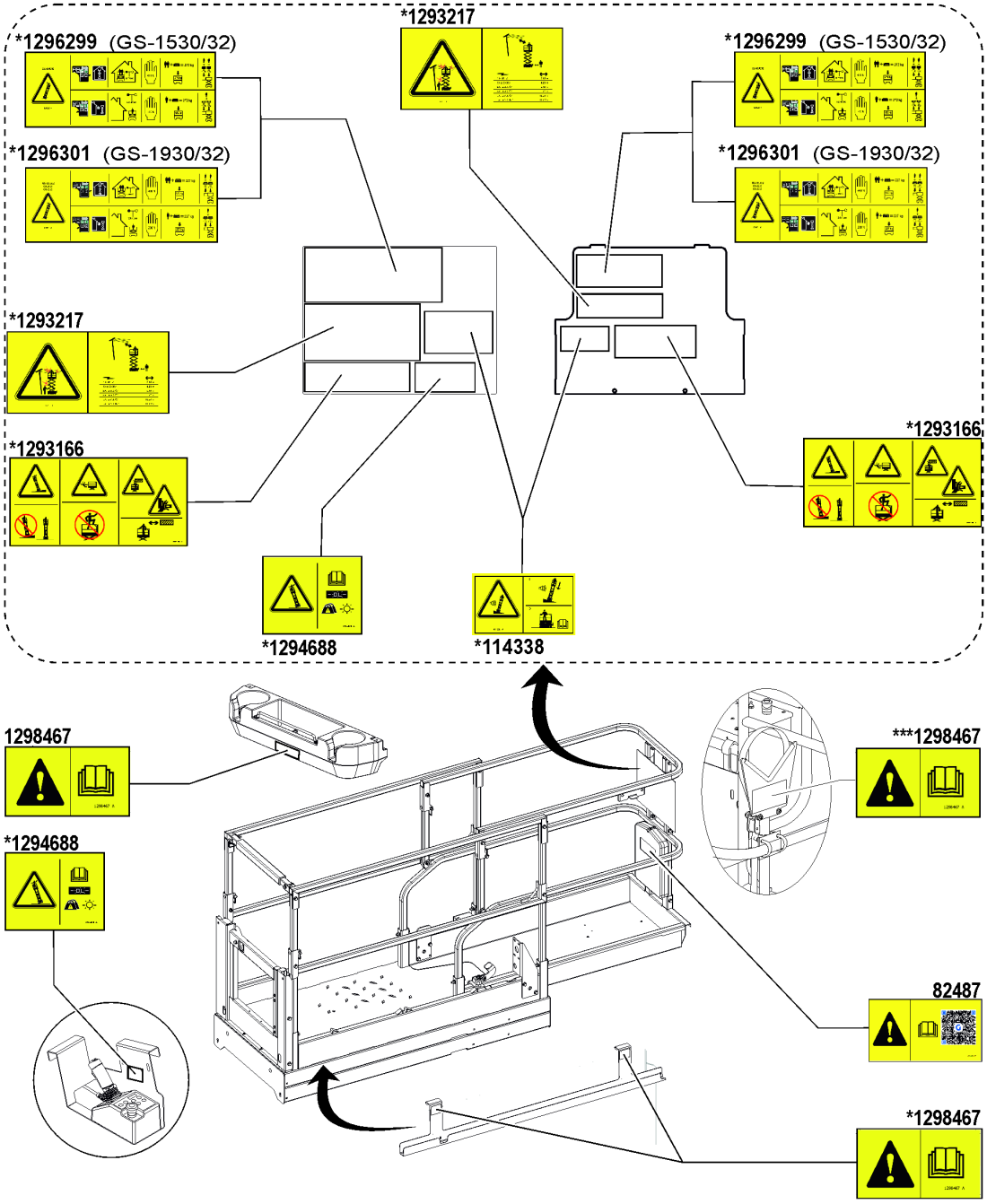
An Toàn Chung

GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH



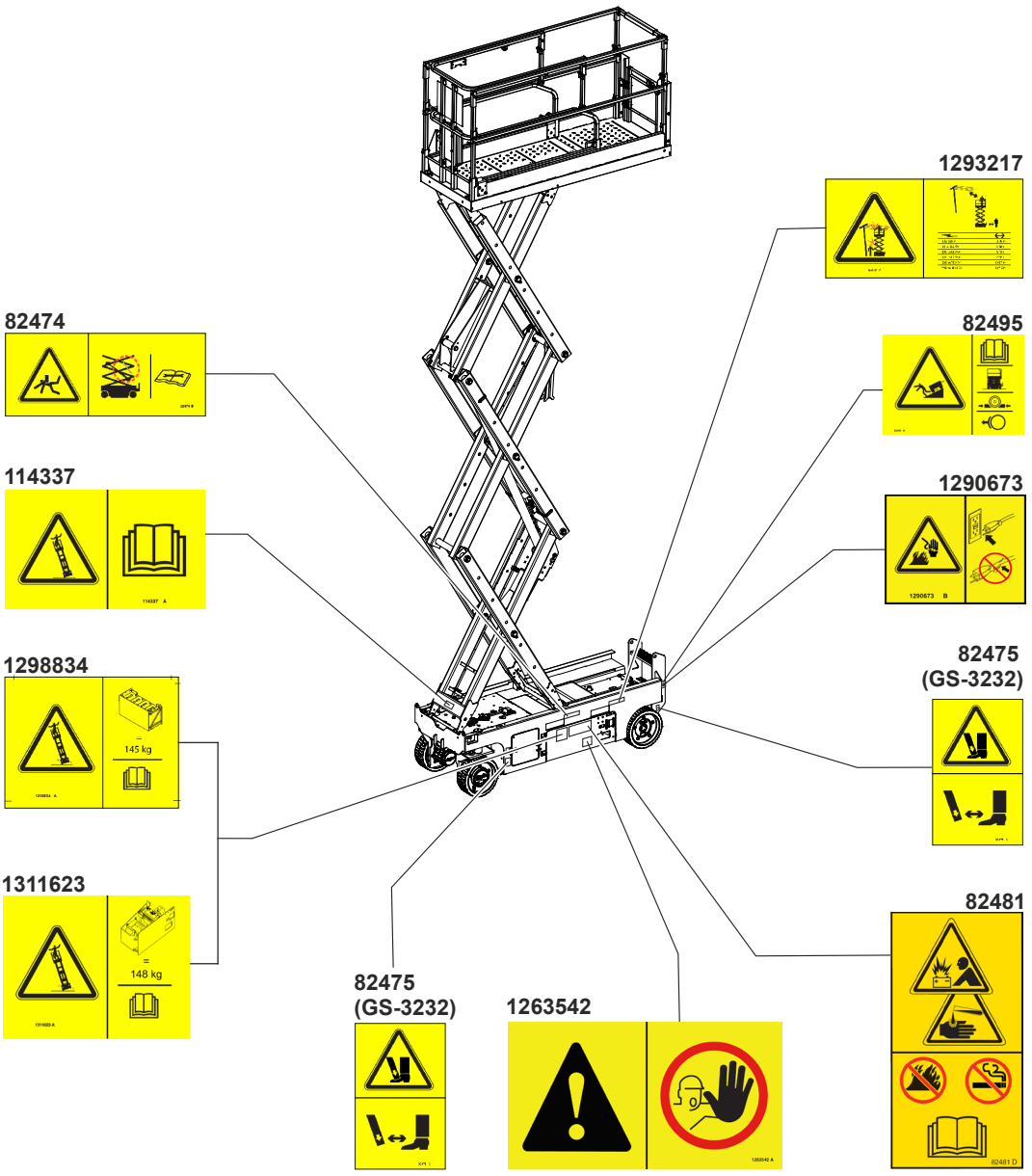
An Toàn Chung

GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH



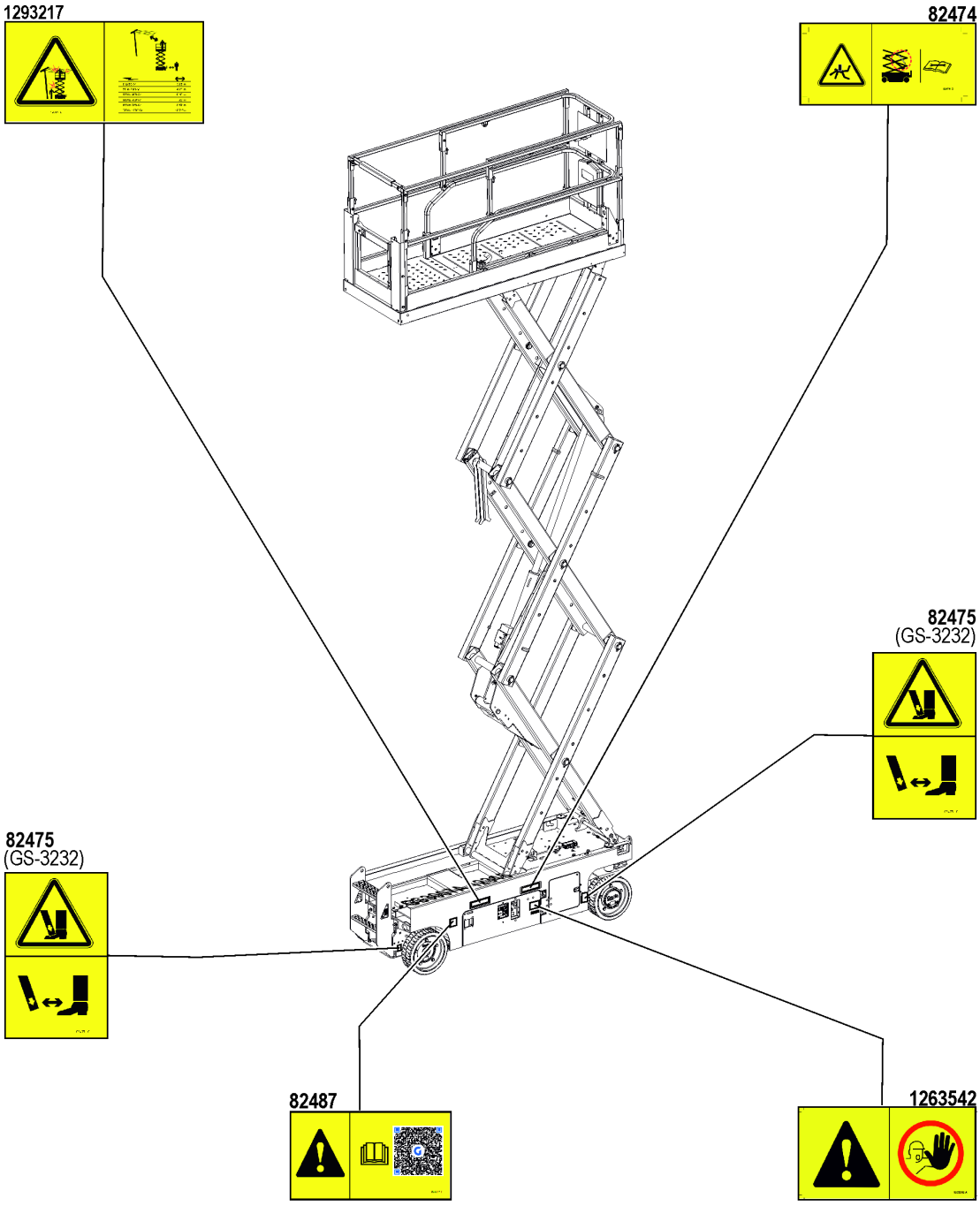
An Toàn Chung

GS-2032, GS-2632, GS-3232



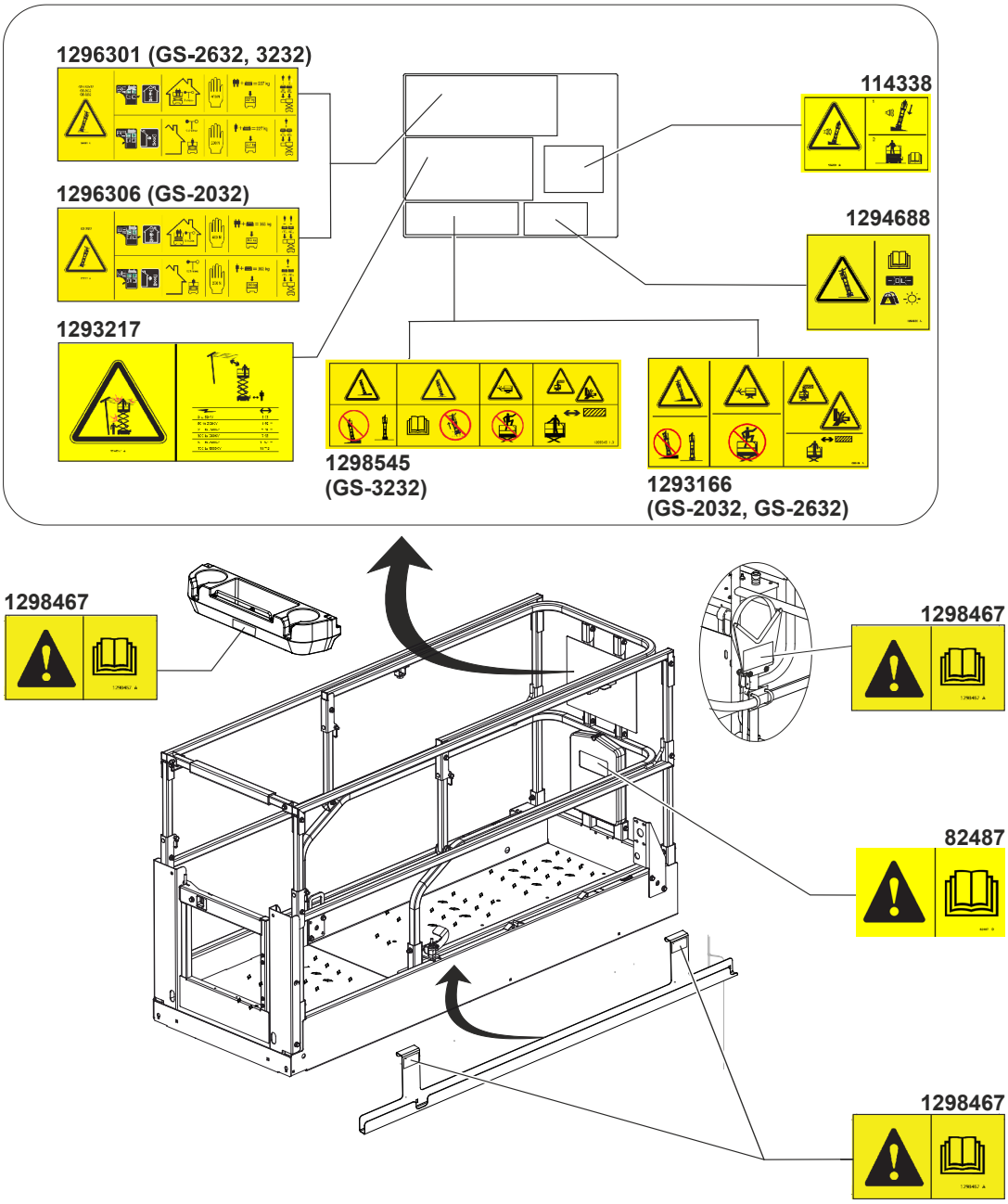
An Toàn Chung

GS-2032, GS-2632, GS-3232



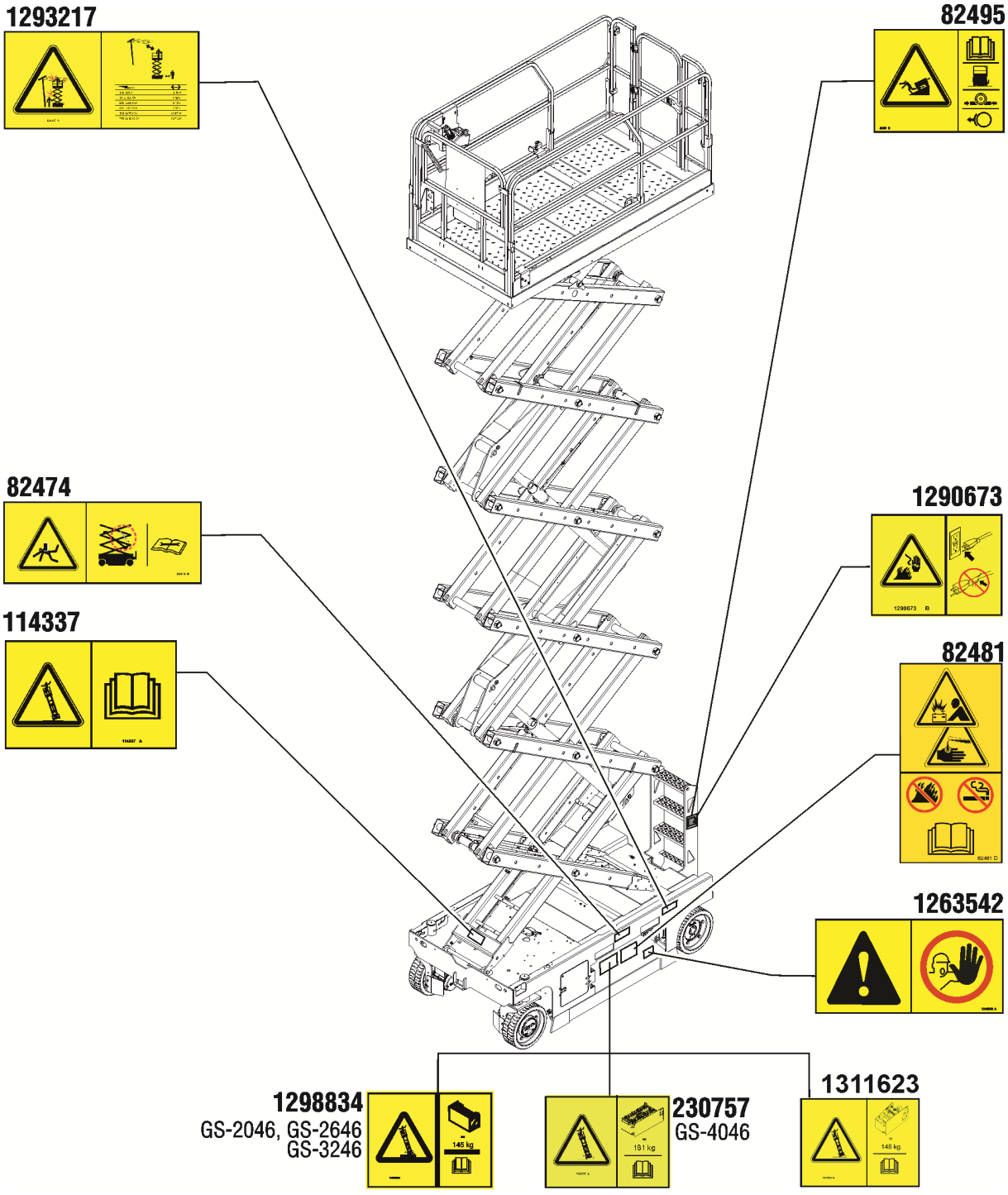
An Toàn Chung

GS-2032, GS-2632, GS-3232



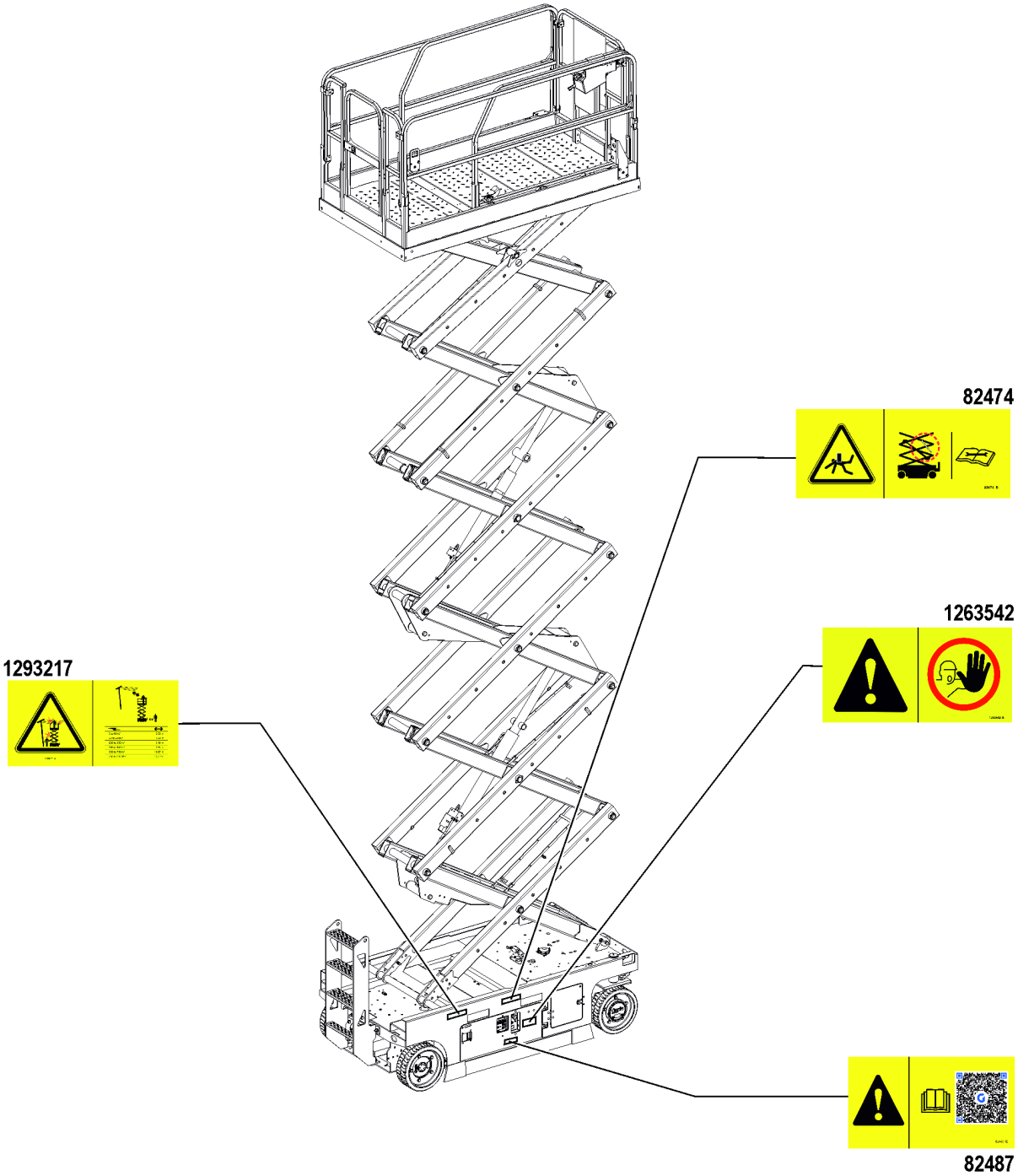
An Toàn Chung

GS-2046, GS-2646, GS-2646XH, GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046



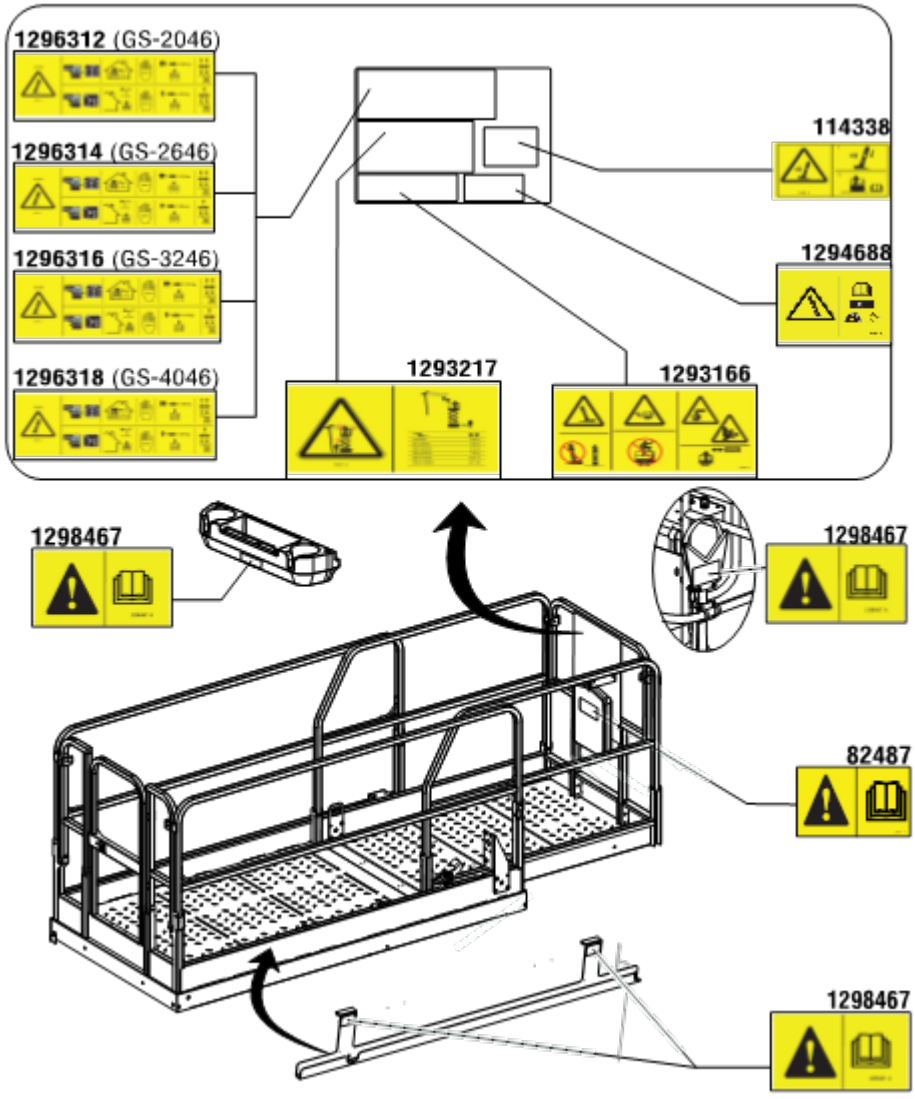
An Toàn Chung

GS-2046, GS-2646, GS-2646XH, GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046



An Toàn Chung

GS-2046, GS-2646, GS-2646XH, GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046



An Toàn Cá Nhân

Bảo Vệ Chống Ngã

Không bắt buộc phải sử dụng thiết bị bảo vệ chống ngã cá nhân (PFPE) khi vận hành máy này. Nếu cần sử dụng PFPE theo quy định của chủ sử dụng lao động hay cơ sở làm việc, cần áp dụng các quy định sau:

Tất cả PFPE phải tuân thủ với các quy định hiện hành của chính phủ, phải được kiểm tra và sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

An Toàn Nơi Làm việc

⚠ Nguy Cơ Điện Giật

Máy này không có khả năng cách điện và sẽ không thể bảo vệ người điều khiển khỏi bị điện giật nếu tiếp xúc hoặc đến gần dòng điện.



Tuân thủ các quy định của chính phủ và địa phương về việc giữ khoảng cách an toàn với đường dây tải điện. Phải đảm bảo giữ khoảng cách tối thiểu bắt buộc có ghi rõ trong biểu đồ bên dưới.

Điện áp Đường dây	Khoảng Cách An Toàn Bắt Buộc	
0 đến 50 KV	10 ft	3,05 m
50 đến 200 KV	15 ft	4,60 m
200 đến 350 KV	20 ft	6,10 m
350 đến 500 KV	25 ft	7,62 m
500 đến 750 KV	35 ft	10,67 m
750 đến 1.000 KV	45 ft	13,72 m

Phải chừa khoảng trống cho khung nâng di chuyển, dây điện đong đưa hoặc chùng và phải lường trước gió mạnh hoặc gió giật.



Tránh xa máy nếu nó tiếp xúc với dây dẫn có điện. Người điều khiển dưới đất hoặc trên khung nâng không được chạm vào hoặc vận hành máy cho đến khi dây dẫn được ngắt điện.

Không được vận hành máy khi có bão hoặc sấm chớp.

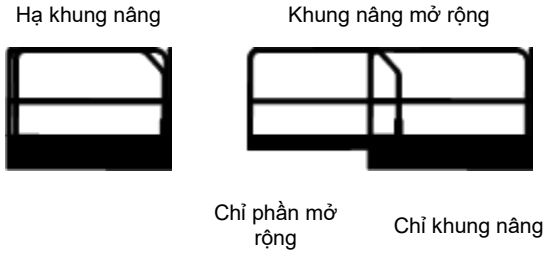
Không được dùng máy làm sàn đỡ để hàn.

⚠ Nguy Cơ Lật

Số người trên khung nâng, thiết bị và vật liệu không được vượt quá tải trọng tối đa của khung nâng hoặc tải trọng tối đa của khung nâng trong phần mở rộng khung nâng.

Tải trọng tối đa

		Khung nâng mở rộng		
Kiểu máy	**Hạ khung nâng**	**Chỉ khung nâng**	**Chỉ phần mở rộng**	**Số người tối đa**
GS-1530	600 lbs 272 kg	350 lbs 159 kg	250 lbs 113 kg	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-1532	600 lbs 272 kg	350 lbs 159 kg	250 lbs 113 kg	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-1930	500 lbs 227 kg	250 lbs 113 kg	250 lbs 113 kg	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-1932, **GS-1932 XH**	500 lbs 227 kg	250 lbs 113 kg	250 lbs 113 kg	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-2032	800 lbs 363 kg	550 lbs 250 kg	250 lbs 113 kg	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-2632	500 lbs 227 kg	250 lbs 113 kg	250 lbs 113 kg	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-3232	500 lbs 227 kg	250 lbs 113 kg	250 lbs 113 kg	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-2046	1.200 lbs 544 kg	950 lbs 431 kg	250 lbs 113 kg	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-2646, **GS-2646 XH**	1.000 lbs 454 kg	750 lbs 340 kg	250 lbs 113 kg	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-3246 **GS-3246 XH**	700 lbs 318 kg	450 lbs 204 kg	250 lbs 113 kg	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-4046	770 lbs 350 kg	520 lbs 236 kg	250 lbs 113 kg	Trong nhà – 3 Ngoài trời – 1



An Toàn Nơi Làm việc

Trọng lượng của các linh kiện và phụ kiện, như giàn tải tấm, sẽ làm giảm khả năng chịu tải tiêu chuẩn của khung nâng và cần phải trừ bớt trọng lượng của các linh phụ kiện này vào khả năng chịu tải của khung nâng. Xem các nhãn dán trên linh kiện và phụ kiện.

Khi sử dụng các phụ kiện, hãy đọc, nắm rõ và tuân theo các nhãn dán và hướng dẫn kèm theo phụ kiện.



Không được nâng khung nâng trừ khi máy đang nằm trên bề mặt vững chắc, bằng phẳng.



Không được dựa vào còi báo nghiêng như một chỉ báo cân bằng. Còi báo nghiêng trên khung lái sẽ chỉ reo khi máy bị nghiêng quá mức.

Nếu còi báo nghiêng reo:
Hạ khung nâng. Di chuyển máy đến một bề mặt bằng phẳng, chắc chắn hơn. Nếu còi báo nghiêng reo khi khung nâng đang ở trị trí nâng cao, hãy hết sức thận trọng khi hạ khung nâng.

Không lái xe quá 0,5 dặm/giờ/0,8 km/giờ khi nâng khung nâng.

Tuân thủ định mức về lực tay cho phép và số người trên khung nâng được thể hiện bên dưới.

Không nâng khung nâng khi tốc độ gió vượt quá 28 dặm/giờ/12,5 m/giây. Nếu tốc độ gió vượt quá 28 dặm/giờ/12,5 m/giây khi nâng khung nâng, hãy hạ khung nâng xuống và dừng vận hành máy.

Sử dụng ngoài trời: Không được vận hành máy ngoài trời khi chọn nút sử dụng trong nhà.

An Toàn Nơi Làm việc



Không được vận hành máy trong điều kiện có gió mạnh hoặc giông bão. Không được tăng diện tích bề mặt khung nâng hoặc tải trọng. Tăng diện tích bề mặt tiếp gió của máy sẽ làm giảm độ ổn định của máy.



Điều khiển máy thật cẩn thận và với tốc độ chậm khi lái máy trong tư thế xếp gọn băng qua địa hình không bằng phẳng, có nhiều mảnh vỡ vôi gạch, các bề mặt không ổn định hoặc trơn trượt cũng như gần hố và chỗ dốc.

Không được lái máy trên hoặc gần địa hình không bằng phẳng, các bề mặt không chắc chắn hoặc những vị trí nguy hiểm khác khi đang nâng khung nâng.

Không được dùng máy làm cần cẩu.

Không được dùng khung nâng để đẩy máy hoặc những vật khác.

Không được để khung nâng tiếp xúc với các công trình lân cận.

Không được neo giữ khung nâng vào các công trình lân cận.

Không được chất tải bên ngoài chu vi khung nâng.

Không được vận hành máy khi khay khung lái mở.



Không được đẩy ra hay kéo vào bất kỳ vật thể nào nằm ngoài khung nâng.

Kiểu máy	Lực tay tối đa cho phép	Số người tối đa
GS-1530	Trong nhà – 90 lbs/400N Ngoài trời – 45 lbs/200 N	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-1532	Trong nhà – 90 lbs/400N Ngoài trời – 45 lbs/200 N	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-1930	Trong nhà – 90 lbs/400N Ngoài trời – 45 lbs/200 N	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-1932, GS-1932 XH	Trong nhà – 90 lbs/400N Ngoài trời – 45 lbs/200 N	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-2032	Trong nhà – 90 lbs/400N Ngoài trời – 45 lbs/200 N	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-2632	Trong nhà – 90 lbs/400N Ngoài trời – 45 lbs/200 N	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-3232	Trong nhà – 90 lbs/400N Ngoài trời – 45 lbs/200 N	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-2046	Trong nhà – 90 lbs/400N Ngoài trời – 45 lbs/200 N	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-2646, GS-2646 XH	Trong nhà – 90 lbs/400N Ngoài trời – 45 lbs/200 N	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-3246, GS-3246 XH	Trong nhà – 90 lbs/400N Ngoài trời – 45 lbs/200 N	Trong nhà – 2 Ngoài trời – 1
GS-4046	Trong nhà – 90 lbs/400N Ngoài trời – 45 lbs/200 N	Trong nhà – 3 Ngoài trời – 1

Không được thay đổi hoặc vô hiệu hóa các công tắc giới hạn.

Không được thay đổi hoặc vô hiệu hóa các bộ phận máy có thể ảnh hưởng đến sự an toàn và ổn định.

Không được thay thế những bộ phận quan trọng cần thiết cho sự ổn định của máy bằng những bộ phận có khác biệt về trọng lượng hoặc đặc điểm kỹ thuật.

An Toàn Nơi Làm việc

Không sử dụng ắc-quy có trọng lượng nhỏ hơn thiết bị chính. Ắc-quy được sử dụng làm đối trọng và rất quan trọng đối với sự ổn định của máy. Mỗi ắc-quy phải có trọng lượng tối thiểu là 62 lbs/28,1 kg. Khay đựng ắc-quy phải có trọng lượng tối thiểu là 319 lbs/145 kg khi chứa ắc-quy.

Đối với các máy GS-4046, mỗi ắc-quy phải có trọng lượng tối thiểu là 82 lbs/37 kg. Khay đựng ắc-quy phải có trọng lượng tối thiểu là 399 lbs/181 kg khi chứa ắc-quy.

Đối với Tùy Chọn Ắc-quy Lithium, ắc-quy phải có trọng lượng tối thiểu là 45 lbs/21 kg. Hộp ắc-quy bao gồm đối trọng và ắc-quy phải có trọng lượng tối thiểu là 326lbs/148 kg.

Không được điều chỉnh hoặc thay đổi khung nâng làm việc trên cao di động nếu không có giấy phép trước của nhà sản xuất. Việc gắn thêm các phụ kiện để cố định dụng cụ hoặc những vật liệu khác lên khung nâng, rào bảo vệ hoặc hệ thống thanh chắn bảo vệ có thể làm tăng trọng lượng bên trong khung nâng và trên diện tích bề mặt của khung nâng hoặc tải trọng.



Không được đặt hoặc gắn cố định hoặc treo lơ lửng các khối tải trọng vào bất kỳ bộ phận nào của máy.



Không được đặt thang hoặc giàn giáo bên trong khung nâng hoặc lên bất cứ bộ phận nào của máy này.

Không được vận chuyển dụng cụ và vật liệu trừ khi chúng được sắp xếp gọn gàng và có người ở bên trong khung nâng bảo quản an toàn.

Không được sử dụng máy trên một bề mặt đang dịch chuyển, di động hoặc trên xe.

Phải bảo đảm tất cả bánh xe đều ở trong tình trạng tốt, các đai ốc được siết chặt đúng cách và các chốt hãm được lắp đúng cách.

Nếu được trang bị dầm chìa

Không được thiết đặt máy ở nơi không thể cân bằng bằng cách chỉ sử dụng dầm chìa.

Không điều chỉnh dầm chìa khi khung nâng được nâng lên.

Không lái xe khi dầm chìa được hạ xuống.

⚠ Nguy Cơ Bị Nghiến

Giữ tay và chân tránh xa phần khung gập.

Giữ tay tránh xa khi các ray đang gập.

Không làm việc bên dưới khung nâng hoặc trong các điểm nối khung gập khi không có cần an toàn.

Sử dụng kinh nghiệm và lập kế hoạch khi vận hành máy bằng bộ điều khiển dưới đất. Duy trì khoảng cách an toàn giữa người vận hành, máy và các vật cố định.

An Toàn Nơi Làm việc

⚠ Nguy cơ Vận Hành trên Bề Mặt Dốc

Không được lái máy trên mặt dốc vượt quá độ dốc và dốc nghiêng cho phép ghi trên máy. Độ dốc cho phép áp dụng cho máy ở tình trạng xếp gọn.

Kiểu máy	Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn	Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn
GS-1530	30% (16,7°)	30% (16,7°)
GS-1930	25% (14°)	25% (14°)
GS-1932, GS-1932 XH	25% (14°)	25% (14°)
GS-2032	30% (16,7°)	30% (16,7°)
GS-2632	25% (14°)	25% (14°)
GS-3232	25% (14°)	25% (14°)
GS-2046	30% (16,7°)	30% (16,7°)
GS-2646, GS-2646 XH	30% (16,7°)	30% (16,7°)
GS-3246, GS-3246 XH	25% (14°)	25% (14°)
GS-4046	25% (14°)	25% (14°)

Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép. Xem phần Lái trên Bề Mặt Dốc trong phần Hướng Dẫn Vận Hành.

⚠ Nguy Cơ Té Ngã

Hệ thống thanh chắn bảo vệ giúp bảo vệ chống ngã. Nếu (những) người trên khung nâng cần đeo thiết bị bảo vệ chống ngã cá nhân (PFPE) theo quy định của chủ sử dụng lao động hoặc cơ sở làm việc, thì PFPE và việc sử dụng chúng phải tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất PFPE và yêu cầu hiện hành của chính phủ. Sử dụng điểm móc dây neo được phê duyệt.



Không được ngồi, đứng hoặc leo lên ray an toàn của khung nâng. Phải luôn giữ tư thế đứng vững trên sàn khung nâng.



Không được leo xuống khi khung nâng ở trên cao.

Giữ cho sàn khung nâng sạch sẽ không có mảnh vụn.

Đóng cửa lối vào trước khi vận hành.

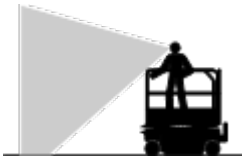
Không được vận hành máy trừ khi các thanh chắn bảo vệ được lắp đặt đúng cách và lối vào an toàn để vận hành.

Không được vào hoặc ra khỏi khung nâng trừ khi máy đang ở tình trạng xếp gọn.

Các nguy cơ liên quan đến ứng dụng sản phẩm cụ thể của việc thoát ra từ trên cao đã được xem xét trong thiết kế của máy, để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với Genie (xem phần Liên hệ với nhà sản xuất).

An Toàn Nơi Làm việc

⚠ Nguy Cơ Va Chạm



Phải biết về cự ly tầm nhìn bị hạn chế và những điểm mù khi lái hoặc vận hành máy.

Chú ý đến vị trí khung nâng mở rộng khi di chuyển máy.

Máy phải nằm trên bề mặt phẳng và các bánh xe được chèn hoặc cố định trước khi nhả phanh.

Người vận hành phải tuân theo các quy định của chủ lao động, nơi làm việc và chính quyền về việc sử dụng thiết bị bảo hộ an toàn lao động.



Phải kiểm tra khu vực làm việc để phát hiện các chướng ngại vật trên cao hoặc những nguy cơ khác.



Cẩn trọng nguy cơ bị nghiến khi nắm vào ray bảo vệ khung nâng.

Hãy quan sát và sử dụng các mũi tên chỉ dẫn theo mã màu trên bộ điều khiển khung nâng và nhãn dán trên khung nâng để biết các chức năng lái và điều hướng.



Không hạ khung nâng trừ khi khu vực bên dưới không có người và vật cản.



Giới hạn tốc độ di chuyển phụ thuộc vào bề mặt, độ rắn, độ dốc của mặt đất, vị trí của nhân viên và bất cứ yếu tố nào khác có thể gây ra va chạm.

Không được vận hành máy trên đường đi của bất cứ cần cẩu nào hoặc di chuyển máy trên cao trừ khi bộ điều khiển của cần cẩu đã được khóa và/hoặc thực hện những biện pháp đề phòng để ngăn chặn bất cứ nguy cơ va chạm nào.

Không được lái máy theo kiểu liều lĩnh hoặc đùa giỡn khi đang vận hành máy.

An Toàn Nơi Làm việc

⚠ Nguy Cơ Thương Tổn Cơ Thể

Không được vận hành máy khi có rò rỉ dầu thủy lực hoặc khí đốt. Rò rỉ dầu thủy lực hoặc khí đốt có thể thẩm thấu vào và/hoặc làm bỏng da.

Tiếp xúc không đúng cách với các bộ phận máy có nắp đậy có thể gây thương tật nghiêm trọng. Chỉ có nhân viên bảo trì được đào tạo mới được phép vào khoang máy. Người vận hành chỉ nên tiếp cận khi thực hiện việc kiểm tra trước khi vận hành. Tất cả các khoang máy phải luôn đóng kín và khóa chặt trong khi vận hành.

⚠ Nguy Cơ và Cháy Nổ

Không được vận hành máy hay sạc ắc quy ở những nơi nguy hiểm hoặc những nơi có khí đốt, vật dễ cháy nổ hoặc những hạt nhỏ có khả năng gây cháy nổ.

⚠ Nguy Cơ Hư Hại Máy

Không được sử dụng máy đã bị hư hỏng hoặc hoạt động không bình thường.

Tiến hành kiểm tra toàn diện trước khi vận hành máy và thử nghiệm tất cả các chức năng trước mỗi ca làm việc. Ngay lập tức gắn biển thông báo và cho ngưng hoạt động các máy bị hư hỏng hoặc không hoạt động bình thường.

Bảo đảm rằng tất cả việc bảo trì đã được thực hiện đúng theo phần đặc điểm kỹ thuật trong tài liệu hướng dẫn này và tài liệu hướng dẫn dịch vụ thích hợp của Genie.

Bảo đảm rằng tất cả các nhãn dán nằm đúng chỗ và có thể đọc được.

Hãy đảm bảo luôn có cẩm nang chỉ dẫn an toàn và trách nhiệm của người vận hành máy được biên tập hoàn chỉnh, dễ đọc, để sẵn trong hộp chứa trên khung nâng.

⚠ Nguy Cơ Hư Hỏng Linh Kiện

Không được sử dụng bất kỳ bộ sạc ắc-quy nào có điện thế cao hơn 24 V để sạc ắc-quy.

Không được dùng máy làm sàn đỡ để hàn.

An Toàn Nơi Làm việc

⚠ An Toàn Bình Ắc-quy

Nguy Cơ Bỏng



Các bình ắc quy có axít. Luôn mặc trang phục bảo hộ và đeo kính bảo vệ mắt khi làm việc với bình ắc quy.

Tránh làm đổ hoặc tiếp xúc với axít trong bình ắc quy. Trung hòa axít bị đổ ra ngoài bằng sô-đa pha nước.

Không để ắc-quy hoặc bộ sạc tiếp xúc với nước hoặc nước mưa trong khi sạc.

Nguy Cơ Nổ







Không để ắc quy gần tia lửa, ngọn lửa hoặc mẩu thuốc lá đang cháy. Bình ắc quy tỏa ra khí gây nổ.

Khay ắc-quy phải luôn ở trạng thái mở trong suốt chu trình sạc.

Không được tiếp xúc với các điện cực hoặc kẹp dây điện của bình ắc quy bằng những dụng cụ có thể tạo ra đốm lửa.

Nguy Cơ Hư Hỏng Linh Kiện

Không được sử dụng bất kỳ bộ sạc ắc-quy nào có điện thế cao hơn 24 V để sạc ắc-quy.

Nguy Cơ Điện Giật/Bỏng



Chỉ kết nối bộ sạc ắc-quy với ổ cắm điện AC 3 dây.

Kiểm tra các sợi dây, cáp và dây điện xem có hỏng hóc không hàng ngày. Thay thế các bộ phận hỏng hóc trước khi vận hành.

Tránh bị điện giật khi tiếp xúc với các cực của ắc-quy. Phải tháo tất cả nhẫn, đồng hồ và đồ trang sức khác.

Nguy Cơ Nâng

Sử dụng số lượng người phù hợp và các kỹ thuật nâng phù hợp khi nâng ắc-quy.

Nguy Cơ Lật

Không sử dụng ắc-quy có trọng lượng nhỏ hơn thiết bị chính. Ắc-quy được sử dụng làm đối trọng và rất quan trọng đối với sự ổn định của máy. Mỗi ắc-quy phải có trọng lượng tối thiểu là 62 lbs/28,1 kg. Khay đựng ắc-quy phải có trọng lượng tối thiểu là 319 lbs/145 kg khi chứa ắc-quy.

Đối với các máy GS-4046, mỗi ắc-quy phải có trọng lượng tối thiểu là 82 lbs/37 kg. Khay đựng ắc-quy phải có trọng lượng tối thiểu là 399 lbs/181 kg khi chứa ắc-quy.

Đối với Tùy Chọn Ắc-quy Lithium, ắc-quy phải có trọng lượng tối thiểu là 45 lbs/21 kg. Hộp ắc-quy bao gồm đối trọng và ắc-quy phải có trọng lượng tối thiểu là 326lbs/148 kg.

An Toàn Nơi Làm việc

Khóa Máy Sau Khi Sử dụng

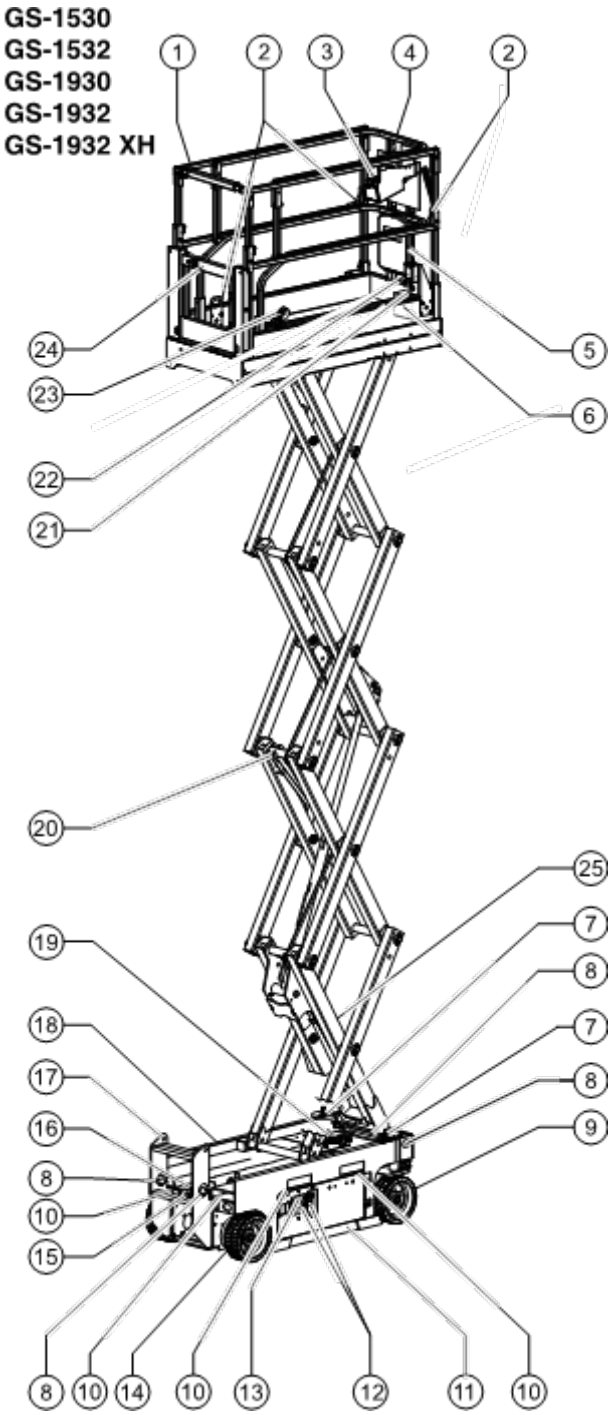
1 Chọn vị trí dừng đỗ máy an toàn—có bề mặt bằng phẳng và vững vàng, không có vật cản và xe cộ lưu thông.

2 Hạ khung nâng.

3 Vặn chìa khóa công tắc về vị trí tắt máy và rút chìa khóa ra để bảo đảm máy không bị sử dụng trái phép.

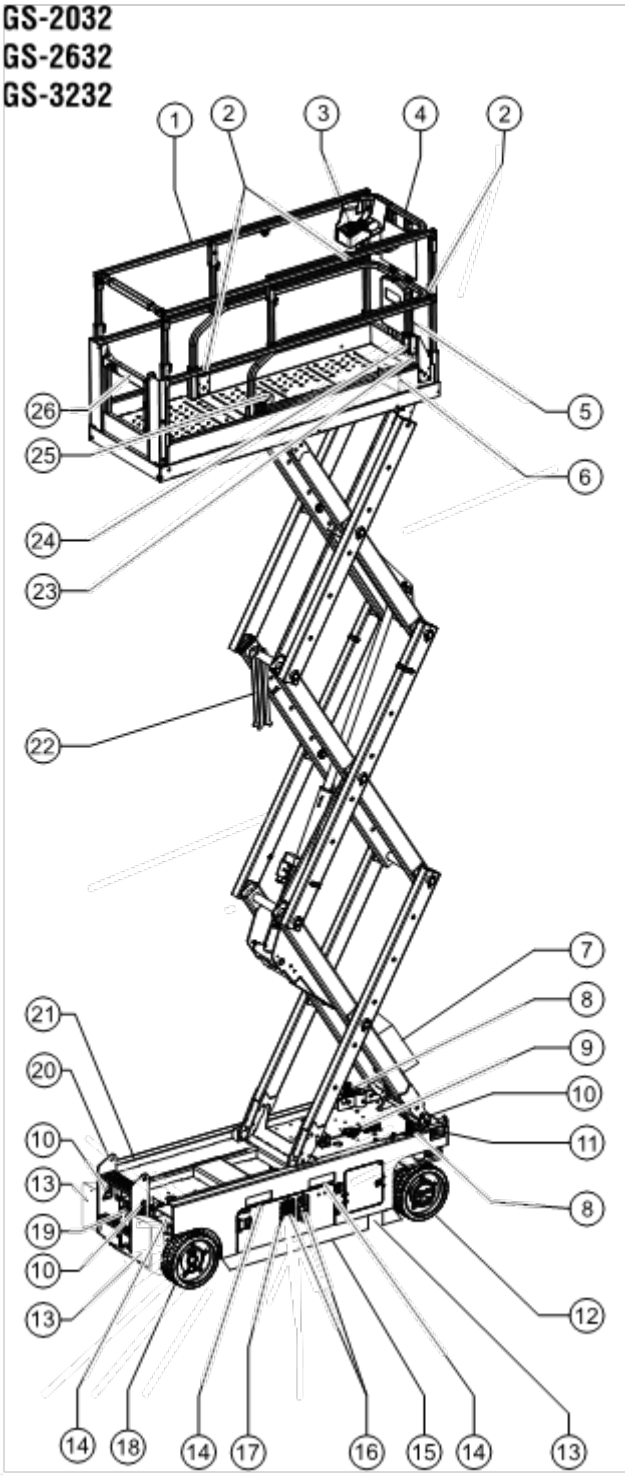
4 Sạc ắc-quy.

Chú giải



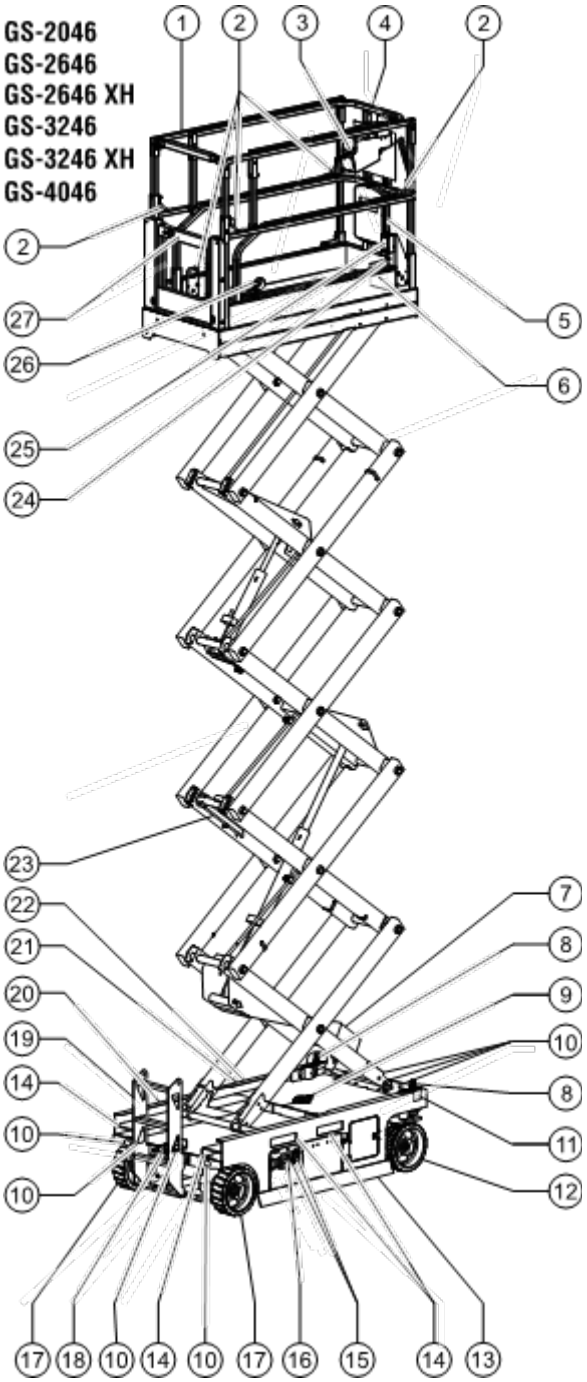
1 Thanh chắn bảo vệ khung nâng
2 Điểm cột dây neo
3 Bộ điều khiển khung nâng
4 Mở rộng khung nâng
5 Ngăn chứa tài liệu hướng dẫn
6 Bàn đạp chân (nếu được trang bị)
7 Đèn hiệu nhấp nháy
8 Neo chốt vận chuyển
9 Bánh xe điều hướng
10 Khoang xe nâng
11 Tấm bảo vệ tránh ổ gà
12 Bộ điều khiển dưới đất
13 Màn hình LCD
14 Bánh xe không điều hướng
15 Nút hạ phụ
16 Bơm nhả phanh (kiểu máy truyền động thủy lực) hoặc Công tắc nhả phanh (kiểu máy truyền động điện)
17 Thang lối vào/neo chốt vận chuyển
18 Bộ sạc ắc-quy (trên phía ắc-quy của máy)
19 Còi báo nghiêng
20 Cần an toàn
21 Đường khí vào khung nâng (tùy chọn)
22 Ổ cắm GFCI
23 Bàn đạp nhả mở rộng khung nâng
24 Cổng vào khung nâng
25 Biến tần (tùy chọn)

Chú giải



1 Thanh chắn bảo vệ khung nâng
2 Điểm cột dây neo
3 Bộ điều khiển khung nâng
4 Mở rộng khung nâng
5 Ngăn chứa tài liệu hướng dẫn
6 Bàn đạp chân (nếu được trang bị)
7 Biến tần (tùy chọn)
8 Đèn hiệu nhấp nháy
9 Còi báo nghiêng
10 Neo chốt vận chuyển
11 Nút hạ phụ
12 Bánh xe điều hướng
13 Dầm chìa (Chỉ với GS-3232)
14 Khoang xe nâng
15 Tấm bảo vệ tránh ổ gà
16 Bộ điều khiển dưới đất
17 Màn hình LCD
18 Bánh xe không điều hướng
19 Bơm nhả phanh (kiểu máy truyền động thủy lực) hoặc Công tắc nhả phanh (kiểu máy truyền động điện)
20 Thang lối vào/neo chốt vận chuyển
21 Bộ sạc ắc-quy (trên phía ắc-quy của máy)
22 Cần an toàn
23 Đường khí vào khung nâng (tùy chọn)
24 Ổ cắm GFCI
25 Bàn đạp nhả mở rộng khung nâng
26 Cổng vào khung nâng

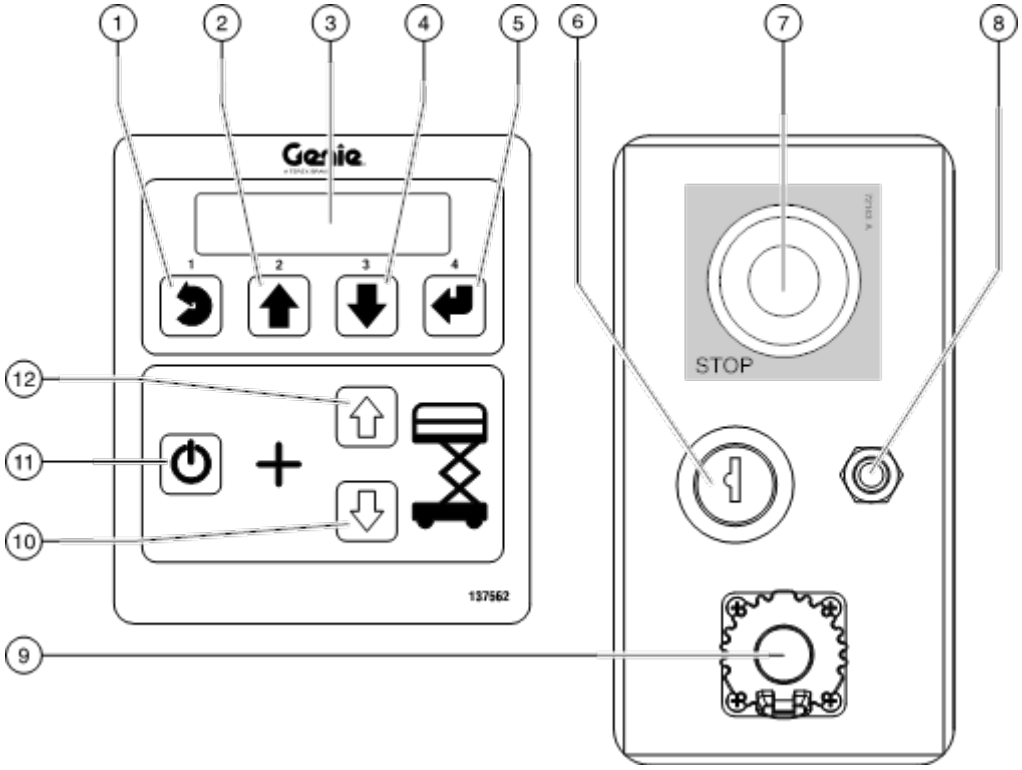
Chú giải



1 Thanh chắn bảo vệ khung nâng
2 Điểm cột dây neo
3 Bộ điều khiển khung nâng
4 Mở rộng khung nâng
5 Ngăn chứa tài liệu hướng dẫn
6 Bàn đạp chân (nếu được trang bị)
7 Biến tần (tùy chọn), GS-46
8 Đèn hiệu nhấp nháy
9 Còi báo nghiêng
10 Neo chốt vận chuyển
11 Nút hạ phụ
12 Bánh xe điều hướng
13 Tấm bảo vệ tránh ổ gà
14 Khoang xe nâng
15 Bộ điều khiển dưới đất
16 Màn hình LCD
17 Bánh xe không điều hướng
18 Công tắc nhả phanh
19 Thang lối vào/neo chốt vận chuyển
20 Bộ sạc ắc-quy (trên phía ắc-quy của máy) GS-4046
21 Biến tần (tùy chọn)
22 Bộ sạc ắc-quy (trên phía ắc-quy của máy)
23 Cần an toàn
24 Đường khí vào khung nâng (tùy chọn)
25 Ổ cắm GFCI
26 Bàn đạp nhả mở rộng khung nâng
27 Cổng vào khung nâng

Bộ điều khiển

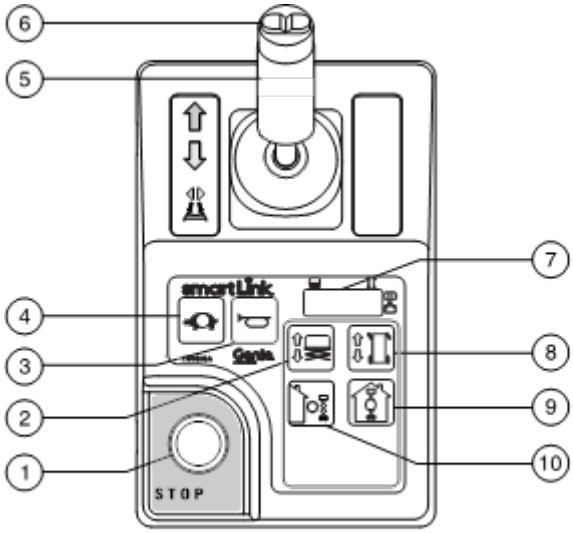
Trạm điều khiển dưới đất được sử dụng làm phương tiện nâng khung nâng để kiểm tra hoạt động và cho mục đích lưu trữ. Trạm điều khiển dưới đất có thể được sử dụng trong trường hợp khẩn cấp để giải cứu người bị thương khỏi khung nâng.

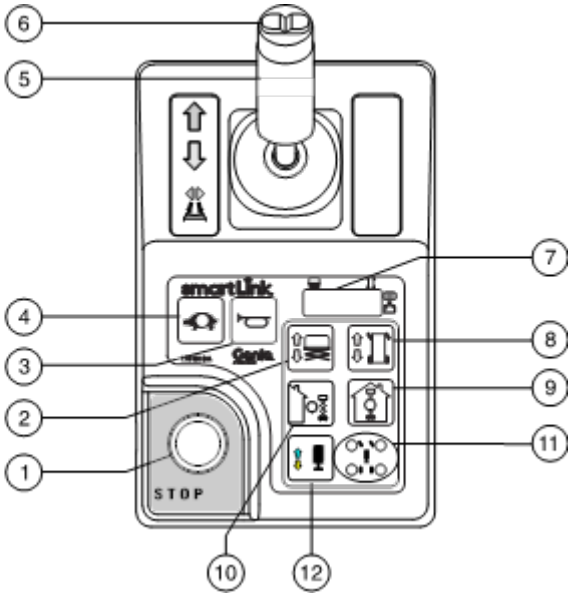


Bảng Điều Khiển Dưới Đất

1 Nút thoát menu
2 Nút nâng menu
3 Màn hình chẩn đoán LCD
4 Nút hạ menu
5 Nút nhập menu
6 Chìa khóa công tắc để chọn khung nâng/tắt máy/mặt đất
Xoay chìa khóa công tắc về vị trí khung nâng thì bộ điều khiển khung nâng sẽ vận hành. Xoay chìa khóa công tắc về vị trí tắt thì máy sẽ tắt. Xoay chìa khóa công tắc về vị trí mặt đất thì bộ điều khiển dưới đất sẽ vận hành.
7 Nút Dừng Khẩn Cấp Màu Đỏ
Đẩy nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ sang vị trí tắt để dừng tất cả các chức năng. Đẩy nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ sang vị trí bật để vận hành máy.
8 Cầu dao 7 A cho mạch điện
9 Đầu Nối Liên Kết Tech Pro
10 Nút hạ khung nâng
11 Nút kích hoạt chức năng nâng
Nhấn và giữ nút này để kích hoạt chức năng nâng.
12 Nút nâng khung nâng

Bộ điều khiển





Bảng Điều Khiển Khung Nâng

1 Nút Dừng Khẩn Cấp Màu Đỏ

Đẩy nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ sang vị trí tắt để dừng tất cả các chức năng. Đẩy nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ sang vị trí bật để vận hành máy.

2 Nút chức năng nâng

Đẩy nút này để kích hoạt chức năng nâng.



3 Nút còi

Nhấn nút còi và còi sẽ kêu. Nhả nút còi và còi sẽ không kêu.



4 Nút chọn tốc độ lái

Nhấn nút này để kích hoạt chức năng lái chậm. Đèn báo sẽ bật sáng khi chọn chức năng lái chậm.



Bộ điều khiển

5 Cần điều khiển cân xứng và công tắc kích hoạt chức năng để lái, điều hướng, nâng và mở dầm chìa

Chức năng nâng: Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng để kích hoạt chức năng nâng trên cần điều khiển của khung nâng. Di chuyển cần điều khiển theo hướng chỉ của mũi tên màu xanh dương và khung nâng sẽ nâng lên. Di chuyển cần điều khiển theo hướng chỉ của mũi tên màu vàng và khung nâng sẽ hạ xuống. Còi báo hạ khung nâng sẽ reo khi khung nâng hạ xuống.

Chức năng lái: Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng để kích hoạt chức năng lái trên cần điều khiển của khung nâng. Di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương trên bảng điều khiển và máy sẽ di chuyển theo hướng của mũi tên màu xanh dương. Di chuyển cần điều khiển theo hướng chỉ của mũi tên màu vàng trên bảng điều khiển và máy sẽ di chuyển theo hướng chỉ của mũi tên màu vàng.

Chức năng dầm chìa: Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng để kích hoạt chức năng dầm chìa trên cần điều khiển của khung nâng. Di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương và dầm chìa sẽ thu lại. Di chuyển cần điều khiển theo hướng chỉ của mũi tên màu vàng và dầm chìa sẽ mở ra.

6 Công tắc điều khiển bằng ngón cái để điều hướng

Nhấn phía bên trái của công tắc điều khiển bằng ngón cái và máy sẽ rẽ sang hướng của hình tam giác màu xanh dương trên bảng điều khiển khung nâng.



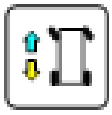
Nhấn phía bên phải của công tắc điều khiển bằng ngón cái và máy sẽ rẽ sang hướng hình tam giác màu vàng chỉ trên bảng điều khiển khung nâng.



7 Màn hình chẩn đoán LED/đèn chỉ báo sạc ắc-quy và chỉ báo chế độ.

8 Nút chức năng lái

Đẩy nút này để kích hoạt chức năng lái.



9 Nút sử dụng trong nhà

Nhấn nút này để sử dụng trong nhà



Lưu ý: Chọn sử dụng trong nhà cho phép tăng đến độ cao khung nâng tối đa trong nhà. Tham khảo trang thông số kỹ thuật.

Bộ điều khiển

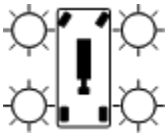
10 Nút sử dụng ngoài trời



Nhấn nút này để sử dụng ngoài trời

Lưu ý: Chọn sử dụng ngoài trời cho phép tăng đến độ cao khung nâng tối đa ngoài trời. Tham khảo trang thông số kỹ thuật.

11 Đèn báo dầm chìa



Trong khi mở dầm chìa, các đèn nháy sáng màu xanh lục. Khi mỗi dầm chìa tiếp xúc với mặt đất, các đèn chuyển sáng màu xanh lục. Mỗi khi quy trình mở dầm chìa bị gián đoạn, các đèn sẽ nháy sáng màu xanh lục cho biết dầm chìa không tiếp xúc với mặt đất hoặc dầm chìa không được mở hết. Khi dầm chìa thu lại, các đèn chuyển sáng màu xanh lục. Khi mỗi dầm chìa được thu lại hết, đèn sẽ tắt. Đèn sẽ chuyển sáng màu đỏ, cho biết dầm chìa tương ứng đã chạy hết chu kỳ.

12 Nút chức năng dầm chìa



Nhấn nút này để kích hoạt chức năng dầm chìa.

Kiểm tra



Không Được Vận Hành Máy Trừ Khi:

☑ Người điều khiển phải học và thực hành các nguyên tắc vận hành an toàn có trong tài liệu hướng dẫn vận hành này.

1 Tránh các tình huống nguy hiểm.

2 Luôn tiến hành kiểm tra trước khi vận hành máy.

Phải thông hiểu về quy tắc kiểm tra máy trước khi vận hành trước khi chuyển sang phần tiếp theo.

3 Luôn tiến hành kiểm tra chức năng trước khi dùng máy.

4 Kiểm tra nơi làm việc.

5 Chỉ sử dụng máy theo đúng mục đích sử dụng.

Các Nguyên Tắc Cơ Bản Về Kiểm Tra Tiền Vận Hành

Tiến hành kiểm tra tiền vận hành và bảo trì định kỳ là trách nhiệm của chuyên viên vận hành.

Kiểm tra tiền vận hành là một cuộc kiểm tra bằng phương pháp quan sát do chuyên viên vận hành thực hiện trước mỗi ca làm việc. Kiểm tra tiền vận hành nhằm phát hiện xem có dấu hiệu hỏng hóc máy nào không trước khi nhân viên vận hành thực hiện kiểm tra thử các chức năng.

Kiểm tra tiền vận hành giúp xác định xem có cần bảo trì định kỳ hay không. Chuyên viên vận hành chỉ được thực hiện những mục bảo trì định kỳ được ghi rõ trong cẩm nang này.

Tham khảo danh sách ở trang tiếp theo và kiểm tra từng mục một.

Nếu phát hiện sự hư hỏng hay bất cứ sự thay đổi trái phép nào so với tình trạng khi máy được chuyển giao, phải dán nhãn và ngừng sử dụng máy ngay lập tức.

Chỉ có các kỹ thuật viên chuyên môn mới được sửa chữa máy theo đúng yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất. Sau khi sửa chữa hoàn tất, người vận hành sẽ thực hiện một lượt kiểm tra tiền vận hành trước khi kiểm tra các tính năng của máy.

Các kỹ thuật viên có chuyên môn cần phải tiến hành kiểm tra bão dưỡng máy định kỳ theo đúng yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất và yêu cầu có ghi trong mục trách nhiệm trong cẩm nang này.

Tuân thủ mọi quy định về thi cử và kiểm tra của địa phương và chính phủ.

Kiểm tra

Kiểm Tra Tiền Vận Hành

- ❑ Bảo đảm rằng các tài liệu hướng dẫn vận hành, an toàn và trách nhiệm đều hoàn chỉnh, có thể đọc được và nằm trong ngăn chứa bên trong khung nâng.
- ❑ Bảo đảm rằng tất cả các nhãn dán đều có thể đọc được và được dán đúng chỗ. Xem phần Kiểm tra.
- ❑ Kiểm tra xem máy có bị rò rỉ dầu thủy lực không và xem mức dầu có phù hợp không. Đổ thêm dầu nếu cần. Xem phần Bảo trì.
- ❑ Kiểm tra xem máy có bị rò rỉ dung chất trong ắc quy không và xem mức dung chất có phù hợp không. Đổ thêm nước cất nếu cần. Xem phần Bảo trì.

Kiểm tra những thành phần hoặc khu vực sau đây để phát hiện những bộ phận bị hư hỏng, lắp đặt sai hoặc thiếu và những điều chỉnh trái phép:

- ❑ Các bộ phận điện, dây và cáp điện
- ❑ Các ống thủy lực, ống nối, xylanh, ống góp hơi
- ❑ Động cơ truyền động
- ❑ Miếng đệm chống mòn
- ❑ Lốp và bánh xe
- ❑ Các công tắc giới hạn, còi báo và còi
- ❑ Đèn hiệu (nếu được trang bị)
- ❑ Bù-lông, đai ốc, các linh kiện đinh vít khác
- ❑ Các thành phần nhả phanh
- ❑ Cần an toàn
- ❑ Mở rộng khung nâng
- ❑ Chốt khung gập và chốt giữ
- ❑ Cần điều khiển khung nâng
- ❑ Bộ ắc-quy và kết nối
- ❑ Đai nối đất
- ❑ Cổng vào khung nâng
- ❑ Tấm bảo vệ tránh ổ gà
- ❑ Điểm cột dây neo
- ❑ Bộ phận chống quá tải khung nâng
- ❑ Vỏ và chân dầm chìa (nếu được trang bị)

Kiểm tra toàn bộ máy xem có:

- ❑ Vết hàn bị bong hoặc bộ phận nào bị nứt không
- ❑ Móp méo hay trầy xước ở máy không
- ❑ Rỉ sét, mòn, hoặc ô-xi hóa quá mức không

- ❑ Đảm bảo rằng các linh kiện quan trọng và cấu kiện của máy còn đủ và các đai an toàn và đinh chốt kèm theo được siết chặt.
- ❑ Hãy đảm bảo lắp đặt các tấm chắn bên và siết chặt các bu-lông.
- ❑ Hãy đảm bảo rằng khay khung lái đã đóng và chốt, và ắc-quy được kết nối đúng cách.

Lưu ý: Nếu cần nâng khung nâng để kiểm tra máy, hãy đảm bảo sử dụng cần an toàn. Xem phần Hướng Dẫn Vận Hành.

Kiểm tra



Không Được Vận Hành Máy Trừ Khi:

☑ Người điều khiển phải học và thực hành các nguyên tắc vận hành an toàn có trong tài liệu hướng dẫn vận hành này.

1 Tránh các tình huống nguy hiểm.

2 Luôn tiến hành kiểm tra trước khi vận hành máy.

3 Luôn tiến hành kiểm tra chức năng trước khi dùng máy.

Phải thông hiểu về việc kiểm tra chức năng trước khi chuyển sang phần kế tiếp.

4 Kiểm tra nơi làm việc.

5 Chỉ sử dụng máy theo đúng mục đích sử dụng.

Các Nguyên Tắc Kiểm Tra Chức Năng Cơ Bản

Kiểm tra chức năng nhằm phát hiện các chức năng vận hành không bình thường trước khi sử dụng máy. Người vận hành phải tuân theo từng bước theo đúng hướng dẫn để kiểm tra tất cả các chức năng của máy.

Không bao giờ được sử dụng máy bị hỏng hóc chức năng. Nếu phát hiện có hỏng hóc chức năng, phải dán nhãn và ngừng sử dụng máy. Chỉ có các kỹ thuật viên có chuyên môn mới được sửa chữa máy theo đúng yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất.

Sau khi sửa chữa xong, người vận hành phải tiến hành lại việc kiểm tra tiền vận hành và kiểm tra chức năng trước khi sử dụng máy.

Kiểm tra

Trên Bộ Điều Khiển Dưới Đất

1 Chọn một khu vực kiểm tra máy vững chắc, bằng phẳng và không có vật cản.

2 Đảm bảo đã kết nối ắc-quy.

3 Kéo nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ trên khung nâng và dưới đất sang vị trí bật.

4 Xoay chìa khóa công tắc về nấc điều khiển dưới đất.

Tùy chọn Ắc-quy Lithium: Khi nhiệt độ của ắc-quy lithium ở dưới giới hạn hoạt động là -4°F/-20°C, ắc-quy sẽ cần thời gian để ấm lên, quá trình này được gọi là Làm Ấm Ắc-quy. Tham khảo phần "Làm Ấm Ắc-quy" trong hướng dẫn vận hành để biết chi tiết về chu kỳ Làm Ấm Ắc-quy.

5 Quan sát màn hình chẩn đoán LED trên bảng điều khiển khung nâng.

⊙ Kết quả: Màn hình LED phải giống như hình ảnh dưới đây.



6 Quan sát màn hình chẩn đoán LCD trên bảng điều khiển dưới đất.

⊙ Kết quả: Màn hình LCD phải giống như hình ảnh dưới đây.



Kiểm tra Dừng Khẩn Cấp

7 Đẩy nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ dưới đất về vị trí tắt.

⊙ Kết quả: Không có chức năng nào vận hành.

8 Đẩy nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ sang vị trí bật.

Kiểm tra các Chức Năng Nâng/Hạ

Cảnh báo âm thanh trên máy này và còi tiêu chuẩn đều đến từ cùng còi báo trung tâm. Tiếng còi là âm thanh không đổi. Còi báo nâng khung nâng kêu 60 tiếng bíp mỗi phút. Còi báo kêu 180 tiếng bíp mỗi phút khi tấm bảo vệ tránh ổ gà không được mở và khi máy không cân bằng. Cũng có còi kiểu của xe ô tô tùy chọn.

9 Không nhấn nút kích hoạt chức năng nâng.

10 Nhấn nút nâng hoặc hạ khung nâng.

⊙ Kết quả: Chức năng nâng sẽ không vận hành.

11 Không nhấn các nút nâng hoặc hạ khung nâng.

12 Nhấn nút kích hoạt chức năng nâng.

⊙ Kết quả: Chức năng nâng sẽ không vận hành.

13 Nhấn và giữ nút kích hoạt chức năng nâng, sau đó nhấn nút nâng khung nâng.

⊙ Kết quả: Phải chọn khu vực hoạt động ngoài trời và khung nâng sẽ nâng lên.

14 Nhấn và giữ nút kích hoạt chức năng nâng, sau đó nhấn nút hạ khung nâng.

⊙ Kết quả: Khung nâng sẽ hạ xuống. Còi báo hạ khung nâng sẽ reo khi khung nâng hạ xuống.

Kiểm tra

Kiểm tra Nút Hạ Phụ

15 Kích hoạt chức năng nâng bằng cách nhấn nút kích hoạt nâng và nút nâng khung nâng, và nâng khung nâng lên độ cao khoảng 2 ft./60 cm.

16 **Dòng máy GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932 & GS-1932 XH**

Kéo nút hạ phụ ở phía sau thang lối vào.

Dòng máy GS-2032, GS-2632, GS-3232, GS-2046, GS-2646, GS-2646 XH, GS-3246, GS-3246 XH & GS-4046

Kéo nút hạ phụ phía bảng điều khiển dưới đất của máy, ở đầu điều hướng.

⊙ Kết quả: Khung nâng sẽ hạ xuống. Còi báo hạ sẽ không kêu.

Kiểm tra Hoạt Động của Cảm Biến Nghiêng

17 Nhấn nút hạ trên bảng điều khiển dưới đất (nút 3)



⊙ Kết quả: Màn hình LCD điều khiển dưới đất sẽ hiển thị trạng thái của cảm biến nghiêng. Đối với tất cả các dòng máy, ngoại trừ GS-3232, giá trị X và Y (chúc ngóc và nghiêng) sẽ được hiển thị. Đối với GS-3232, GCON sẽ hiển thị “TILT SENSOR: LEVEL” (CẢM BIẾN NGHIÊNG: CẤP ĐỘ).

18 Xoay chìa khóa công tắc về nấc điều khiển khung nâng.

Trên Bộ Điều Khiển Khung Nâng

Kiểm tra Dừng Khẩn Cấp

19 Đẩy nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ trong khung nâng về vị trí tắt.

⊙ Kết quả: Không có chức năng nào vận hành.

Kiểm tra Còi Báo Cảm Biến Nghiêng

20 Đẩy nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ sang vị trí bật.

21 Nhấn nút còi.

⊙ Kết quả: Còi báo trên khung nâng, còi báo trên khung lái và còi xe (nếu được trang bị) sẽ kêu.

Kiểm tra

Kiểm tra Công Tắc Kích Hoạt Chức Năng và Chức Năng Nâng/Hạ

22 Không nhấn công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

23 Từ từ di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương, sau đó theo hướng mũi tên màu vàng.

⊙ Kết quả: Không có chức năng nào vận hành.

24 Nhấn nút chức năng nâng.

25 Chờ bảy giây để hết thời gian chờ chức năng nâng.

26 Từ từ di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương, sau đó theo hướng mũi tên màu vàng.

⊙ Kết quả: Chức năng nâng sẽ không vận hành.

27 Nhấn nút chức năng nâng.

28 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển. Từ từ di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương.

Máy được trang bị công tắc chân: Nhấn và giữ đồng thời công tắc chân và công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

⊙ Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên. Tấm bảo vệ tránh ổ gà sẽ mở ra. Nút sử dụng ngoài trời sẽ sáng lên.

29 Nhả cần điều khiển.

⊙ Kết quả: Khung nâng sẽ dừng nâng.

30 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển. Từ từ di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu vàng.

⊙ Kết quả: Khung nâng sẽ hạ xuống. Còi báo hạ khung nâng sẽ reo khi khung nâng hạ xuống.

Kiểm tra

Kiểm tra Nút Sử Dụng Ngoài Trời

31 Không nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

32 Nhấn nút sử dụng ngoài trời.

⊙ Kết quả: Đèn LED dưới nút sử dụng ngoài trời sẽ sáng lên.

33 Nhấn nút kích hoạt chức năng nâng.

34 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển. Từ từ di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương.

⊙ **GS-1530:** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 12 ft 8 in/3,86 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

⊙ **GS-1532:** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 12 ft 8 in/3,86 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

⊙ **GS-1930/32:** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 14 ft 8 in/4,47 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

⊙ **GS-1932XH:** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 19 ft 3 in/5,85 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

⊙ **GS-2032:** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 16 ft/4,88 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

⊙ **GS-2632:** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 19 ft/5,79 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

⊙ **GS-3232 (trên bánh xe):** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 15 ft 9 in/4,80 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

⊙ **GS-2046:** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 16 ft 4 in/4,98 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

⊙ **GS-2646:** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 19 ft 8 in/5,99 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

⊙ **GS-2646XH:** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 26 ft 1 in/7,96 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

⊙ **GS-3246:** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 22 ft/6,71 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

⊙ **GS-3246XH:** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 32 ft 1 in/9,78 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

⊙ **GS-4046:** Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 23 ft/7,01 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

Kiểm tra

Kiểm tra Nút Chức Năng Lái

35 Nhấn nút chức năng lái.



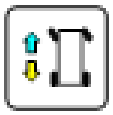
36 Chờ bảy giây để hết thời gian chờ chức năng lái.Từ từ di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương, sau đó theo hướng mũi tên màu vàng.

⊙ Kết quả: Không có chức năng nào vận hành.

Kiểm tra Điều Hướng

Lưu ý: Khi tiến hành kiểm tra chức năng điều hướng và lái, hãy đứng trong khung nâng đối diện với đầu điều hướng của máy.

37 Nhấn nút chức năng lái.



38 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

39 Nhấn công tắc điều khiển bằng ngón cái trên đầu cần điều khiển theo hướng hình tam giác màu xanh dương trên bảng điều khiển.

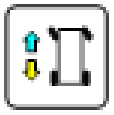
⊙ Kết quả: Bánh lái sẽ rẽ theo hướng của hình tam giác màu xanh dương.

40 Nhấn công tắc điều khiển bằng ngón cái trên đầu cần điều khiển theo hướng hình tam giác màu vàng trên bảng điều khiển.

⊙ Kết quả: Bánh lái sẽ rẽ theo hướng của hình tam giác màu vàng.

Kiểm tra Lái và Phanh

41 Nhấn nút chức năng lái.



42 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

Máy được trang bị công tắc chân: Nhấn và giữ đồng thời công tắc chân và công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

43 Từ từ di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương trên bảng điều khiển cho đến khi máy bắt đầu di chuyển, sau đó đưa cần điều khiển trở về vị trí trung tâm.

⊙ Kết quả: Máy phải di chuyển theo hướng của mũi tên màu xanh dương trên bảng điều khiển, sau đó dừng đột ngột khi cần điều khiển trở về vị trí trung tâm.

44 Từ từ di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu vàng trên bảng điều khiển cho đến khi máy bắt đầu di chuyển, sau đó đưa cần điều khiển trở về vị trí trung tâm.

⊙ Kết quả: Máy phải di chuyển theo hướng của mũi tên màu vàng trên bảng điều khiển, sau đó dừng đột ngột khi cần điều khiển trở về vị trí trung tâm.

Lưu ý: Phanh phải giữ được máy trên bất cứ mặt dốc nào mà máy có thể chạy lên được.

Kiểm tra

Kiểm tra Hoạt Động của Cảm Biến Nghiêng (chỉ với GS-3232)

Lưu ý: Tiến hành kiểm tra này từ dưới đất bằng bộ điều khiển khung nâng. Không được đứng trong khung nâng.

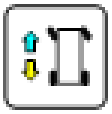
45 Hạ hết khung nâng.

46 Đặt một miếng gỗ kích thước 2x4 hoặc tương đương dưới cả hai bánh xe ở một phía và lái chèn lên chúng.

47 Nâng khung nâng lên cao khoảng 7 ft/2,13 m.

⊙ Kết quả: Khung nâng sẽ dừng lại và còi báo nghiêng sẽ kêu 180 tiếng bíp mỗi phút. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị LL và màn hình LCD trên bảng điều khiển dưới đất sẽ hiển thị LL: Machine Tilted (Máy Nghiêng).

48 Nhấn nút chức năng lái.



49 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

50 Di chuyển cần điều khiển theo hướng mũi tên màu xanh dương, sau đó di chuyển cần điều khiển theo hướng mũi tên màu vàng.

⊙ Kết quả: Chức năng lái sẽ không vận hành theo bất kỳ hướng nào.

51 Hạ khung nâng và bỏ cả hai miếng gỗ ra.

Kiểm tra Chức Năng Loại Bỏ Nghiêng Khi Lái

Lưu ý: Tiến hành kiểm tra này từ dưới đất bằng bộ điều khiển khung nâng. Không được đứng trong khung nâng.

52 Hạ hết khung nâng.

53 Lái máy trên bề mặt dốc khi góc khung lái lớn hơn 1,5° giữa các cạnh.

54 Nâng khung nâng lên cao khoảng 9 ft/2,74 m.

⊙ Kết quả: Khung nâng sẽ dừng lại và còi báo nghiêng sẽ kêu 180 tiếng bíp mỗi phút. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị LL và màn hình LCD trên bảng điều khiển dưới đất sẽ hiển thị LL: Machine Tilted (Máy Nghiêng).

55 Nhấn nút chức năng lái.

56 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

57 Di chuyển cần điều khiển theo hướng mũi tên màu xanh dương, sau đó di chuyển cần điều khiển theo hướng mũi tên màu vàng.

⊙ Kết quả: Chức năng lái sẽ không vận hành theo bất kỳ hướng nào.

58 Hạ hết khung nâng.

59 Lái máy.

⊙ Kết quả: Máy sẽ chạy.

60 Trở lại bề mặt bằng phẳng và nâng khung nâng lên cao hơn khoảng 9 ft/2,74 m.

Kiểm tra

61 Lái máy trên bề mặt dốc khi góc trúc ngóc lớn hơn 1,5° giữa các cạnh.

⊙ Kết quả: Máy sẽ dừng sau khi đạt đến độ nghiêng khung lái 1,5° và còi báo nghiêng sẽ kêu 180 tiếng bíp mỗi phút. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị LL và màn hình LCD trên bảng điều khiển dưới đất sẽ hiển thị LL: Machine Tilted (Máy Nghiêng).

62 Trở lại bề mặt bằng phẳng và hạ hết khung nâng.

63 Lái máy trên bề mặt dốc khi góc khung lái lớn hơn 3° từ trước ra sau.

64 Nâng khung nâng lên cao khoảng 9 ft/2,74 m.

⊙ Kết quả: Khung nâng sẽ dừng lại và còi báo nghiêng sẽ kêu 180 tiếng bíp mỗi phút. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị LL và màn hình LCD trên bảng điều khiển dưới đất sẽ hiển thị LL: Machine Tilted (Máy Nghiêng).

65 Nhấn nút chức năng lái.

66 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng lái/điều hướng trên cần điều khiển.

67 Di chuyển cần điều khiển theo hướng mũi tên màu xanh dương, sau đó di chuyển cần điều khiển theo hướng mũi tên màu vàng.

⊙ Kết quả: Chức năng lái sẽ không vận hành theo bất kỳ hướng nào.

68 Hạ hết khung nâng.

69 Lái máy.

⊙ Kết quả: Máy sẽ chạy.

70 Trở lại bề mặt bằng phẳng và nâng khung nâng lên cao hơn khoảng 9 ft/2,74 m.

71 Lái máy trên bề mặt dốc khi góc trúc ngóc lớn hơn 3° từ trước ra sau.

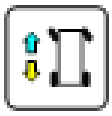
⊙ Kết quả: Máy sẽ dừng sau khi đạt đến độ nghiêng khung lái 3° và còi báo nghiêng sẽ kêu 180 tiếng bíp mỗi phút. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị LL và màn hình LCD trên bảng điều khiển dưới đất sẽ hiển thị LL: Machine Tilted (Máy Nghiêng).

⊙ Hạ hết khung nâng và trở lại bề mặt bằng phẳng.

Kiểm tra Tốc Độ Lái Trên Cao

72 Nâng khung nâng lên cao khoảng 9,1 ft/2,78 m so với mặt đất.

73 Nhấn nút chức năng lái.



74 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.Từ từ di chuyển cần điều khiển về vị trí lái tốc độ tối đa.

⊙ Kết quả: Tốc độ lái tối đa có thể đạt tới khi khung nâng được nâng lên không được vượt quá 0,72 ft/22 cm mỗi giây.

Nếu tốc độ lái khi khung nâng được nâng lên quá 0,72 ft/22 cm mỗi giây, cần phải lập tức dán nhãn và ngừng sử dụng máy.

Kiểm tra

Kiểm tra Tấm Bảo Vệ Tránh Ổ Gà

Lưu ý: Tấm bảo vệ tránh ổ gà sẽ tự động mở ra khi khung nâng được nâng lên. Tấm bảo vệ tránh ổ gà kích hoạt các công tắc giới hạn cho phép máy tiếp tục hoạt động. Nếu tấm bảo vệ tránh ổ gà không mở ra, còi báo sẽ kêu và máy sẽ không lái hoặc điều hướng.

75 Nâng khung nâng.

⊙ Kết quả: Khi nâng khung nâng lên 4 ft/1,2 m so với mặt đất, cần mở tấm bảo vệ tránh ổ gà.

76 Nhấn trên tấm bảo vệ tránh ổ gà ở một phía, sau đó nhấn phía còn lại.

⊙ Kết quả: Tấm bảo vệ tránh ổ gà sẽ không di chuyển.

77 Hạ khung nâng.

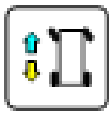
⊙ Kết quả: Tấm bảo vệ tránh ổ gà sẽ trở lại vị trí xếp gọn.

78 Đặt một miếng gỗ kích thước 2x4 hoặc tương đương dưới tấm bảo vệ tránh ổ gà.

79 Nâng khung nâng.

⊙ Kết quả: Trước khi nâng khung nâng lên 7 ft/2,1 m so với mặt đất, còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị PHS và màn hình LCD trên bảng điều khiển dưới đất sẽ hiển thị PHS: Pothole Guard Stuck (Tấm Bảo Vệ Tránh Ổ Gà Bị Kẹt).

80 Nhấn nút chức năng lái.

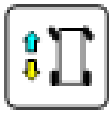


81 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

82 Từ từ di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương, sau đó theo hướng mũi tên màu vàng.

⊙ Kết quả: Máy sẽ không di chuyển tiến hoặc lùi.

83 Nhấn nút chức năng lái.



84 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

85 Nhấn công tắc điều khiển bằng ngón cái trên đầu cần điều khiển theo hướng hình tam giác màu xanh dương và màu vàng trên bảng điều khiển.

⊙ Kết quả: Bánh lái sẽ không rẽ trái hoặc phải.

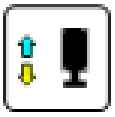
86 Hạ hết khung nâng.

87 Miếng gỗ kích thước 2x4 hoặc tương đương.

Kiểm tra

Kiểm tra Chức Năng Dầm Chìa (GS-3232)

88 Nhấn nút chức năng dầm chìa. Trên màn hình LCD, một vòng tròn bên dưới biểu tượng chức năng dầm chìa sẽ bật sáng.



Nếu không thể di chuyển tay cầm điều khiển trong vòng bảy giây sau khi đẩy nút chức năng dầm chìa, vòng tròn bên dưới biểu tượng chức năng dầm chìa sẽ tắt và chức năng dầm chìa sẽ không hoạt động. Nhấn lại nút chức năng dầm chìa.

89 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

90 Di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu vàng.

⊙ Kết quả: Dầm chìa sẽ mở ra. Đèn báo dầm chìa riêng sẽ nháy sáng màu xanh lục khi dầm chìa tương ứng mở ra.

91 Tiếp tục giữ cần điều khiển theo hướng mũi tên màu vàng cho đến khi tất cả đèn chỉ báo dầm chìa chuyển sáng màu xanh lục và nghe thấy tiếng bíp dài từ còi báo của bảng điều khiển trên khung nâng. Máy hiện đã cân bằng. Lúc này, chức năng lái và điều hướng bị tắt.

Lưu ý: Nếu cần điều khiển hoặc công tắc chân (nếu được trang bị) được nhả quá sớm trong quá trình mở, đèn chỉ báo dầm chìa sẽ tiếp tục nháy sáng màu xanh lục, cho biết dầm chìa không tiếp xúc với mặt đất.

Lưu ý: Nếu cần điều khiển hoặc công tắc chân (nếu được trang bị) được nhả quá sớm sau khi dầm chìa tiếp xúc với mặt đất, sẽ nghe thấy một tiếng bíp dài từ bảng điều khiển của khung nâng và đèn chỉ báo dầm chìa sẽ chuyển sáng màu xanh lục. Nếu không nghe thấy tiếng bíp dài và đèn chỉ báo dầm chìa sáng màu xanh lục, tình trạng này có thể cho biết dầm chìa không mở hết hoặc máy không cân bằng.

92 Nhấn nút chức năng lái.

93 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

94 Từ từ di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương, sau đó theo hướng mũi tên màu vàng.

⊙ Kết quả: Máy sẽ không di chuyển theo hướng mũi tên xanh dương và vàng.

95 Nhấn nút chức năng lái.

96 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

97 Nhấn công tắc điều khiển bằng ngón cái trên đầu cần điều khiển theo hướng hình tam giác màu xanh dương và màu vàng trên bảng điều khiển.

⊙ Kết quả: Bánh lái sẽ không rẽ theo hướng của hình tam giác màu xanh dương và màu vàng.

98 Nhấn nút sử dụng ngoài trời.

99 Nâng khung nâng.

⊙ Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên độ cao tối đa là 18 ft 0 in/6,71 m và dừng lại. Còi báo sẽ kêu. Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị OHL.

100 Hạ hết khung nâng.

101 Nhấn nút chức năng dầm chìa.

102 Chờ bảy giây để hết thời gian chờ kích hoạt chức năng dầm chìa.

Kiểm tra

103 Từ từ di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương, sau đó theo hướng mũi tên màu vàng.

⊙ Kết quả: Dầm chìa không được thu vào.

104 Nhấn nút chức năng dầm chìa.

105 Di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương.

⊙ Kết quả: Dầm chìa sẽ thu vào. Đèn báo dầm chìa riêng sẽ chuyển sáng màu xanh lục khi dầm chìa tương ứng sẽ thu vào.

106 Tiếp tục giữ cần điều khiển và công tắc chân (nếu được trang bị) cho đến khi dầm chìa được thu lại hoàn toàn. Nhả cần điều khiển khi tất cả đèn chỉ báo dầm chìa tắt. Tất cả các chức năng hiện đã được khôi phục.

Lưu ý: Nếu cần điều khiển hoặc công tắc chân (nếu được trang bị) được nhả quá sớm trong quá trình thu, đèn chỉ báo dầm chìa sẽ nháy sáng màu xanh lục, cho biết dầm chìa không được thu lại hết.

Kiểm tra



Không Được Vận Hành Máy Trừ Khi:

☑ Người điều khiển phải học và thực hành các nguyên tắc vận hành an toàn có trong tài liệu hướng dẫn vận hành này.

1 Tránh các tình huống nguy hiểm.

2 Luôn tiến hành kiểm tra trước khi vận hành máy.

3 Luôn tiến hành kiểm tra chức năng trước khi dùng máy.

4 Kiểm tra nơi làm việc.

Phải thông hiểu về việc kiểm tra nơi làm việc trước khi chuyển sang phần tiếp theo.

5 Chỉ sử dụng máy theo đúng mục đích sử dụng.

Những Nguyên Tắc Căn Bản Của Việc Kiểm Tra Nơi Làm Việc

Kiểm tra nơi làm việc giúp chuyên viên vận hành xác định nơi làm việc có phù hợp để vận hành máy an toàn hay không. Chuyên viên vận hành phải thực hiện việc này trước khi đưa máy vào nơi làm việc.

Trách nhiệm của người vận hành là phải đọc, ghi nhớ các nguy cơ thường gặp ở nơi làm việc, sau đó khi di chuyển máy đến, thiết lập và vận hành máy phải luôn canh chừng và tránh các nguy cơ này.

Danh Sách Kiểm Tra Nơi Làm Việc

Phải biết và phải tránh những tình huống nguy hiểm sau đây:

- ❑ bờ dốc hoặc hố
- ❑ va đụng, chướng ngại vật hoặc mảnh vụn trên sàn
- ❑ bề mặt nghiêng
- ❑ bề mặt không vững hoặc trơn trượt
- ❑ chướng ngại vật lơ lững và điện cao thế
- ❑ những vị trí nguy hiểm
- ❑ bề mặt đỡ không phù hợp để chịu được tất cả trọng lượng của máy và hàng hóa
- ❑ điều kiện gió mạnh và thời tiết xấu
- ❑ có người không phận sự hiện diện
- ❑ những tình huống không an toàn khác

Kiểm tra Nhãn Dán có các Từ GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH

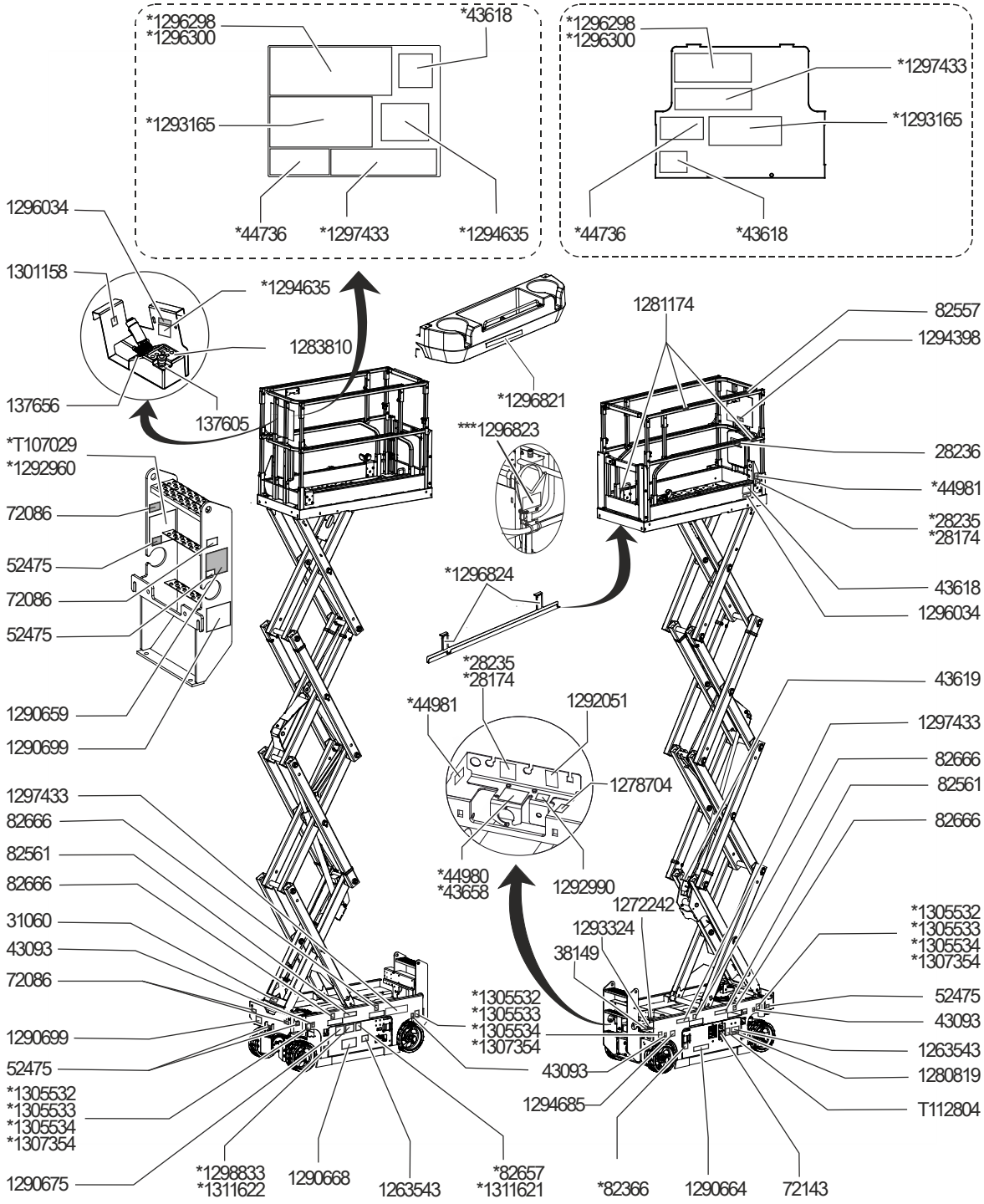
Xác định xem các nhãn dán trên máy của bạn có các từ hoặc biểu tượng không. Sử dụng cách thức kiểm tra thích hợp để chứng thực rằng tất cả nhãn đều có thể đọc được và được dán đúng chỗ.

Ma Linh Kiện.	Mô Tả Nhãn Dán	Số lượng
28174	Nhãn – Nguồn đến Khung nâng, 230 V*	2
28235	Nhãn – Nguồn đến Khung nâng, 115 V*	2
28236	Cảnh báo – Vận Hành Không Đúng	1
31060	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Công Tắc Giới Hạn	1
38149	Nhãn – Bằng Sáng Chế	1
43093	Nhãn – Thông Số Kỹ Thuật Lốp Xe	4
43618	Nhãn – Mũi Tên Chỉ Hướng	2
43619	Nhãn – Cần An Toàn	1
43658	Nhãn – Nguồn đến Bộ Sạc, 230 V*	1
44736	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Còi Báo Nghiêng	1
44980	Nhãn – Nguồn đến Bộ Sạc, 115 V*	1
44981	Nhãn – Đường Khí đến Khung nâng*	2
52475	Nhãn – Neo Chốt Vận Chuyển	5
72086	Nhãn – Điểm Nâng	4
72143	Nhãn – Dừng Khẩn Cấp	1
82366	Nhãn – Chevron Rando*	1
82557	Nhãn – Vị Trí Điều Khiển Khung Nâng	1
82561	Nguy hiểm – Nguy Cơ Bị Nghiến	2
82657	Hướng dẫn – Sơ Đồ Kết Nối Ắc-quy	1
82666	Nhãn – Khoang Xe Nâng	2
137605	Nhãn – Dừng Khẩn Cấp, Điều Khiển Khung Nâng	1
137656	Nhãn – Hướng Lái/Điều Hướng, Điều Khiển Khung Nâng	1
1263543	Cảnh báo – Lối Vào Khoang Máy	2
1272242	Nhãn – Đăng Ký Máy/Chuyển Giao Quyền Sở Hữu	1
1278704	Nhãn – Đèn Báo Sạc Ắc-quy	1
1280819	Nhãn – Cảnh báo, Prop 65	1
1281174	Nhãn – Điểm Cột Dây Neo, Tránh Té Ngã/Hạn Chế Té Ngã	3
1283810	Nhãn – Bảng Điều Khiển Khung Nâng	1
1290659	Nguy hiểm – Nguy Cơ Điện Giật	1
1290664	Hướng dẫn – Vận Hành, Kiểm Soát Dưới Đất	1
1290668	Hướng dẫn – Hoạt Động Sạc Ắc-quy	1
1290675	Nguy hiểm – Nguy Cơ Cháy Nổ/Bỏng	1
1290699	Nhãn – Sơ Đồ Vận Chuyển	2
1292051	Nhãn – Hạ Khẩn Cấp	1
1292960	Nhãn – An Toàn Nhả Phanh và Hướng Dẫn Vận Hành, Truyền Động Điện*	1
1292990	Nhãn – Nhả Phanh	1
1293165	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Nghiến	1
1293324	Nhãn – Tuân Thủ ICES-2/CAN-2	1
1294398	Nhãn – Tuân Thủ ANSI/CSA	1
1294635	Nhãn – Đèn Chỉ Báo LED Quá Tải Khung Nâng	1
1294685	Hướng dẫn – Kiểm Tra Hàng Năm	1
1296034	Nhãn – Vùng Liên Kết Thông Minh Kép	2
1296298	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-1530, GS-1532	1
1296300	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-1930/32, GS-2632, GS-3232	1
1296821	Nhãn dán – Cảnh báo, Hộp Dụng Cụ*	1
1296823	Nhãn dán – Cảnh Báo, Giá Đỡ Đường Ống*	2
1296824	Nhãn dán – Cảnh Báo, Giàn Tải Tấm*	2
1297433	Nhãn – Nguy Cơ Điện Giật	3
1298833	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy	1
1301158	Nhãn – Mã Lỗi, Vùng Kép	1
1305532	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-1530/32	4
1305533	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-1930	4
1305534	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-1932	4
1307354	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-1932XH	4
1311621	Hướng dẫn – Sơ Đồ Kết Nối Ắc-quy, Lithium	1
1311622	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy, Lithium	1
T107029	Nguy hiểm/Hướng dẫn – An Toàn Nhả Phanh và Vận Hành, Truyền Động thủy lực*	1
T112804	Nhãn – Bảng Điều Khiển Dưới Đất	1

■ Nhãn bị che báo hiệu bộ phận không nhìn thấy được, thí dụ bên dưới nắp đậy

* Các nhãn này là dòng máy, tùy chọn và cấu hình cụ thể.

Kiểm tra


*1296298
*1296300
*43618
*1293165
*44736
*1297433
*1294635
*1296298
*1296300
*1297433
*1293165
*44736
*43618
1296034
1301158
*1294635
1283810
137656
137605
*1296821
***1296823
*T107029
*1292960
72086
52475
72086
52475
1290659
1290699
*1296824
*28235
*28174
*44981
1292051
1278704
*44980
*43658
1292990
1281174
82557
1294398
28236
*44981
*28235
*28174
43618
1296034
43619
1297433
82666
82561
82666
1297433
82666
82561
82666
31060
43093
72086
1290699
52475
*1305532
*1305533
*1305534
*1307354
1290675
*1298833
*1311622
1290668
1263543
*82657
*1311621
1272242
1293324
38149
*1305532
*1305533
*1305534
*1307354
43093
1294685
*82366
1290664
72143
*1305532
*1305533
*1305534
*1307354
52475
43093
1263543
1280819
T112804

Kiểm tra Nhãn Dán có các Từ GS-2032, GS-2632 và GS-3232

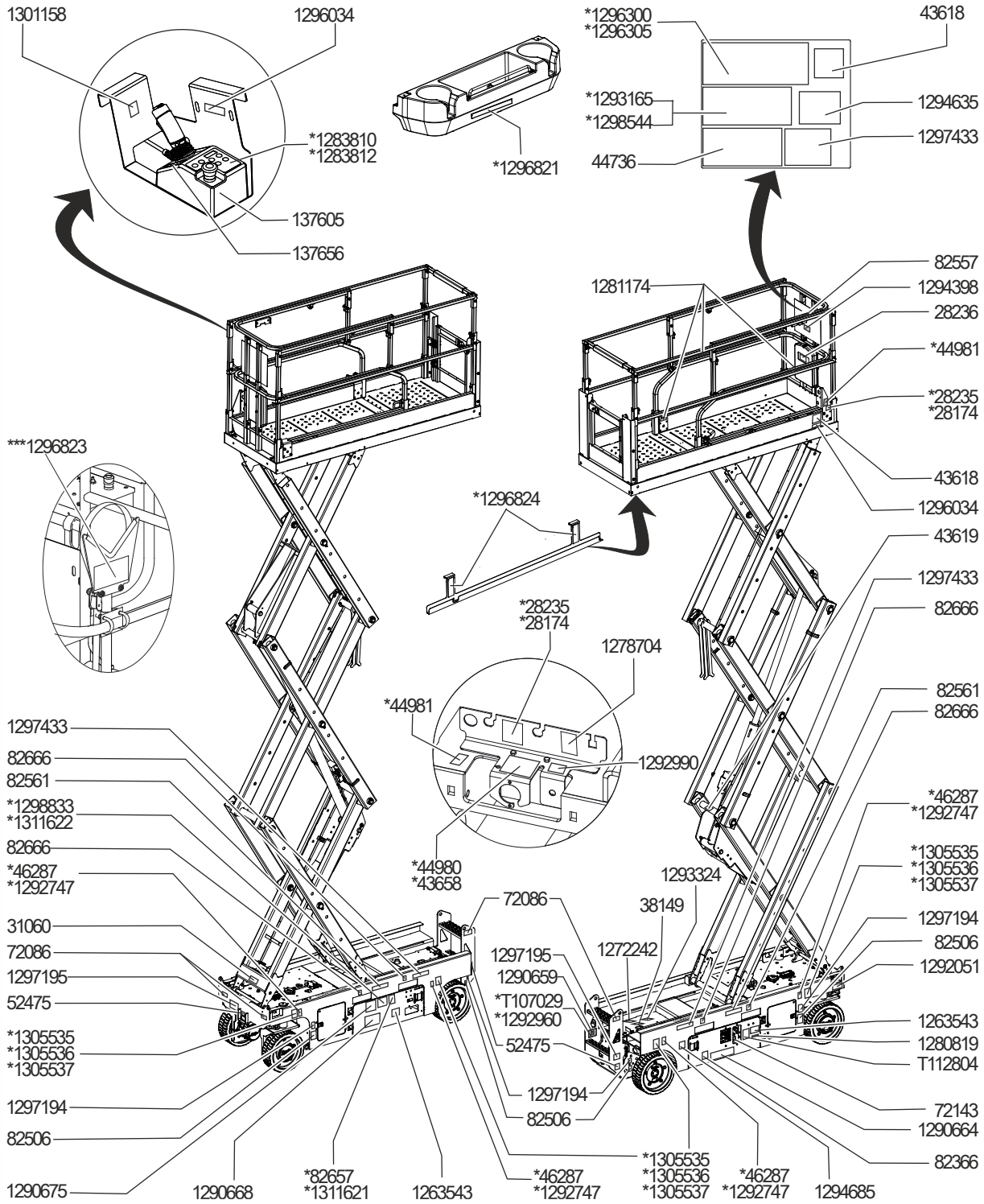
Xác định xem các nhãn dán trên máy của bạn có các từ hoặc biểu tượng không. Sử dụng cách thức kiểm tra thích hợp để chứng thực rằng tất cả nhãn đều có thể đọc được và được dán đúng chỗ.

Ma Linh Kiện.	Mô Tả Nhãn Dán	Số lượng
28174	Nhãn – Nguồn đến Khung nâng, 230 V*	2
28235	Nhãn – Nguồn đến Khung nâng, 115 V*	2
28236	Cảnh báo – Vận Hành Không Đúng	1
31060	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Công Tắc Giới Hạn	1
38149	Nhãn – Bằng Sáng Chế	1
43618	Nhãn – Mũi Tên Chỉ Hướng	2
43619	Nhãn – Cần An Toàn	1
43658	Nhãn – Nguồn đến Bộ Sạc, 230 V*	1
44736	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Còi Báo Nghiêng	1
44980	Nhãn – Nguồn đến Bộ Sạc, 115 V*	1
44981	Nhãn – Đường Khí đến Khung nâng*	2
46287	Nhãn – Thông Số Kỹ Thuật Lốp Xe	4
52475	Nhãn – Neo Chốt Vận Chuyển	3
72086	Nhãn – Điểm Nâng	4
72143	Nhãn – Dừng Khẩn Cấp	1
82366	Nhãn – Chevron Rando*	1
82506	Nguy hiểm – Nguy Cơ Bị Nghiến Chân, GS-3232*	4
82557	Nhãn – Vị Trí Điều Khiển Khung Nâng	1
82561	Nguy hiểm – Nguy Cơ Bị Nghiến	2
82657	Hướng dẫn – Sơ Đồ Kết Nối Ắc-quy	1
82666	Nhãn – Khoang Xe Nâng	4
137605	Nhãn – Dừng Khẩn Cấp, Điều Khiển Khung Nâng	1
137656	Nhãn – Hướng Lái/Điều Hướng, Điều Khiển Khung Nâng	1
1263543	Cảnh báo – Lối Vào Khoang Máy	2
1272242	Nhãn – Đăng Ký Máy/Chuyển Giao Quyền Sở Hữu	1
1278704	Nhãn – Đèn Báo Sạc Ắc-quy	1
1280819	Nhãn – Cảnh báo, Prop 65	1
1281174	Nhãn – Điểm Cột Dây Neo, Tránh Té Ngã/Hạn Chế Té Ngã	3
1283810	Nhãn – Bảng Điều Khiển Khung Nâng, GS-2032 & GS-2632*	1
1283812	Nhãn – Vùng Kép O/R, GS-3232*	1
1290659	Nguy hiểm – Nguy Cơ Điện Giật	2
1290664	Hướng dẫn – Vận Hành, Kiểm Soát Dưới Đất	1
1290668	Hướng dẫn – Hoạt Động Sạc Ắc-quy	1
1290675	Nguy hiểm – Nguy Cơ Cháy Nổ/Bỏng	1
1292051	Nhãn – Hạ Khẩn Cấp	1
1292747	Nhãn – Thông Số Kỹ Thuật Lốp Xe	4
1292960	Nhãn – An Toàn Nhả Phanh và Hướng Dẫn Vận Hành, Truyền Động Điện*	1
1292990	Nhãn – Nhả Phanh	1
1293165	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Nghiến, GS-2032 & GS-2632*	1
1293324	Nhãn – Tuân Thủ ICES-2/CAN-2	1
1294398	Nhãn – Tuân Thủ ANSI/CSA	1
1294635	Nhãn – Đèn Chỉ Báo LED Quá Tải Khung Nâng	1
1294685	Hướng dẫn – Kiểm Tra Hàng Năm	1
1296034	Nhãn – Vùng Liên Kết Thông Minh Kép	2
1296300	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-1930/32, GS-2632, GS-3232*	1
1296305	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-2032*	1
1296821	Nhãn dán – Cảnh báo, Hộp Dụng Cụ*	1
1296823	Nhãn dán – Cảnh Báo, Giá Đỡ Đường Ống*	2
1296824	Nhãn dán – Cảnh Báo, Giàn Tải Tấm*	2
1297194	Nhãn – Tải Trọng Dầm Chìa, GS-3232*	4
1297195	Nhãn – Sơ Đồ Vận Chuyển	2
1297433	Nhãn – Nguy Cơ Điện Giật	3
1298544	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ngã, Nguy Cơ Nghiến, Dầm Chìa*	1
1298833	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy	1
1301158	Nhãn – Mã Lỗi	1
1305535	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-2032*	4
1305536	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-2632*	4
1305537	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-3232*	4
1311621	Hướng dẫn – Sơ Đồ Kết Nối Ắc-quy, Lithium	1
1311622	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy, Lithium	1
T107029	Nguy hiểm/Hướng dẫn – An Toàn Nhả Phanh và Vận Hành, Truyền Động Thủy Lực*	1
T112804	Nhãn – Bảng Điều Khiển Dưới Đất	1

* Các nhãn này là dòng máy, tùy chọn và cấu hình cụ thể.

Nhãn bị che báo hiệu bộ phận không nhìn thấy được, thí dụ bên dưới nắp đậy

Kiểm tra


1301158
1296034
*1283810
*1283812
137605
137656
*1296821
*1296300
*1296305
43618
*1293165
*1298544
1294635
1297433
44736
82557
1281174
1294398
28236
*44981
*28235
*28174
***1296823
43618
*1296824
1296034
43619
1297433
82666
*28235
*28174
1278704
*44981
82561
82666
1292990
1297433
82666
82561
*1298833
*1311622
82666
*46287
*1292747
*44980
*43658
*46287
*1292747
*1305535
*1305536
*1305537
1293324
72086
38149
1297194
82506
1272242
1297195
1290659
*T107029
*1292960
52475
1292051
1263543
1280819
T112804
72143
1290664
82366
31060
72086
1297195
52475
*1305535
*1305536
*1305537
1297194
82506
1290675
1290668
*82657
*1311621
1263543
*46287
*1292747
*1305535
*1305536
*1305537
*46287
*1292747
1294685

Kiểm tra Nhãn Dán có các Từ GS-2046, GS-2646, GS-2646 XH, GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046

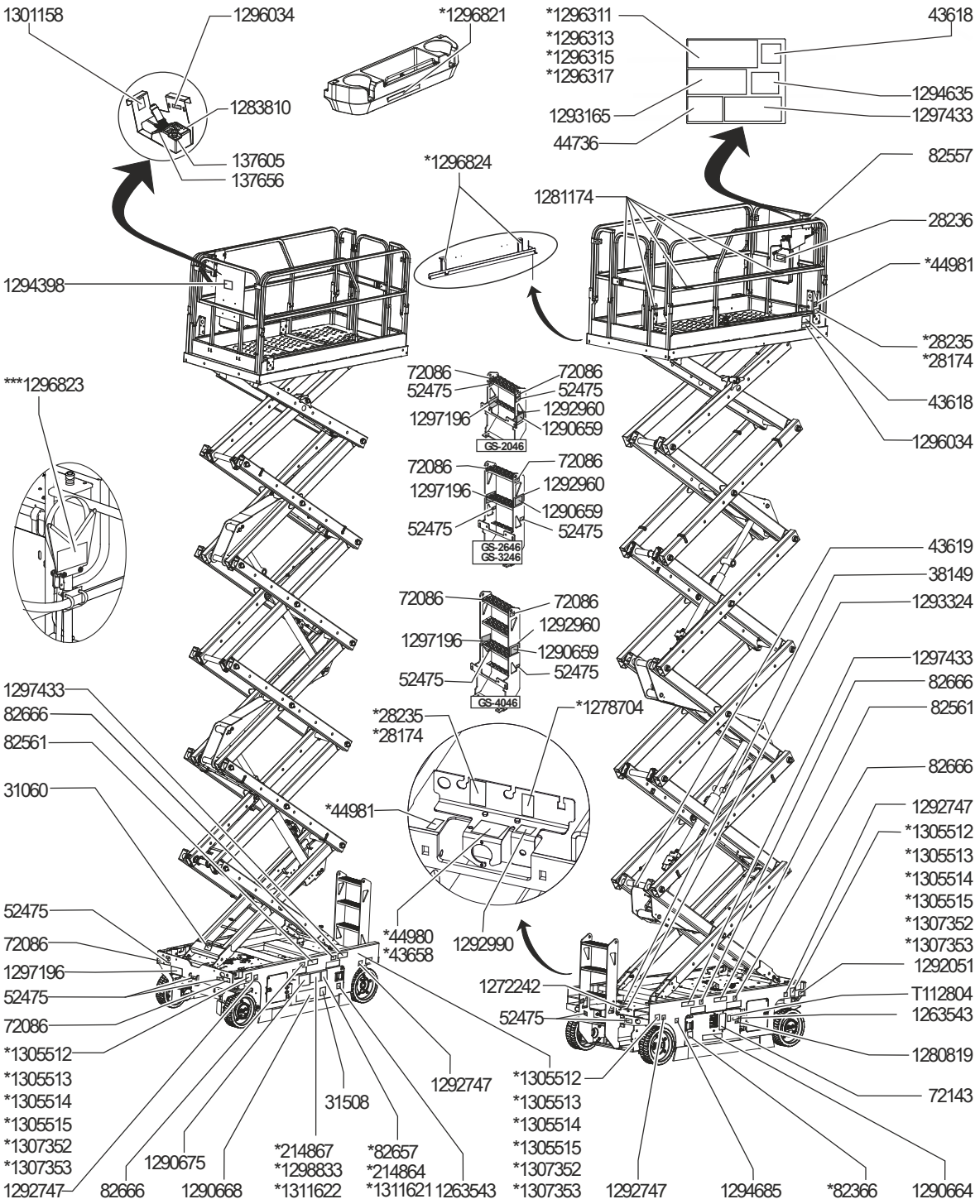
Xác định xem các nhãn dán trên máy của bạn có các từ hoặc biểu tượng không. Sử dụng cách thức kiểm tra thích hợp để chứng thực rằng tất cả nhãn đều có thể đọc được và được dán đúng chỗ.

Ma Linh Kiện.	Mô Tả Nhãn Dán	Số lượng
28174	Nhãn – Nguồn đến Khung nâng, 230 V*	2
28235	Nhãn – Nguồn đến Khung nâng, 115 V*	2
28236	Cảnh báo – Vận Hành Không Đúng	1
31060	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Công Tắc Giới Hạn	1
31508	Nguy hiểm – Nguy Cơ Điện Giật	1
38149	Nhãn – Bằng Sáng Chế	1
43618	Nhãn – Mũi Tên Chỉ Hướng	2
43619	Nhãn – Cần An Toàn	1
43658	Nhãn – Nguồn đến Bộ Sạc, 230 V*	1
44736	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Còi Báo Nghiêng	1
44980	Nhãn – Nguồn đến Bộ Sạc, 115 V*	1
44981	Nhãn – Đường Khí đến Khung nâng*	2
52475	Nhãn – Neo Chốt Vận Chuyển	6
72086	Nhãn – Điểm Nâng	4
72143	Nhãn – Dừng Khẩn Cấp	1
82366	Nhãn – Chevron Rando	1
82557	Nhãn – Vị Trí Điều Khiển Khung Nâng*	1
82561	Nguy hiểm – Nguy Cơ Bị Nghiến	2
82657	Hướng dẫn – Sơ Đồ Kết Nối Ắc-quy, GS-2046, GS-2646, GS-3246*	1
82666	Nhãn – Khoang Xe Nâng	4
137605	Nhãn – Dừng Khẩn Cấp, Điều Khiển Khung Nâng	1
137656	Nhãn – Hướng Lái/Điều Hướng, Điều Khiển Khung Nâng	1
214864	Hướng dẫn – Sơ Đồ Kết Nối Ắc-quy, GS-4046*	1
214867	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy, GS-4047	1
1263543	Cảnh báo – Lối Vào Khoang Máy	2
1265361	Nhãn – Đèn Báo Sạc Ắc-quy	1
1272242	Nhãn – Đăng Ký Máy/Chuyển Giao Quyền Sở Hữu	1
1278704	Nhãn – Đèn Báo Sạc Ắc-quy	1
1280819	Nhãn – Cảnh báo, Prop 65	1
1281174	Nhãn – Điểm Cột Dây Neo, Tránh Té Ngã/Hạn Chế Té Ngã	5
1283810	Nhãn – Bảng Điều Khiển Khung Nâng	1
1290659	Nguy hiểm – Nguy Cơ Điện Giật	1
1290664	Hướng dẫn – Vận Hành, Kiểm Soát Dưới Đất	1
1290668	Hướng dẫn – Hoạt Động Sạc Ắc-quy	1
1290675	Nguy hiểm – Nguy Cơ Cháy Nổ/Bỏng	1
1292051	Nhãn – Hạ Khẩn Cấp	1
1292747	Nhãn – Thông Số Kỹ Thuật Lốp Xe	4
1292960	Nhãn – An Toàn Nhả Phanh và Hướng Dẫn Vận Hành, Truyền Động Điện*	1
1292990	Nhãn – Nhả Phanh	1
1293165	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Nghiến	1
1293324	Nhãn – Tuân Thủ ICES-2/CAN-2	1
1294398	Nhãn – Tuân Thủ ANSI/CSA	1
1294635	Nhãn – Đèn Chỉ Báo LED Quá Tải Khung Nâng	1
1294685	Hướng dẫn – Kiểm Tra Hàng Năm	1
1296034	Nhãn – Vùng Liên Kết Thông Minh Kép	2
1296311	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-2046*	1
1296313	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-2646*	1
1296315	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-3246*	1
1296317	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-4047*	1
1296821	Nhãn dán – Cảnh báo, Hộp Dụng Cụ*	1
1296823	Nhãn dán – Cảnh Báo, Giá Đỡ Đường Ống*	2
1296824	Nhãn dán – Cảnh Báo, Giàn Tải Tấm*	2
1297196	Nhãn – Vận Chuyển và Nâng	2
1297433	Nhãn – Nguy Cơ Điện Giật	3
1298833	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy, GS-2046, GS-2646, GS-3246*	1
1301158	Nhãn – Mã Lỗi	1
1305512	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-2046	4
1305513	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-2646	4
1305514	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-3246	4
1305515	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-4046	4
1307352	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-3246XH	4
1311621	Hướng dẫn – Sơ Đồ Kết Nối Ắc-quy, Lithium	1
1311622	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy, Lithium	1
1307353	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-2646XH	4
T112804	Nhãn – Bảng Điều Khiển Dưới Đất	1

* Các nhãn này là dòng máy, tùy chọn và cấu hình cụ thể.

Nhãn bị che báo hiệu bộ phận không nhìn thấy được, thí dụ bên dưới nắp đậy

Kiểm tra


1301158
1296034
1283810
137605
137656
*1296821
*1296824
*1296311
*1296313
*1296315
*1296317
43618
1294635
1297433
1293165
44736
82557
1281174
28236
*44981
1294398
*28235
*28174
43618
1296034
***1296823
72086
52475
1297196
1292960
1290659
GS-2046
GS-2646
GS-3246
GS-4046
43619
38149
1293324
1297433
82666
82561
*1278704
*28235
*28174
*44981
31060
82666
1292747
*1305512
*1305513
*1305514
*1305515
*1307352
*1307353
1292051
T112804
1263543
1280819
72143
*44980
*43658
1292990
1272242
52475
72086
1297196
*1305512
*1305513
*1305514
*1305515
*1307352
*1307353
1292747
31508
1290675
*214867
*1298833
*1311622
*82657
*214864
*1311621
1263543
1292747
1294685
*82366
1290664
82666
1290668

Kiểm tra Nhãn Dán có các Ký Hiệu GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH

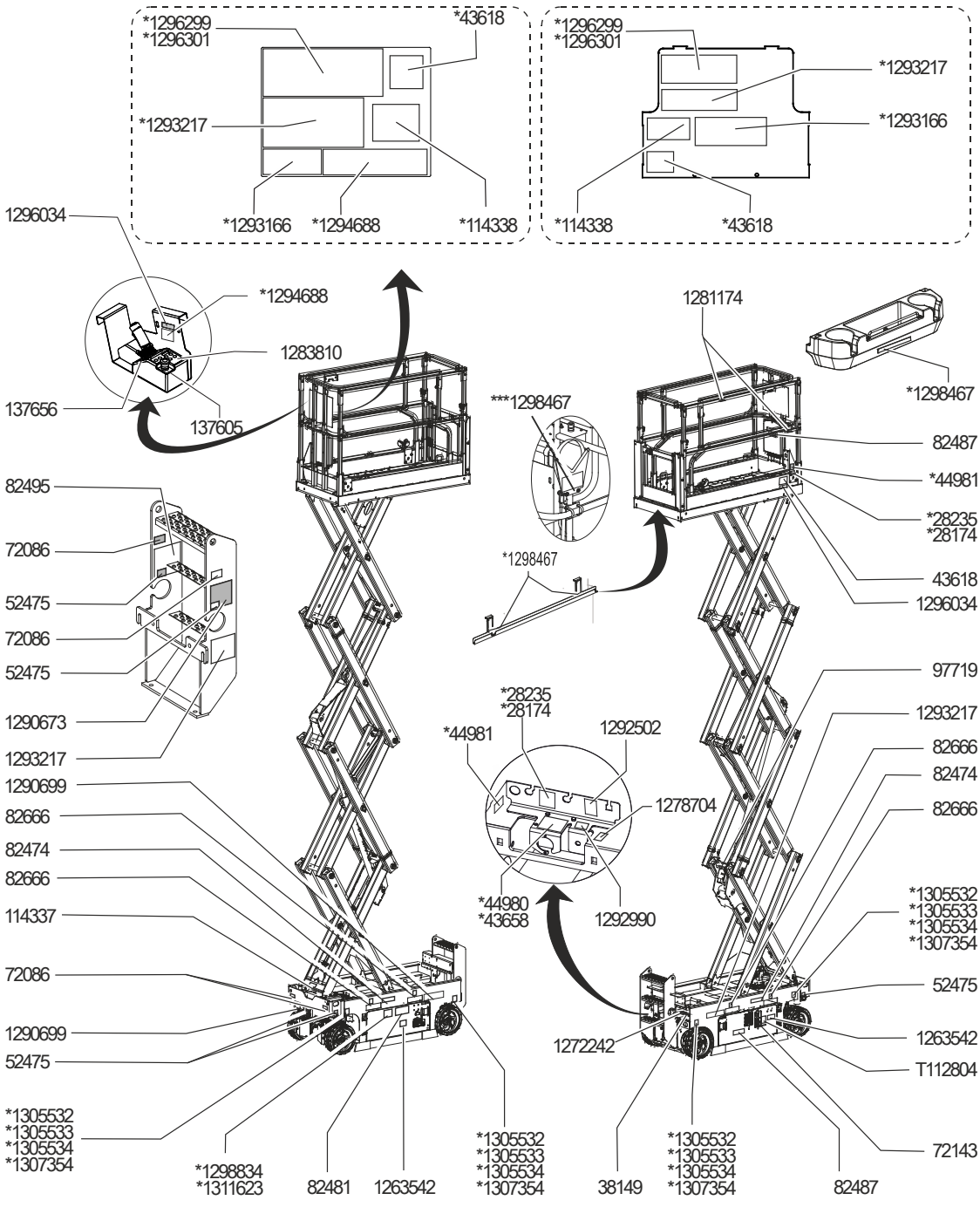
Xác định xem các nhãn dán trên máy của bạn có các từ hoặc biểu tượng không. Sử dụng cách thức kiểm tra thích hợp để chứng thực rằng tất cả nhãn đều có thể đọc được và được dán đúng chỗ.

Ma Linh Kiện.	Mô Tả Nhãn Dán	Số lượng
28174	Nhãn – Nguồn đến Khung nâng, 230 V*	2
28235	Nhãn – Nguồn đến Khung nâng, 115 V*	2
38149	Nhãn – Bằng Sáng Chế	1
43618	Nhãn – Mũi Tên Chỉ Hướng	2
43658	Nhãn – Nguồn đến Bộ Sạc, 230 V*	1
44980	Nhãn – Nguồn đến Bộ Sạc, 115 V*	1
44981	Nhãn – Đường Khí đến Khung nâng*	2
52475	Nhãn – Neo Chốt Vận Chuyển	5
72086	Nhãn – Điểm Nâng	4
72143	Nhãn – Dừng Khẩn Cấp	1
82474	Nhãn – Sử Dụng Vật Chèn An Toàn	2
82481	Nhan – An Toàn Ắc Quy/An Toàn Khi Sạc	1
82487	Nhãn – Đọc Hướng Dẫn Sử Dụng	2
82495	Nhãn – An Toàn Nhả Phanh và Hướng Dẫn Vận Hành	1
82666	Nhãn – Khoang Xe Nâng	4
97719	Nhãn – Cần An Toàn	1
114337	Nhãn – Nguy Cơ Lật, Công Tắc Giới Hạn	1
114338	Nhãn – Nguy Cơ Lật, Còi Báo Nghiêng	1
137605	Nhãn – Dừng Khẩn Cấp, Điều Khiển Khung Nâng	1
137656	Nhãn – Hướng Lái/Điều Hướng, Điều Khiển Khung Nâng	1
1263542	Nhãn – Lối Vào Khoang Máy	2
1272242	Nhãn – Đăng Ký Máy/Chuyển Giao Quyền Sở Hữu	1
1278704	Nhãn – Đèn Báo Sạc Ắc-quy	1
1281174	Nhãn – Điểm Cột Dây Neo, Tránh Té Ngã/Hạn Chế Té Ngã	3
1283810	Nhãn – Bảng Điều Khiển Khung Nâng	1
1290673	Nhãn – Nguy Cơ Điện Giật, Phích Cắm	1
1290699	Nhãn – Sơ Đồ Vận Chuyển	2
1292052	Nhãn – Hạ Khẩn Cấp, GS-1330m	1
1292990	Nhãn – Nhả Phanh	1
1293166	Nguy hiểm, Cảnh báo – Nguy Cơ Lật, Nghiến	1
1293217	Nhãn – Nguy Hiểm, Nguy Cơ Điện Giật	3
1294688	Nhãn – Đèn Chỉ Báo LED Quá Tải Khung Nâng	1
1296034	Nhãn – Vùng Liên Kết Thông Minh Kép	2
1296299	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-1530	1
1296301	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-1930/32, GS-2632, GS-3232*	1
1298467	Nhãn – Đọc Hướng Dẫn Sử Dụng, (giá đỡ tấm)*	2
1298467	Nhãn – Đọc Hướng Dẫn Sử Dụng, (giá đỡ đường ống)*	2
1298467	Nhãn – Đọc Hướng Dẫn Sử Dụng, (khay làm việc)*	1
1298834	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy	1
1305532	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-1530/32	4
1305533	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-1930	4
1305534	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-1932	4
1307354	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-1932XH	4
1311623	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy, Lithium	1
T112804	Nhãn – Bảng Điều Khiển Dưới Đất	1

* Các nhãn này là dòng máy, tùy chọn và cấu hình cụ thể.

Nhãn bị che báo hiệu bộ phận không nhìn thấy được, thí dụ bên dưới nắp đậy

Kiểm tra


*1296299
*1296301
*43618
*1293217
*1293166
*1294688
*114338
*1296299
*1296301
*1293217
*1293166
*114338
*43618
1296034
*1294688
1283810
137656
137605
1281174
*1298467
***1298467
82487
*44981
*28235
*28174
43618
1296034
*1298467
82495
72086
52475
72086
52475
1290673
1293217
97719
1293217
82666
82474
82666
*28235
*28174
*44981
1292502
1278704
*44980
*43658
1292990
1290699
82666
82474
82666
114337
72086
1290699
52475
*1305532
*1305533
*1305534
*1307354
*1305532
*1305533
*1305534
*1307354
52475
1263542
T112804
72143
1272242
*1298834
*1311623
82481
1263542
*1305532
*1305533
*1305534
*1307354
38149
*1305532
*1305533
*1305534
*1307354
82487

Kiểm tra Nhãn Dán có các Ký Hiệu GS-2032, GS-2632 và GS-3232

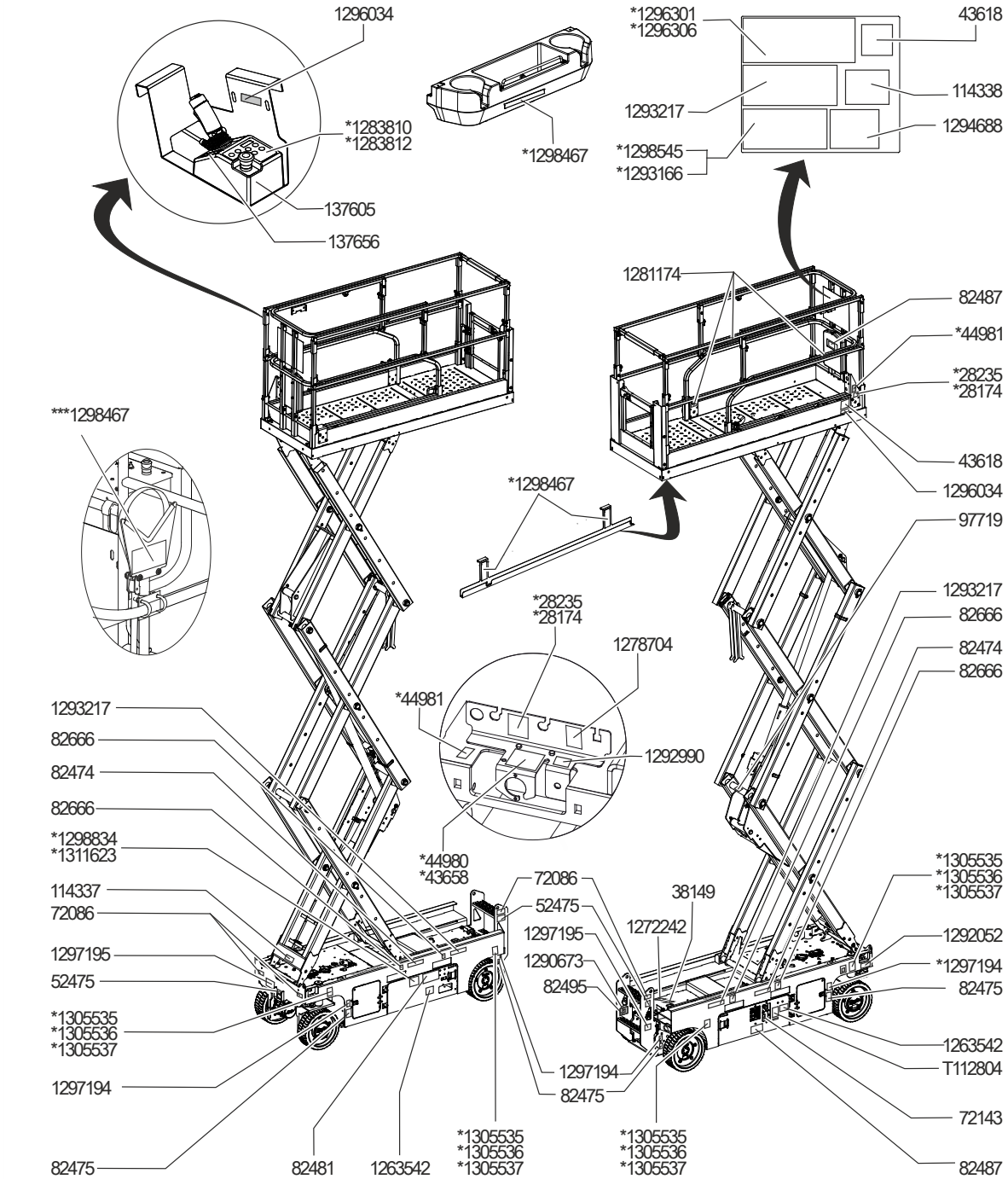
Xác định xem các nhãn dán trên máy của bạn có các từ hoặc biểu tượng không. Sử dụng cách thức kiểm tra thích hợp để chứng thực rằng tất cả nhãn đều có thể đọc được và được dán đúng chỗ.

Ma Linh Kiện.	Mô Tả Nhãn Dán	Số lượng
28174	Nhãn – Nguồn đến Khung nâng, 230 V*	2
28235	Nhãn – Nguồn đến Khung nâng, 115 V*	2
38149	Nhãn – Bằng Sáng Chế	1
43618	Nhãn – Mũi Tên Chỉ Hướng	2
43658	Nhãn – Nguồn đến Bộ Sạc, 230 V*	1
44980	Nhãn – Nguồn đến Bộ Sạc, 115 V*	1
44981	Nhãn – Đường Khí đến Khung nâng,*	2
52475	Nhãn – Neo Chốt Vận Chuyển	3
72086	Nhãn – Điểm Nâng	4
72143	Nhãn – Dừng Khẩn Cấp	1
82474	Nhãn – Sử Dụng Vật Chèn An Toàn	2
82475	Nhãn – Nguy Cơ Bị Nghiến, Dầm Chìa(Chỉ với GS-3232)*	4
82481	Nhan – An Toàn Ắc Quy/An Toàn Khi Sạc	2
82487	Nhan – Đoc Tài Liệu Hướng Dẫn	2
82495	Nhãn – An Toàn Nhả Phanh và Hướng Dẫn Vận Hành	1
82666	Nhãn – Khoang Xe Nâng	4
97719	Nhãn – Cần An Toàn	1
114337	Nhãn – Nguy Cơ Lật, Công Tắc Giới Hạn	1
114338	Nhãn – Nguy Cơ Lật, Còi Báo Nghiêng	1
137605	Nhãn – Dừng Khẩn Cấp, Điều Khiển Khung Nâng	1
137656	Nhãn – Hướng Lái/Điều Hướng, Điều Khiển Khung Nâng	1
1263542	Nhãn – Lối Vào Khoang Máy	2
1272242	Nhãn – Đăng Ký Máy/Chuyển Giao Quyền Sở Hữu	1
1278704	Nhãn – Đèn Báo Sạc Ắc-quy	1
1281174	Nhãn – Điểm Cột Dây Neo, Tránh Té Ngã/Hạn Chế Té Ngã	3
1283810	Nhãn – Bảng Điều Khiển Khung Nâng	1
1283812	Nhãn – Vùng Kép O/R, GS	1
1290673	Nhãn – Nguy Cơ Điện Giật, Phích Cắm	1
1292052	Nhãn – Hạ Khẩn Cấp, GS-1330m	1
1292990	Nhãn – Nhả Phanh	1
1293166	Nguy hiểm, Cảnh báo – Nguy Cơ Lật, Nghiến*	1
1293217	Nhãn – Nguy Hiểm, Nguy Cơ Điện Giật	3
1294688	Nhãn – Đèn Chỉ Báo LED Quá Tải Khung Nâng	1
1296034	Nhãn – Vùng Liên Kết Thông Minh Kép	2
1296301	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-1930/32, GS-2632, GS-3232*	1
1296306	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-2032*	1
1297194	Nhãn – Tải Trọng Dầm Chìa, GS-3232*	4
1297195	Nhãn – Sơ Đồ Vận Chuyển	2
1298467	Nhãn – Đọc Hướng Dẫn Sử Dụng, (giá đỡ tấm)*	2
1298467	Nhãn – Đọc Hướng Dẫn Sử Dụng, (giá đỡ đường ống)*	2
1298467	Nhãn – Đọc Hướng Dẫn Sử Dụng, (khay làm việc)*	1
1298545	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ngã, Nguy Cơ Nghiến, Dầm Chìa*	1
1298834	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy	1
1305535	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-2032	4
1305536	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-2632	4
1305537	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-3232	4
1311623	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy, Lithium	1
T112804	Nhãn – Bảng Điều Khiển Dưới Đất	1

* Các nhãn này là dòng máy, tùy chọn và cấu hình cụ thể.

■ Nhãn bị che báo hiệu bộ phận không nhìn thấy được, thí dụ bên dưới nắp đậy

Kiểm tra


1296034
*1283810
*1283812
137605
137656
*1298467
*1296301
*1296306
43618
114338
1293217
1294688
*1298545
*1293166
1281174
82487
*44981
*28235
*28174
43618
1296034
97719
1293217
82666
82474
82666
***1298467
*1298467
*28235
*28174
1278704
*44981
1292990
*44980
*43658
1293217
82666
82474
82666
*1298834
*1311623
114337
72086
1297195
52475
*1305535
*1305536
*1305537
1297194
82475
82481
1263542
*1305535
*1305536
*1305537
72086
52475
1297195
1290673
82495
1297194
82475
38149
1272242
*1305535
*1305536
*1305537
1292052
*1297194
82475
1263542
T112804
72143
82487
*1305535
*1305536
*1305537

Kiểm tra Nhãn Dán có các Từ GS-2046, GS-2646, GS-2646 XH, GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046

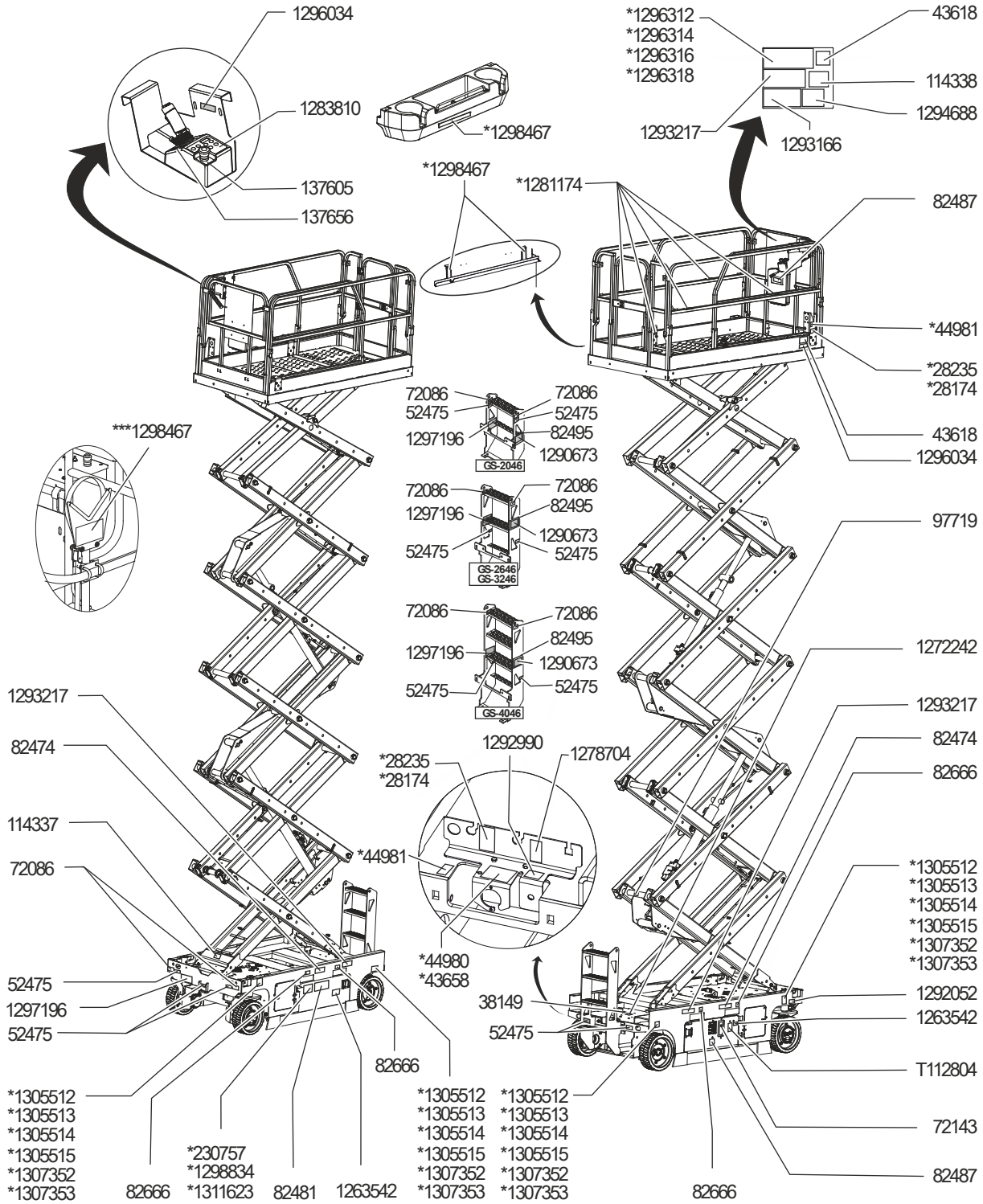
Xác định xem các nhãn dán trên máy của bạn có các từ hoặc biểu tượng không. Sử dụng cách thức kiểm tra thích hợp để chứng thực rằng tất cả nhãn đều có thể đọc được và được dán đúng chỗ.

Ma Linh Kiện.	Mô Tả Nhãn Dán	Số lượng
28174	Nhãn – Nguồn đến Khung nâng, 230 V*	2
28235	Nhãn – Nguồn đến Khung nâng, 115 V*	2
38149	Nhãn – Bằng Sáng Chế	1
43618	Nhãn – Mũi Tên Chỉ Hướng	2
43658	Nhãn – Nguồn đến Bộ Sạc, 230 V*	1
44980	Nhãn – Nguồn đến Bộ Sạc, 115 V*	1
44981	Nhãn – Đường Khí đến Khung nâng*	2
52475	Nhãn – Neo Chốt Vận Chuyển	6
72086	Nhãn – Điểm Nâng	4
72143	Nhãn – Dừng Khẩn Cấp	1
82474	Nhãn – Sử Dụng Vật Chèn An Toàn	2
82481	Nhan – An Toàn Ắc Quy/An Toàn Khi Sạc	1
82487	Nhan – Đoc Tài Liệu Hướng Dẫn	2
82495	Nhãn – An Toàn Nhả Phanh và Hướng Dẫn Vận Hành	1
82666	Nhãn – Khoang Xe Nâng	4
97719	Nhãn – Cần An Toàn	1
114337	Nhãn – Nguy Cơ Lật, Công Tắc Giới Hạn	1
114338	Nhãn – Nguy Cơ Lật, Còi Báo Nghiêng	1
137605	Nhãn – Dừng Khẩn Cấp, Điều Khiển Khung Nâng	1
137656	Nhãn – Hướng Lái/Điều Hướng, Điều Khiển Khung Nâng	1
230757	Nhãn – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy, GS-4046*	1
1263542	Nhãn – Lối Vào Khoang Máy	2
1272242	Nhãn – Đăng Ký Máy/Chuyển Giao Quyền Sở Hữu	1
1278704	Nhãn – Đèn Báo Sạc Ắc-quy	1
1281174	Nhãn – Điểm Cột Dây Neo, Tránh Té Ngã/Hạn Chế Té Ngã	5
1283810	Nhãn – Bảng Điều Khiển Khung Nâng	1
1290673	Nhãn – Nguy Cơ Điện Giật, Phích Cắm	1
1292052	Nhãn – Hạ Khẩn Cấp, GS-1330m	1
1292990	Nhãn – Nhả Phanh	1
1293166	Nguy hiểm, Cảnh báo – Nguy Cơ Lật, Nghiến	1
1293217	Nhãn – Nguy Hiểm, Nguy Cơ Điện Giật	3
1294688	Nhãn – Đèn Chỉ Báo LED Quá Tải Khung Nâng	1
1296034	Nhãn – Vùng Liên Kết Thông Minh Kép	2
1296312	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-2046*	1
1296314	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-2646*	1
1296316	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-3246*	1
1296318	Nguy hiểm – Tải Trọng Tối Đa, Lực Bên, GS-4047*	1
1297196	Nhãn – Vận Chuyển và Nâng	2
1298467	Nhãn – Đọc Hướng Dẫn Sử Dụng, (giá đỡ tấm)*	2
1298467	Nhãn – Đọc Hướng Dẫn Sử Dụng, (giá đỡ đường ống)*	2
1298467	Nhãn – Đọc Hướng Dẫn Sử Dụng, (khay làm việc)*	1
1298834	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy, GS-2046, GS-2646, GS-3246*	1
1305512	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-2046*	4
1305513	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-2646*	4
1305514	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-3246*	4
1305515	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-4046*	4
1307352	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-3246XH*	4
1307353	Nhãn – Tải Trọng Bánh, Truyền Động Điện, GS-2646XH*	4
1311623	Nguy hiểm – Nguy Cơ Lật, Ắc-quy, Lithium	1
T112804	Nhãn – Bảng Điều Khiển Dưới Đất	1

* Các nhãn này là dòng máy, tùy chọn và cấu hình cụ thể

. Nhãn bị che báo hiệu bộ phận không nhìn thấy được, thí dụ bên dưới nắp đậy

Kiểm tra


1296034
1283810
137605
137656
*1298467
*1298467
*1281174
*1296312
*1296314
*1296316
*1296318
43618
114338
1294688
1293217
1293166
82487
*44981
*28235
*28174
43618
1296034
97719
1272242
1293217
82474
82666
*1305512
*1305513
*1305514
*1305515
*1307352
*1307353
1292052
1263542
T112804
72143
82487
***1298467
72086
52475
1297196
72086
82495
1290673
52475
GS-2046
GS-2646
GS-3246
GS-4046
1293217
82474
114337
72086
52475
1297196
52475
*1305512
*1305513
*1305514
*1305515
*1307352
*1307353
82666
*230757
*1298834
*1311623
82481
1263542
82666
*28235
*28174
1292990
1278704
*44981
*44980
*43658
38149
52475
82666

Hướng Dẫn Vận Hành



Không Được Vận Hành Máy Trừ Khi:

☑ Người điều khiển phải học và thực hành các nguyên tắc vận hành an toàn có trong tài liệu hướng dẫn vận hành này.

1 Tránh các tình huống nguy hiểm.

2 Luôn tiến hành kiểm tra trước khi vận hành máy.

3 Luôn tiến hành kiểm tra chức năng trước khi dùng máy.

4 Kiểm tra nơi làm việc.

5 Chỉ sử dụng máy theo đúng mục đích sử dụng.

Các nguyên tắc cơ bản

Phần Hướng Dẫn Vận Hành cung cấp các hướng dẫn cần thiết cho từng lĩnh vực trong vận hành máy. Trách nhiệm của người vận hành là phải tuân theo tất cả những quy tắc an toàn và hướng dẫn trong các tài liệu hướng dẫn vận hành, an toàn và trách nhiệm.

Sử dụng máy cho bất cứ mục đích nào khác ngoài nâng người cùng dụng cụ và vật liệu ở địa điểm làm việc trên không là không an toàn và nguy hiểm.

Chỉ những người đã được huấn luyện và có thẩm quyền mới được phép vận hành máy. Nếu vào các thời điểm khác nhau trong cùng một ca làm việc có nhiều hơn một người vận hành máy cần sử dụng máy, tất cả những người này cần tuân thủ tất cả các quy định, trách nhiệm, hướng dẫn vận hành an toàn có trong cẩm nang này. Điều đó có nghĩa là mọi người vận hành mới đều phải thực hiện kiểm tra tiền vận hành, kiểm tra chức năng, và kiểm tra nơi làm việc trước khi sử dụng máy.

Hướng Dẫn Vận Hành

Dừng Khẩn Cấp

Đẩy nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ sang vị trí tắt trên bảng điều khiển dưới đất hoặc trên bảng điều khiển khung nâng để dừng tất cả các chức năng.

Sửa bất cứ chức năng nào còn vận hành khi nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ đã được đẩy.

Nút Hạ Phụ

1 Kéo nút hạ phụ để hạ khung nâng.

Vận hành từ Dưới Đất

1 Đảm bảo kết nối bộ ắc-quy trước khi vận hành máy.

2 Xoay chìa khóa công tắc về nấc điều khiển dưới đất.

3 Đẩy cả hai nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ dưới đất và trên khung nâng sang vị trí bật.

Để Định Vị Khung Nâng

1 Trên bảng điều khiển, nhấn nút Enter để chuyển đổi giữa khu vực hoạt động trong nhà và ngoài trời.

2 Nhấn và giữ nút kích hoạt chức năng nâng.

3 Nhấn nút nâng hoặc hạ khung nâng.

Vận hành từ Khung Nâng

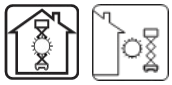
1 Đảm bảo kết nối bộ ắc-quy trước khi vận hành máy.

2 Xoay chìa khóa công tắc về nấc điều khiển khung nâng.

3 Đẩy cả hai nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ dưới đất và trên khung nâng sang vị trí bật.

Để Định Vị Khung Nâng

1 Nhấn nút sử dụng Trong Nhà hoặc Ngoài Trời.



Lưu ý: Nếu không chọn khu vực hoạt động nào, khu vực hoạt động Ngoài Trời sẽ được chọn tự động.

2 Nhấn nút chức năng nâng. Trên màn hình LED, sẽ hiển thị một vòng tròn bên dưới biểu tượng chức năng nâng.



Nếu không thể di chuyển tay cầm điều khiển trong vòng bảy giây sau khi đẩy nút chức năng nâng, vòng tròn bên dưới biểu tượng chức năng nâng sẽ tắt và chức năng dầm chìa sẽ không hoạt động. Nhấn lại nút chức năng nâng.

3 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

4 Máy được trang bị công tắc chân: Nhấn và giữ đồng thời công tắc chân và công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

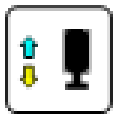
5 Di chuyển cần điều khiển theo hướng được đánh dấu trên bảng điều khiển.

Hướng Dẫn Vận Hành

Để Định Vị Dầm Chìa (dòng máy GS-3232)

Để Mở Dầm Chìa:

1 Nhấn nút chức năng dầm chìa. Trên màn hình LCD, một vòng tròn bên dưới biểu tượng chức năng dầm chìa sẽ bật sáng.



2 Máy được trang bị công tắc chân: Nhấn và giữ đồng thời công tắc chân và công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

3 Di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu vàng.

Dầm chìa sẽ bắt đầu mở. Đèn báo dầm chìa riêng sẽ chuyển sáng màu xanh lục khi dầm chìa tương ứng tiếp xúc với mặt đất. Tiếp tục di chuyển cần điều khiển cho đến khi đèn báo kích hoạt nâng chuyển sáng màu xanh lục và nghe thấy tiếng bíp. Máy hiện đã cân bằng. Khi đèn báo lỗi nâng chuyển thành màu đỏ, các chức năng nâng/hạ và lái sẽ bị tắt. Đèn báo lỗi nâng sẽ chuyển thành màu đỏ trong các tình trạng sau:

- Khung nâng được nâng đến độ cao tối đa có thể lái trong nhà hoặc ngoài trời và không sử dụng dầm chìa.
- Không phải tất cả các dầm chìa đều tiếp xúc với mặt đất.
- Cả bốn dầm chìa đều tiếp xúc với mặt đất, nhưng máy vẫn không cân bằng.
- Mã lỗi.

Lưu ý: Nếu nút mở và kích hoạt dầm chìa được nhả quá sớm trong quá trình mở, đèn chỉ báo dầm chìa sẽ tiếp tục nháy sáng màu xanh lục, cho biết dầm chìa không tiếp xúc với mặt đất.

Lưu ý: Nếu đèn dầm chìa sáng màu xanh lục, máy có thể không cân bằng hoặc dầm chìa có thể không được mở hết nếu nghe thấy tiếng bíp dài từ còi báo điều khiển khung nâng.

Để Thu Dầm Chìa:

1 Nhấn nút chức năng dầm chìa.



2 Máy được trang bị công tắc chân: Nhấn và giữ đồng thời công tắc chân và công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

3 Di chuyển cần điều khiển theo hướng của mũi tên màu xanh dương.

Nhả cần điều khiển sau khi dầm chìa được nhấc khỏi mặt đất. Sau khoảng 5 giây, đèn báo dầm chìa sẽ tắt. Tất cả các chức năng hiện đã được khôi phục.

Lưu ý: Nếu nút thu và kích hoạt dầm chìa được nhả quá sớm trong quá trình thu, đèn chỉ báo dầm chìa sẽ nháy sáng màu xanh lục, cho biết dầm chìa không được thu lại hết.

Hướng Dẫn Vận Hành

Để Điều Hướng

1 Nhấn nút chức năng lái. Trên màn hình LED, một vòng tròn bên dưới biểu tượng chức năng lái sẽ bật sáng.

Nếu không thể di chuyển tay cầm điều khiển trong vòng bảy giây sau khi nhấn nút chức năng lái, vòng tròn bên dưới biểu tượng chức năng lái sẽ tắt và chức năng lái sẽ không hoạt động. Nhấn lại nút chức năng lái.

2 Nhấn và giữ công tắc chân (nếu được trang bị).

3 Xoay bánh lái bằng công tắc điều khiển bằng ngón cái nằm ở phía trên cần điều khiển.



Để lái

1 Nhấn nút chức năng lái. Trên màn hình LED, một vòng tròn bên dưới biểu tượng chức năng lái sẽ bật sáng.

Nếu không thể di chuyển tay cầm điều khiển trong vòng bảy giây sau khi nhấn nút chức năng lái, vòng tròn bên dưới biểu tượng chức năng lái sẽ tắt và chức năng lái sẽ không hoạt động. Nhấn lại nút chức năng lái.

2 Máy được trang bị công tắc chân: Nhấn và giữ đồng thời công tắc chân và công tắc kích hoạt chức năng trên cần điều khiển.

3 Tăng tốc: Từ từ di chuyển cần điều khiển ra khỏi trung tâm.

Giảm tốc: Từ từ di chuyển cần điều khiển về phía trung tâm.

Dừng: Đưa cần điều khiển về trung tâm hoặc nhả công tắc kích hoạt chức năng.

Sử dụng các mũi tên chỉ hướng theo mã màu trên bảng điều khiển khung nâng và trên khung nâng để xác định hướng di chuyển của máy.

Tốc độ di chuyển của máy bị hạn chế khi khung nâng đang được nâng lên.

Tình trạng ắc-quy sẽ ảnh hưởng điếu hiệu suất của máy. Tốc độ lái của máy và tốc độ chức năng sẽ giảm khi đèn báo dung lượng ắc-quy nháy sáng.

Hướng Dẫn Vận Hành

Để chọn tốc độ lái

Bảng điều khiển lái có thể vận hành ở hai chế độ tốc độ lái khác nhau. Khi đèn nút tốc độ lái bật sáng, chế độ tốc độ lái chậm được kích hoạt. Khi đèn nút tốc độ lái tắt, chế độ tốc độ lái nhanh được kích hoạt.

Nhấn nút tốc độ lái để chọn tốc độ lái mong muốn.



Lưu ý: Khi khung nâng được nâng lên, đèn nút tốc độ lái luôn bật sáng, cho biết tốc độ lái đã tăng.

⚠ Lái trên bề mặt dốc

Xác định tỷ lệ dốc lên và dốc ngang cho máy và xác định cấp độ dốc.

Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn:



GS-1530, GS-1532, GS-2032, GS-2046, GS-2646, GS-2646 XH	30%	16,7°
GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH, GS-2632, GS-3232, GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046	25%	14°

Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn:



GS-1530, GS-2032, GS-2046, GS-2646, GS-2646 XH	30%	16,7°
GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH, GS-2632, GS-3232, GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046	25%	14°

Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép.

Để xác định độ dốc:

Đo độ dốc bằng máy đo độ nghiêng kỹ thuật số HOẶC sử dụng quy trình sau đây.

Bạn sẽ cần:

- thước đo độ nghiêng
- một miếng gỗ thẳng, dài tối thiểu 3 feet/1 m
- thước dây

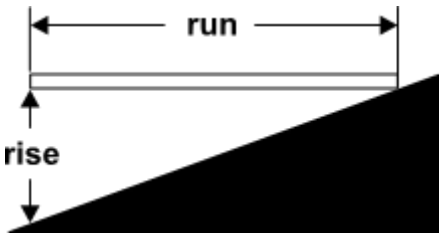
Đặt mảnh gỗ nằm trên mặt dốc.

Ở đầu dốc xuống, đặt thước đo độ nghiêng trên cạnh của mảnh gỗ và nâng đầu mảnh gỗ lên đến khi nào mảnh gỗ đứng thẳng.

Trong khi giữ mảnh gỗ cân bằng, dùng thước dây đo khoảng cách từ đáy của mảnh gỗ đến mặt đất.

Chia khoảng cách đo được (khoảng nâng) cho chiều dài của mảnh gỗ (chiều dài) và nhân với 100.

Ví dụ:



Miếng gỗ = 144 inch (3,6 m)

Chiều dài = 144 inch (3,6 m)

Khoảng nâng = 12 inch (0,3 m)

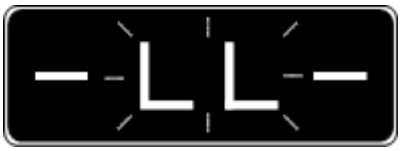
12 in ÷ 144 in = 0,083 x 100 = 8,3% grade
0,3 m ÷ 3,6 m = 0,083 x 100 = 8,3% grade

Nếu độ dốc vượt quá tỷ lệ dốc lên hoặc dốc ngang tối đa, thì phải kéo tời hoặc vận chuyển máy lên hoặc xuống dốc. Xem phần Hướng Dẫn về Vận Chuyển và Nâng.

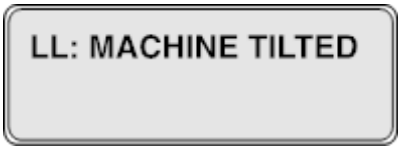
Hướng Dẫn Vận Hành

Mã chỉ báo vận hành

Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo Hướng Dẫn Bảo Trì phù hợp của Genie. Bạn cũng có thể xem mã và nội dung mô tả mã trên màn hình LCD điều khiển dưới đất.



Màn hình LED



Màn hình LCD

Mã Chỉ Báo Vận Hành	
Mã	**Điều kiện**
LL	Không Cân Bằng
OL	Khung Nâng Quá Tải
CH	Vận Hành Chế Độ Khung Lái
PHS	Tấm Bảo Vệ Tránh Ổ Gà Bị Kẹt
ND	Không Lái (tùy chọn)
HEAt	Làm Ấm Ắc-Quy
LD	Tắt Chức Năng Nâng (Chỉ với GS-3232)
OHL	Giới Hạn Chiều Cao Ngoài Trời

Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo Hướng Dẫn Bảo Trì phù hợp của Genie. Bạn cũng có thể xem mã và nội dung mô tả mã trên màn hình LCD điều khiển dưới đất.

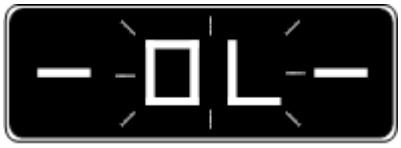
Khung nâng bị quá tải

Nếu màn hình chẩn đoán LED trên bảng điều khiển khung nâng hiển thị OL nháy sáng và màn hình chẩn đoán LCD trên bảng điều khiển dưới đất hiển thị OL: Platform Overloaded (Khung Nâng Quá Tải), khung nâng bị quá tải và không chức năng nào sẽ hoạt động. Còi báo sẽ kêu.

1 Đẩy nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ về vị trí tắt.

2 Dỡ tải khỏi khung nâng.

3 Đẩy nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ sang vị trí bật.



Màn hình LED



Màn hình LCD

Khi khung nâng đang được nâng hoặc hạ, chức năng tự kiểm tra sẽ được thực hiện gần độ cao tối đa. Máy có thể sẽ dừng lại và còi báo có thể sẽ kêu. Nếu máy không quá tải, máy sẽ tiếp tục hoạt động bình thường.

Phục Hồi Quá Tải

Nếu màn hình chẩn đoán LCD trên bảng điều khiển dưới đất hiển thị Overload Recovery (Phục Hồi Quá Tải), hệ thống hạ phụ đã được sử dụng khi khung nâng quá tải. Để biết thông tin về cách đặt lại thông báo, vui lòng tham khảo Hướng Dẫn Bảo Trì phù hợp của Genie.

Hướng Dẫn Vận Hành

Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng

Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng	
Góc Khung Lái (giữa các mặt)	1,5°
Góc Khung Lái (từ trước ra sau)	3°



Nếu còi báo nghiêng kêu khi đang nâng khung nâng, hãy hạ khung nâng và di chuyển máy đến bề mặt chắc chắn, bằng phẳng. Nếu còi báo nghiêng reo khi khung nâng đang ở trị trí nâng cao, hãy hết sức thận trọng khi hạ khung nâng.



Khi màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng sẽ hiển thị LL, màn hình LCD trên bảng điều khiển dưới đất sẽ hiển thị LL: Machine Tilted (Máy Nghiêng) và còi báo nghiêng kêu 180 tiếng bíp mỗi phút, các chức năng sau sẽ bị ảnh hưởng: các chức năng lái, điều hướng và nâng bị tắt.

Đưa máy trở lại vùng đất bằng phẳng để khôi phục chức năng nâng.

Vận Hành từ Bảng Điều Khiển Dưới Đất

Duy trì khoảng cách an toàn giữa người vận hành, máy và các vật cố định.

Biết hướng máy sẽ di chuyển khi sử dụng bảng điều khiển.

Đèn Báo Dung Lượng Ắc-quy

Sử dụng màn hình chẩn đoán LED để xác định dung lượng ắc-quy.

Lưu ý: Khi mã LO nhấp nháy xuất hiện trên màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng, phải dừng vận hành máy và sạc, nếu không tất cả các chức năng của máy sẽ bị tắt.



Sạc Đầy



Sạc Một Nửa



Ắc-quy Yếu



LO Nhấp Nháy

Hướng Dẫn Vận Hành

Làm Ấm Ắc-Quy

Khi nhiệt độ của ắc-quy lithium ở dưới giới hạn hoạt động là -4°F/-20°C, ắc-quy sẽ cần thời gian để ấm lên, quá trình này được gọi là Làm Ấm Ắc-quy.

- ❑ Chu kỳ làm ấm yêu cầu máy luôn BẬT (nút Dừng Khẩn Cấp ở vị trí bật).
- ❑ Thông báo HEAt sẽ hiển thị trên màn hình LED của bảng điều khiển khung nâng trong 8 giây.
- ❑ Sau 8 giây, màn hình LED sẽ hiển thị thời gian còn lại cho đến khi kết thúc chu kỳ làm ấm. Màn hình sẽ có định dạng "phút.giây".
- ❑ Màn hình sẽ chuyển đổi giữa thông báo HEAt và thông báo thời gian còn lại trong quá trình diễn ra chu kỳ làm ấm.
- ❑ Khi kết thúc chu kỳ làm ấm, sẽ có âm báo phát ra và máy tự động chuyển sang trạng thái Hệ Thống Sẵn Sàng.

Cách Sử Dụng Cần An Toàn

1 Nâng khung nâng lên cao khoảng 8 ft/2,4 m đến 13 ft/4,0 m so với mặt đất.

2 Xoay cần an toàn ra khỏi máy và để nó treo xuống.

3 Hạ khung nâng cho đến khi cần an toàn nằm chắc chắn trên liên kết. Tránh xa cần an toàn khi hạ khung nâng.

Cách Gập Thanh Chắn Bảo Vệ

GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-2032, GS-2632 và GS-3232

Hệ thống thanh chắn bảo vệ của khung nâng gồm một phần thanh chắn có thể gập xuống để mở rộng sàn làm việc và một phần cho sàn chính. Tất cả các phần đều được cố định bằng bốn chốt khóa dây.

1 Hạ hết khung nâng và thu phần mở rộng khung nâng lại.

2 Loại bỏ bảng điều khiển khung nâng.

⚠ Nguy cơ té ngã. Phải luôn cẩn trọng và giữ tư thế đứng vững trên sàn khung nâng khi gập thanh chắn bảo vệ.

3 Từ bên trong khung nâng, tháo hai chốt khóa sàn làm việc mở rộng.

⚠ Giữ tay tránh xa các điểm kẹp.

4 Từ giữa thanh chắn sàn làm việc mở rộng, gập cụm thanh chắn sàn làm việc mở rộng về phía sau thiết bị.

5 Ở phía sau sàn chính, tháo hai chốt khóa sàn chính.

⚠ Giữ tay tránh xa các điểm kẹp.

6 Từ giữa thiết bị, gập hệ thống thanh chắn sàn chính về phía trước thiết bị.

7 Tháo chốt khóa khỏi ống xoay lối vào. Nâng và bước qua ống xoay lối vào, hạ ống xoay lối vào và lắp chốt khóa.

8 Cẩn thận mở cửa và ra khỏi khung nâng.

9 Lắp lại bốn chốt khóa vào mỗi phía giá đỡ thanh chắn.

Lưu ý: Để giúp tháo và thay thế các chốt khóa dây, hãy kéo hoặc đẩy lại trên thanh chắn để nén các tấm đệm cao su.

Hướng Dẫn Vận Hành

GS-2046, GS-2646, GS-3246

Hệ thống thanh chắn bảo vệ của khung nâng gồm ba phần thanh chắn có thể gập xuống để mở rộng sàn làm việc và ba phần cho sàn chính. Tất cả sáu phần đều được cố định bằng bốn chốt khóa dây.

1 Hạ hết khung nâng và thu phần mở rộng khung nâng lại.

2 Loại bỏ bảng điều khiển khung nâng.

3 Từ bên trong khung nâng, tháo hai chốt khóa dây phía trước.

4 Gập cụm thanh chắn phía trước. Giữ tay tránh xa các điểm kẹp.

5 Lắp lại hai chốt đã tháo vào mỗi phía giá đỡ thanh chắn.

6 Gập từng phía cụm thanh chắn. Giữ tay tránh xa các điểm kẹp.

7 Ở phía sau sàn chính, tháo hai chốt khóa dây.

8 Cẩn thận mở cửa và di chuyển xuống đất.

9 Gập các thanh chắn phía lối vào và cổng phía sau làm một. Giữ tay tránh xa các điểm kẹp.

10 Gập thanh chắn bên phải và trái. Giữ tay tránh xa các điểm kẹp.

11 Lắp lại hai chốt đã tháo vào mỗi phía giá đỡ thanh chắn.

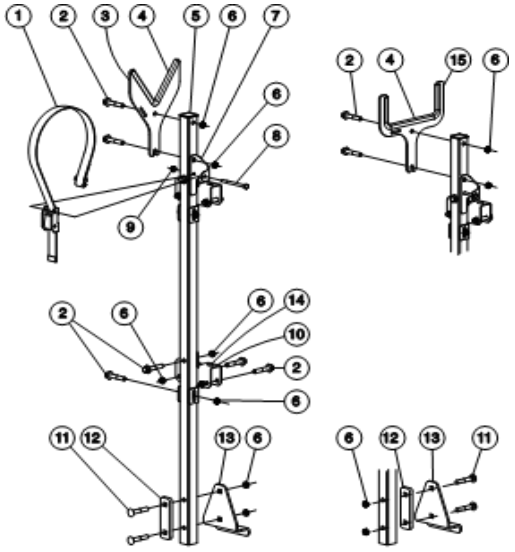
Cách Nâng Thanh Chắn Bảo Vệ

Làm theo hướng dẫn gập, nhưng theo thứ tự ngược lại, đảm bảo rằng tất cả các chốt khóa đều nằm đúng vị trí và được lắp đặt đúng.

Hướng Dẫn Vận Hành

Hướng Dẫn Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng

Cụm Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng bao gồm 2 giá đỡ đường ống nằm ở một trong hai phía của khung nâng và gắn vào thanh chắn bảo vệ bằng bu-lông chữ U.



GS-1530 GS-1930
GS-1932 GS-1932 XH
GS-2032 GS-2632 GS-3232

GS-2046
GS-2646 GS-2646 XH
GS-3246 GS-3246 XH
GS-4046

1 dây đai
2 bu-lông, 3/8-16 x 2"
3 giá đỡ
4 cắt cạnh
5 nắp
6 đai ốc, 3/8-16
7 nẹp dây đai
8 bu-lông, 1/4-20 x 3,25"
9 đai ốc, 1/4-20
10 giá chốt
11 bu-lông thân xe, 3/8-16 x 2,25"
12 miếng đệm
13 bệ chân
14 đệm cao su
15 giá đỡ đường ống lớn

Quan sát và Tuân thủ:

☑ Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng phải được gắn vào bên trong khung nâng.

☑ Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng không được sử dụng với các phụ kiện khác, ngoại trừ Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng và Còi Báo Tiếp Xúc Bảo Vệ Nâng.

☑ Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng không được cản trở bảng điều khiển khung nâng hoặc lối vào khung nâng.

☑ Cụm Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng được giới hạn chỉ sử dụng trong nhà.

☑ Khung nâng chỉ dành cho một người khi đang sử dụng Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng.

☑ Bệ chân dưới cùng của ống Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng phải nằm trên tấm để chân của khung nâng.

☑ Đảm bảo gắn chắc chắn Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng vào khung nâng.

Lắp Đặt Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng

1 Trượt các giá gắn thanh chắn cho đến khi đệm cao su nằm trên các thanh chắn.

2 Siết chặt bu-lông trên giá bệ chân.

3 Siết chặt bu-lông trên giá gắn thanh chắn.

Hướng Dẫn Vận Hành

Vận Hành Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng

1 Đặt tải sao cho nó nằm trong cả hai Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng. Chiều dài tải phải tương đương với chiều dài của khung nâng và nằm giữa các Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng.

2 Cố định vật tải vào Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng. Luồn dây đai nylon qua vật tải. Nhấn khóa và trượt dây đai qua. Siết chặt dây đai.

3 Đẩy nhẹ và kéo trên vật tải để đảm bảo Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng và vật tải được cố định chắc chắn.

4 Duy trì độ chắc chắn của vật tải khi máy di chuyển.

Trọng lượng của cụm Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng 25 lbs/11,4 kg.

Tải Trọng Tối Đa Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng	
GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH, GS-2032	215 lbs 97,5 kg
GS-2632, GS-3232	100 lbs 45,4 kg
GS-2046, GS-2646, GS-2646 XH	445 lbs 202,0 kg
GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046	100 lbs 45,4 kg

⚠ Nguy cơ lật. Trọng lượng của cụm Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng và vật tải trong cụm Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng sẽ làm giảm tải trọng định mức của khung nâng của máy và phải được tính vào tổng tải trọng của khung nâng.

⚠ Nguy cơ lật. Trọng lượng của cụm Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng và vật tải trong cụm Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng có thể hạn chế số người tối đa có thể ở trong khung nâng.

Tải trọng giá đỡ đường ống lớn: Đường kính tối đa 6”. Xem biểu đồ tải để biết tải trọng.

Không được vận hành máy trừ khi bạn được hướng dẫn đầy đủ và biết rõ tất cả những nguy cơ liên quan đến đường ống nâng.

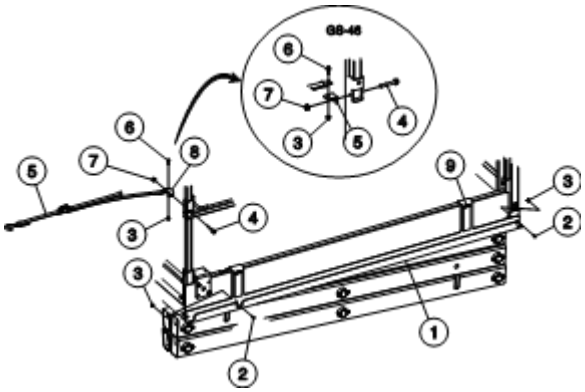
Không tạo ra lực ngang hoặc tải trọng bên lên máy bằng cách nâng hoặc hạ tải cố định hoặc treo.

Không vận chuyển thiết bị khi lắp đặt Giá Đỡ Đường Ống của Công Cụ Nâng. Tháo toàn bộ cụm trước khi vận chuyển thiết bị.

Hướng Dẫn Vận Hành

Hướng Dẫn Giàn Tải Tấm

Cụm Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng bao gồm một cụm giàn tải và một cụm dây đai.



1 giàn tải

2 bu-lông giàn tải, 1/4-20 x 0,75"

3 đai ốc, 1/4-20

4 bu-lông, 3/8-16 x 2,25"

5 dây đai

6 bu-lông, 1/4-20 x 0,75"

7 đai ốc, 3/8-16

8 neo, dây đai

9 nhãn dán, cảnh báo

Quan sát và Tuân thủ:

☑ Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng phải được gắn vào bên trái khung nâng.

☑ Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng không được sử dụng với các phụ kiện khác, ngoại trừ Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng.

☑ Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng không được cản trở bảng điều khiển khung nâng hoặc lối vào khung nâng.

☑ Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng được giới hạn chỉ sử dụng trong nhà.

☑ Khung nâng chỉ dành cho một người khi đang sử dụng Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng.

☑ Đảm bảo gắn chắc chắn Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng vào khung nâng.

Lắp Đặt Giàn Tải Tấm

1 Treo giàn tải (1) trên mặt bích dưới cùng của khung nâng, ở phía bên trái.

2 Cố định giàn tải bằng 2 bu-lông giàn tải 1/4" (2) và đai ốc khóa (3).

3 Gắn chốt gắn (8) vào trụ thanh chắn phía trước. Một bu-lông 3/8" (4) và đai ốc (7) được cung cấp.

4 Gắn dây đai (5) vào chốt gắn.

Hướng Dẫn Vận Hành

Lắp Đặt Dây Đai Giàn Tải Tấm

1 Mở kẹp và lắp đặt nó lên chốt gắn bằng bu-lông 1/4" x 0,75" (6).

2 Lắp đặt tấm đầu cụm dây đai vào bu-lông.

3 Lắp bu-lông qua phía còn lại của kẹp.

Vận Hành Giàn Tải Tấm

1 Đặt tải sao cho nó nằm giữa Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng.

2 Cố định tải vào khung nâng bằng dây đai bằng cách luồn dây đai từ phía trước vật tải và cố định móc hình chữ S quanh thanh chắn trên gần phía sau khung nâng.

3 Đẩy nhẹ và kéo trên vật tải để đảm bảo giàn tải tấm và vật tải được cố định chắc chắn.

4 Duy trì độ chắc chắn của vật tải khi máy di chuyển.

Cụm Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng nặng 22 lbs/10 kg.

Biểu Đồ Tải Trọng Tối Đa Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng

GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH GS-2032, GS-2632, GS-3232	100 lbs 45,4 kg
GS-2046, GS-2646, GS-2646 XH, GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046	200 lbs 90,7 kg

⚠ Nguy cơ lật. Trọng lượng của cụm Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng và vật tải trong cụm Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng sẽ làm giảm tải trọng định mức của khung nâng của máy và phải được tính vào tổng tải trọng của khung nâng.

⚠ Nguy cơ lật. Trọng lượng của cụm Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng và vật tải trong cụm Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng có thể hạn chế số người tối đa có thể ở trong khung nâng.

⚠ Kích thước tấm tối đa được phép: Cao 4 feet x dài 8 feet. Xem biểu đồ tải để biết tải trọng.

Không được vận hành máy trừ khi bạn được hướng dẫn đầy đủ và biết rõ tất cả những nguy cơ liên quan đến tấm nâng.

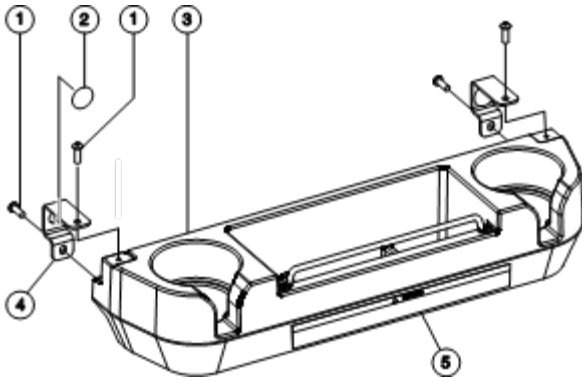
Không tạo ra lực ngang hoặc tải trọng bên lên máy bằng cách nâng hoặc hạ tải cố định hoặc treo.

Không vận chuyển thiết bị khi lắp đặt Giàn Tải Tấm của Công Cụ Nâng. Tháo toàn bộ cụm trước khi vận chuyển thiết bị.

Hướng Dẫn Vận Hành

Hướng Dẫn Sử Dụng Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng

Cụm Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng bao gồm một khay và hai giá gắn có phần cứng.



1 bu-lông, 1/4-20 x 0,75"

2 đệm cao su

3 khay làm việc của công cụ nâng

4 giá khay công cụ

5 nhãn dán, cảnh báo

Quan sát và Tuân thủ: Lắp Đặt Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng

☑ Phải lắp đặt Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng bên trong khung nâng.

☑ Chỉ có thể sử dụng một Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng cho mỗi máy.

☑ GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH: gắn Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng lên thanh chắn của Sàn Mở Rộng ở phía đối diện PCON.

☑ GS-2032, GS-2632, GS-3232, GS-2046, GS-2646, GS-2646 XH, GS-3246, GS-3246 XH, GS-4046: gắn Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng trên thanh chắn của sàn mở rộng đối diện với PCON hoặc trên thanh chắn của sàn chính phía sau sàn mở rộng khi được thu về trên một trong hai phía của máy.

☑ Có thể sử dụng Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng trên thanh chắn phía trên hoặc phía dưới.

☑ Đảm bảo gắn chắc chắn Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng vào khung nâng.

☑ Dây buộc Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng chỉ dành cho các công cụ. Không được gắn dây an toàn cá nhân.

Lắp Đặt Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng

1 Siết chặt bốn bu-lông 1/4-20 x 0,75 (1).

Vận Hành Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng

1 Đặt tải sao cho nó nằm bên trong Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng.

Cụm Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng nặng 4 lbs/1,8 kg.

Tải trọng tối đa của Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng là 50 lbs/23 kg.

⚠ Nguy cơ lật. Trọng lượng của cụm Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng và vật tải trong cụm Khay Làm Việc của Công Cụ Nâng sẽ làm giảm tải trọng định mức của khung nâng của máy và phải được tính vào tổng tải trọng của khung nâng.

Hướng Dẫn Vận Hành

Hướng Dẫn Giới Hạn Chiều Cao Khung Nâng

Giới Hạn Chiều Cao Khung Nâng cho phép khung nâng được giới hạn đến chiều cao cụ thể.

Quan sát và Tuân thủ: Giới Hạn Chiều Cao Khung Nâng

☑ Đọc, hiểu rõ và tuân thủ tất cả các cảnh báo và hướng dẫn được cung cấp kèm theo Giới Hạn Chiều Cao Khung Nâng.

Vận Hành Giới Hạn Chiều Cao Khung Nâng

Để hạn chế chiều cao:

Lưu ý: Phải bật tùy chọn Chiều Cao Tối Đa của Người Dùng. Xem Hướng Dẫn Bảo Dưỡng và Sửa Chữa.

1 Nâng khung nâng đến độ cao tối đa mong muốn bằng bảng điều khiển khung nâng.

2 Nhấn và giữ nút chọn chức năng nâng trên bảng điều khiển khung nâng trong 5 giây.

3 Giới hạn chiều cao khung nâng tối đa được kích hoạt khi:

   a Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng hiển thị “LoHt” và

   b Còi báo kêu bíp 7 lần.

4 Tiến hành kiểm tra chức năng trước khi sử dụng.

Để xóa giới hạn chiều cao:

1 Xoay chìa khóa công tắc về nấc điều khiển khung nâng.

2 Kéo nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ sang vị trí bật trên bảng điều khiển dưới đất.

3 Kéo nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ sang vị trí bật trên bảng điều khiển khung nâng.

4 Nhấn và giữ nút chọn chức năng nâng trong 5 giây, ở bất kỳ độ cao nào.

5 Giới hạn chiều cao khung nâng tối đa được xóa bỏ khi:

   a Màn hình LED trên bảng điều khiển khung nâng hiển thị “FLHt” và

   b Còi báo kêu bíp 7 lần.

Để kiểm tra giới hạn chiều cao khung nâng:

1 Nhấn và giữ nút kích hoạt chức năng nâng, sau đó nhấn nút nâng khung nâng.

⊙ Kết quả: Khung nâng sẽ nâng lên đến chiều cao được thiết lập trước đó. Sau khi đạt đến giới hạn chiều cao tối đa, khung nâng sẽ dừng di chuyển. Nếu người vận hành tiếp tục giữ cần điều khiển ở hướng nâng trong hơn 2 giây sau khi đạt đến giới hạn chiều cao tối đa, còi báo khung nâng sẽ phát ra tiếng bíp trong một giây và LoHt được hiển thị trên màn hình LED của bảng điều khiển khung nâng.

Lưu ý: Phải bật tùy chọn Chiều Cao Tối Đa của Người Dùng và phải thiết lập trước chiều cao.

Hướng Dẫn Vận Hành



Hướng Dẫn Sử Dụng Ắc-quy và Bộ Sạc

Quan sát và Tuân thủ:

☑ Không sử dụng bộ sạc ngoài và ắc-quy tăng áp.

☑ Sạc ắc-quy ở nơi thoáng khí.

☑ Sử dụng điện áp đầu vào AC phù hợp để sạc theo chỉ dẫn trên bộ sạc.

☑ Chỉ sử dụng ắc-quy và bộ sạc do Genie chỉ định.

Để Sạc Ắc-quy

1 Đảm bảo đã kết nối ắc-quy trước khi sạc.

2 Mở ngăn chứa ắc-quy. Ngăn chứa Khay ắc-quy phải luôn ở trạng thái mở trong quá trình sạc.

Ắc-quy lithium không cần bảo trì

1 Kết nối bộ sạc ắc-quy với mạch điện AC có nối đất.

2 Bộ sạc sẽ cho biết khi nào ắc-quy được sạc đầy.

Ắc-quy tiêu chuẩn

1 Tháo các nắp thông hơi ắc-quy và kiểm tra mức axit trong ắc-quy. Nếu cần, chỉ thêm lượng nước cất vừa đủ để phủ kín các tấm. Không được đổ tràn trước khi sạc.

2 Thay thế nắp thông hơi ắc-quy.

3 Kết nối bộ sạc ắc-quy với mạch điện AC có nối đất.

4 Bộ sạc sẽ cho biết khi nào ắc-quy được sạc đầy.

5 Kiểm tra mức axít trong bình ắc quy khi hoàn tất quá trình sạc. Châm thêm nước cất vào đáy của ống chứa nước. Không được châm tràn.

Sau Mỗi Lần Sử Dụng

1 Chọn vị trí dừng đỗ máy an toàn—có bề mặt bằng phẳng và vững vàng, không có vật cản và xe cộ lưu thông.

2 Hạ khung nâng.

3 Vặn chìa khóa công tắc về vị trí tắt máy và rút chìa khóa ra để bảo đảm máy không bị sử dụng trái phép.

4 Sạc ắc-quy.

Bảo Quản Máy

Việc chuẩn bị và xếp gọn máy đúng cách để bảo quản lâu dài sẽ giúp dễ dàng hơn khi cần đưa máy vào sử dụng lại.

1 Xem phần Sau Mỗi Lần Sử Dụng để biết các hướng dẫn về xếp gọn máy cơ bản.

2 Bảo quản máy tại địa điểm khô ráo và thoáng khí. Đảm bảo máy sạch và khô.

3 Luôn tiến hành Kiểm Tra Trước Khi Vận Hành Máy một cách toàn bộ.

4 Mẫu Máy có Động Cơ: đổ đầy nhiên liệu vào bình xăng.

5 Tham khảo phần Bảo Trì Định Kỳ trong Hướng Dẫn Bảo Trì thích hợp và hoàn thành từng quy trình bôi trơn.

6 Tháo và bảo quản ắc-quy.Mẫu Máy có Động Cơ: Tham khảo hướng dẫn sử dụng động cơ OEM để biết thêm các quy trình bảo quản mở rộng. Khi cần, hãy khởi động và chạy động cơ trong 10 phút.

Hướng dẫn Vận Chuyển và Nâng



Quan sát và Tuân thủ:

- ☑ Genie cung cấp thông tin an toàn này như một khuyến nghị. Người lái phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc bảo đảm rằng máy được bảo vệ đúng cách và loại xe moóc thích hợp được chọn để vận chuyển máy chiếu theo các quy định của Bộ Giao Thông Hoa Kỳ, các quy định khác của địa phương và chính sách của công ty.
- ☑ Khách hàng của Genie cần đóng kiện bất cứ máy nâng hay sản phẩm nào của Genie phải chọn một hãng vận chuyển hàng hóa đủ phẩm chất có chuyên môn trong việc chuẩn bị, bốc dỡ hàng và neo giữ thiết bị xây cất và nâng hàng để giao hàng quốc tế.
- ☑ Chỉ những người vận hành máy nâng trên không có chuyên môn mới được phép di chuyển máy lên hoặc xuống khỏi xe tải.
- ☑ Xe chuyên chở phải đậu trên một bề mặt bằng phẳng.
- ☑ Xe chuyên chở phải được chèn chặt để tránh lăn bánh khi đưa máy lên xe.
- ☑ Bảo đảm rằng trọng tải của xe chuyên chở, bề mặt bốc dỡ hàng và các dây xích và dây buộc đủ khả năng chịu được trọng lượng của máy. Các máy nâng của Genie rất nặng so với kích thước. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy.
- ☑ Máy phải nằm trên bề mặt phẳng hoặc được cố định trước khi nhả phanh.
- ☑ Không làm rơi các thanh chắn khi tháo các chốt khóa. Giữ chắc trên các thanh chắn khi thanh chắn được hạ xuống.
- ☑ Không được lái máy trên mặt dốc vượt quá tỷ lệ dốc lên, dốc xuống hoặc dốc nghiêng cho phép. Xem phần Lái Trên Bề Mặt Dốc trong phần Hướng Dẫn Vận Hành.
- ☑ Nếu độ dốc của sàn xe chuyên chở vượt quá tỷ lệ dốc xuống hoặc dốc lên tối đa, thì khi bốc và dỡ máy phải sử dụng tời hoặc xe nâng theo quy định trong mục vận hành nhả phanh. Xem mục Thông Số Kỹ Thuật để biết tỷ lệ dốc.

Hướng dẫn Vận Chuyển và Nâng

Vận Hành Nhả Phanh, Tùy Chọn Truyền Động Thủy Lực

1 Chèn kỹ bánh xe để tránh cho máy khỏi lăn.



2 Đảm bảo rằng dây tời được siết chặt an toàn vào các điểm buộc trên khung lái và đường di chuyển không có vật cản.

3 Đẩy nút nhả phanh màu đen để mở van phanh.



4 Đẩy nút bơm nhả phanh màu đỏ.

Vận Hành Nhả Phanh, Tùy Chọn Truyền Động Điện

1 Chèn kỹ bánh xe hoặc các rãnh để tránh cho máy khỏi lăn.



2 Đảm bảo rằng dây tời được siết chặt an toàn vào các điểm buộc trên khung lái và đường di chuyển không có vật cản.

3 Kéo nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ ở cả bảng điều khiển trên khung nâng và dưới đất và định vị công tắc khóa về chế độ nối đất.

4 Tìm công tắc lật nhả phanh ở phía sau thiết bị.

5 Tháo nắp bảo vệ khỏi công tắc lật.



6 Di chuyển công tắc lật như hình minh họa để nhả phanh. Cảnh báo sẽ bật khi nhả phanh.

Sau khi máy được tải:

1 Chèn kỹ bánh xe để tránh cho máy khỏi lăn.

2 Kéo nút Dừng Khẩn Cấp màu đỏ ở cả bảng điều khiển trên khung nâng và dưới đất về vị trí bật.

3 Nhấn và giữ công tắc kích hoạt chức năng lái/điều hướng trên cần điều khiển. Di chuyển cần điều khiển ra khỏi trung tâm và nhả ngay để thiết lập phanh.

4 Đẩy nút dừng Khẩn cấp màu đỏ ở cả bộ điều khiển trên khung nâng và dưới đất về vị trí tắt.

Không khuyến cáo kéo Genie GS-1530, GS-1532, GS-1930, GS-1932, GS-1932 XH, GS-2032, GS-2632, GS-3232, GS-2046, GS-2646, GS-2646 XH, GS-3246, GS-3246 XH và GS-4046. Nếu cần kéo máy, không được vượt quá 2 dặm/giờ/3,2 km/h.

Hướng dẫn Vận Chuyển và Nâng

Cố định vào Xe Tải hoặc Xe Kéo để di chuyển

Luôn sử dụng chốt khóa sàn mở rộng khi vận chuyển máy.

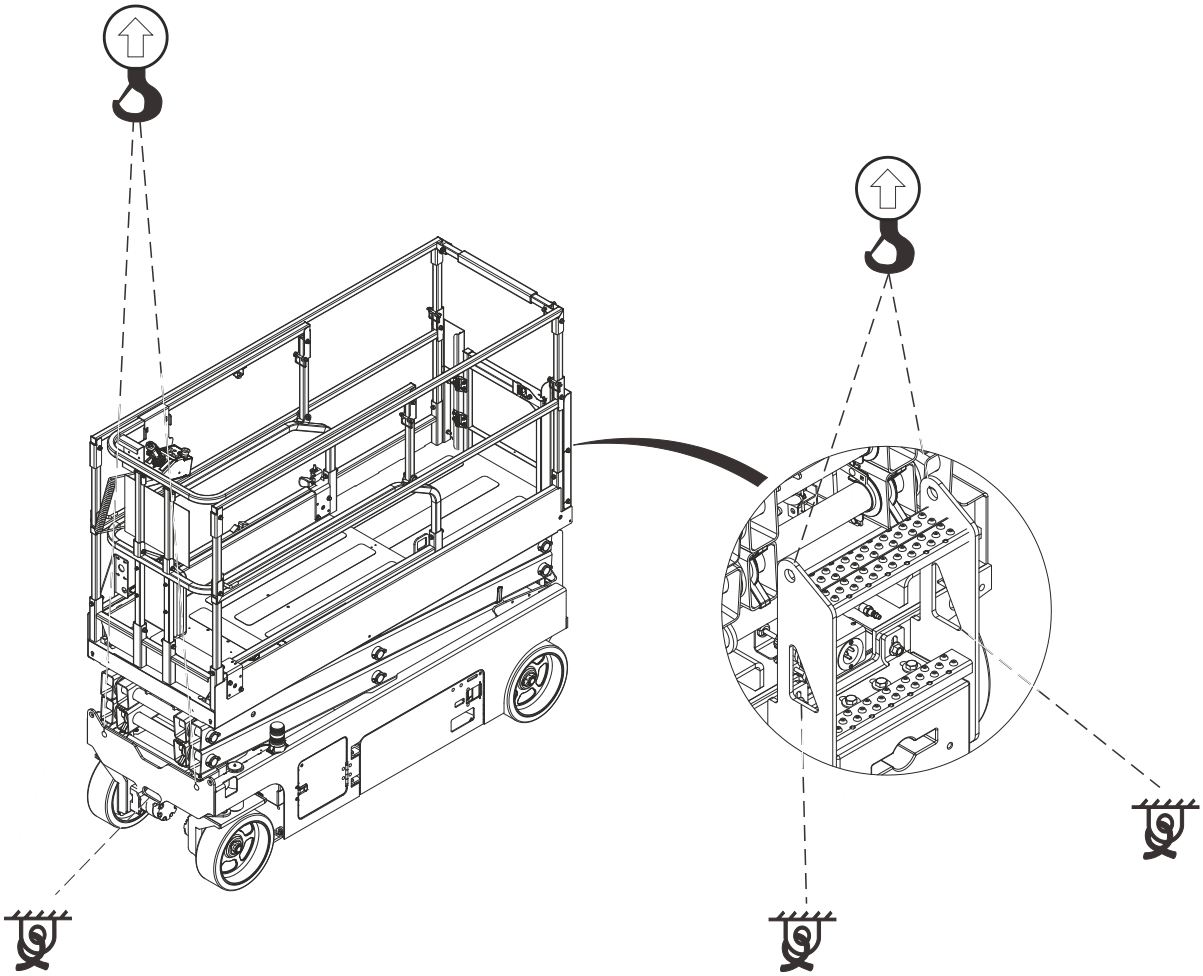
Xoay chìa khóa công tắc về vị trí tắt và rút chìa ra trước khi vận chuyển.

Kiểm tra toàn bộ máy để phát hiện những bộ phận bị lỏng hoặc không an toàn.

Sử dụng dây xích hoặc dây đai có trọng tải lớn.

Sử dụng tối thiểu 2 dây xích hoặc dây đai.

Điều chỉnh mối dây để tránh gây hư hại cho dây xích.



Hướng dẫn Vận Chuyển và Nâng

Quan sát và Tuân thủ:

☑ Chỉ người có chuyên môn mới được phép chuẩn bị và nâng máy.

☑ Chỉ người vận hành xe nâng có chuyên môn mới được nâng máy bằng xe nâng.

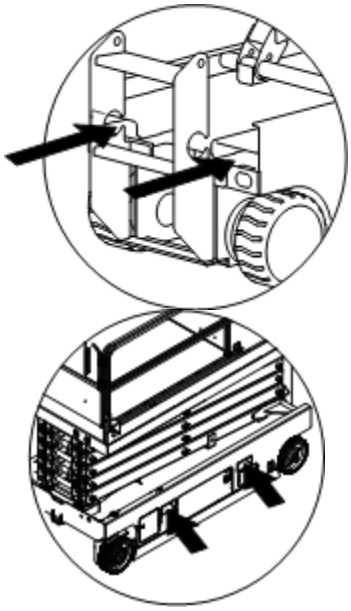
☑ Bảo đảm rằng công suất của cần cẩu, bề mặt bốc dỡ hàng và dây buộc hoặc dây neo đủ sức chịu được trọng lượng của máy. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy.

Nâng máy bằng xe nâng

Đảm bảo gắn chắc sàn mở rộng, bảng điều khiển và khay phụ kiện. Tháo tất cả những bộ phận lỏng trên máy.

Hạ hết khung nâng. Phải hạ khung nâng trong suốt quá trình tải và quy trình vận chuyển.

Sử dụng các khoang xe nâng từ phía sau máy (cả hai phía thang) hoặc từ một trong hai phía của máy.



Đặt chạc xe nâng vào vị trí khoang xe nâng.

Lái xe về phía trước đến hết mức của chạc.

Nâng máy 16 in/0,4 m và sau đó nghiêng nhẹ chạc về phía sau để cố định máy.

Đảm bảo máy cân bằng khi hạ chạc.

NOTICE Nâng máy từ phía đáy có thể làm hỏng các bộ phận.

Hướng dẫn Vận Chuyển và Nâng

Hướng dẫn Nâng, GS-30

Hạ hết khung nâng. Đảm bảo gắn chắc sàn mở rộng, bảng điều khiển và khay phụ kiện. Tháo tất cả những bộ phận lỏng trên máy.

Xác định trọng tâm của máy bằng bảng số liệu và hình vẽ trên trang này.

Chỉ buộc dây nâng vào các điểm nâng được thiết kế sẵn trong máy. Có hai lỗ 2,5 cm phía trước máy và hai lỗ trên thang để nâng.

Điều chỉnh mối dây buộc để tránh làm hư hại máy và để giữ cho máy cân bằng.

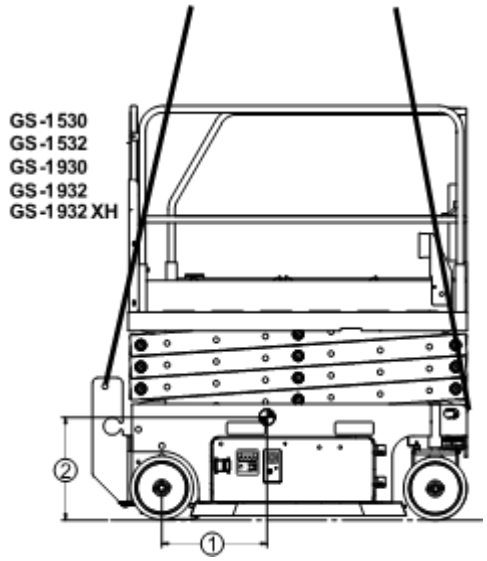
Bảng Trọng Tâm (Kích thước thực tế có thể thay đổi do cấu hình máy, tùy chọn và dung sai sản xuất)

Hướng Dẫn Nâng

Kiểu máy	**Trục X**	**Trục Y**
GS-1530	26,3 in 66,8 cm	21 in 53,3 cm
GS-1532	26,2 in 66,5 cm	21,0 in 53,3 cm
GS-1930	23,8 in 60,4 cm	20,6 in 52,3 cm
GS-1932	26,2 in 66,4 cm	21,8 in 55,4 cm
GS-1932XH	22,0 in 55,9 cm	19,1 in 48,5 cm

Điểm Nâng Thang
(số lượng 2)

Điểm Nâng Khung Lái
(số lượng 2)



1	Trục X
2	Trục Y

Hướng dẫn Vận Chuyển và Nâng

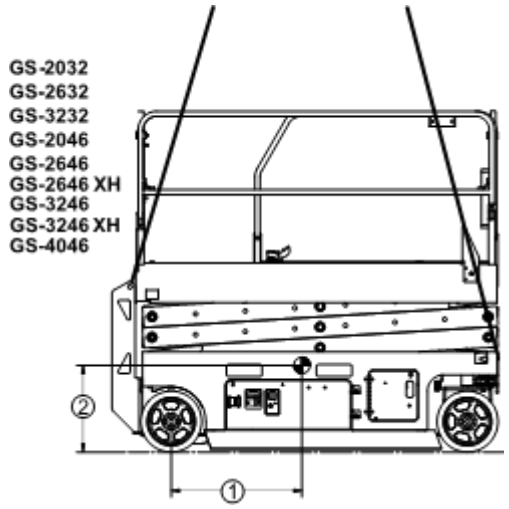
Hướng Dẫn Nâng, GS-32, GS-46

Kiểu máy	Trục X	Trục Y
GS-2032	34,5 in 87,6 cm	23,7 in 60,2 cm
GS-2632	31,5 in 80,0 cm	24,8 in 63,0 cm
GS-3232	30,4 in 77,2 cm	26,2 in 66,5 cm
GS-2046	37,2 in 94,5 cm	24,5 in 62,2 cm
GS-2646	37,7 in 95,7 cm	26,5 in 67,3 cm
GS-2646XH	35,7 in 90,7 cm	23,9 in 60,7 cm
GS-3246	38,2 in 97,0 cm	27,9 in 70,9 cm
GS-3246XH	34,9 in 88,6 cm	25,4 in 64,5 cm
GS-4046	31,5 in 80,0 cm	28,4 in 72,1 cm

Hướng Dẫn Nâng

Điểm Nâng Thang (số lượng 2)

Điểm Nâng Khung Lái (số lượng 2)



1	Trục X
2	Trục Y

Bảo trì

Quan sát và Tuân thủ:

☑ Người vận hành chỉ được bảo trì theo định kỳ những bộ phận được nêu rõ trong tài liệu hướng dẫn này.

☑ Các cuộc kiểm tra bảo trì theo lịch phải được thực hiện bởi những kỹ thuật viên dịch vụ có chuyên môn, theo đúng chỉ tiêu kỹ thuật của nhà sản xuất và những yêu cầu được nêu rõ trong tài liệu hướng dẫn trách nhiệm.

☑ Chỉ sử dụng các bộ phận thay thế được Genie phê duyệt.

Chú giải các Biểu tượng Bảo trì

Những biểu tượng sau đây được dùng trong cẩm nang này để giúp chuyển tải ý nghĩa của các hướng dẫn. Khi có một hoặc nhiều biểu tượng xuất hiện đầu quy trình bảo trì, nó chuyển tải ý nghĩa sau đây.

Báo hiệu sẽ cần có dụng cụ để thực hiện quy trình bảo trì này.

Báo hiệu sẽ cần phụ tùng mới để thực hiện quy trình bảo trì này.

Kiểm tra mức Dầu Thủy Lực

Duy trì mức dầu thủy lực thích hợp là điều rất quan trọng để vận hành máy. Mức dầu thủy lực không thích hợp có thể gây hư hại cho các bộ phận thủy lực. Những cuộc kiểm tra hàng ngày cho phép người kiểm tra phát hiện những sự thay đổi về mức dầu vốn có thể báo hiệu những vấn đề của hệ thống thủy lực.

1 Đảm bảo rằng máy nằm trên bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không có vật cản, với khung nâng được xếp gọn.

2 Kiểm tra mức dầu trong bình dầu thủy lực bằng mắt thường.

⊙ Kết quả: Mức dầu thủy lực phải nằm giữa dấu ADD (thêm) và FULL (đầy) trên bình dầu.

3 Thêm dầu nếu cần. Không được châm tràn.

Đặc điểm kỹ thuật về dầu thủy lực	
Loại dầu thủy lực	Chevron Rando HD tương đương

Lưu ý: Để biết thông tin về vận hành trong thời tiết lạnh và thông tin về dầu thủy lực thay thế, vui lòng tham khảo Hướng Dẫn Bảo Trì Xe Nâng của Genie.

Bảo trì

Kiểm tra Bình ắc quy



Tình trạng thích hợp của bình ắc quy là rất quan trọng cho hiệu năng của động cơ và sự an toàn khi vận hành. Mức nước không phù hợp hoặc dây điện và đầu nối điện bị hư hỏng có thể dẫn tới hư hại bộ phận động cơ và những tình huống nguy hiểm.

⚠ Nguy cơ điện giật. Tiếp xúc với các mạch điện đang nóng hoặc có điện có thể dẫn tới tử vong hoặc bị thương nghiêm trọng. Phải tháo tất cả nhẫn, đồng hồ và đồ trang sức khác.

⚠ Nguy cơ thương tổn cơ thể. Các bình ắc quy có axít. Tránh làm đổ hoặc tiếp xúc với axít trong bình ắc quy. Trung hòa axít bị đổ ra ngoài bằng sô-đa pha nước.

Lưu ý: Tiến hành kiểm tra sau khi sạc đầy ắc-quy.

1 Mặc trang phục bảo hộ và đeo kính bảo vệ mắt.

2 Bảo đảm rằng các mối nối cáp điện của bình ắc quy được siết chặt và không bị mòn.

3 Bảo đảm rằng thanh giữ bình ắc quy được bắt chặt.

Lưu ý: Bổ sung thêm các chất bảo vệ điện cực và chất chống ăn mòn sẽ giúp các điện cực và dây điện của bình ắc quy không bị ăn mòn.

Bảo Trì Định Kỳ

Việc bảo trì được thực hiện hàng quý, hàng năm và mỗi hai năm một lần phải được tiến hành bởi người đã qua huấn luyện và có đủ trình độ chuyên môn để thực hiện việc bảo trì trên máy theo đúng quy trình trong cẩm nang bảo trì cho máy này.

Máy không sử dụng từ ba tháng trở lên phải được kiểm tra hàng quý trước khi sử dụng trở lại.

Tuân thủ tất cả các quy định của địa phương và chính phủ liên quan đến việc thải bỏ và cho máy ngừng hoạt động khi hết thời hạn sử dụng. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo hướng dẫn bảo trì phù hợp của Genie.

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy		GS-1530
Chiều cao, làm việc ngoài trời	18 ft 8 in	5,86 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời	12 ft 8 in	3,86 m
Chiều cao, làm việc trong nhà	21 ft 1 in	6,61 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà	15 ft 1 in	4,61 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn nâng	6 ft 11 in	2,12 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn gập	5 ft 9 in	1,76 m
Chiều cao khung nâng, xếp gọn tối đa	3 ft 4 in	1,01 m
Chiều cao, thanh chắn bảo vệ	3 ft 7 in	1,10 m
Chiều rộng	30,2 in	0,77 m
Độ dài máy, xếp gọn	6 ft 0 in	1,83 m
Chiều dài, khung nâng mở rộng	8 ft 11 in	2,72 m
Chiều dài mở rộng khung nâng	35,7 in	0,91 m
Kích thước khung nâng (dài x rộng)	5 ft 5 in x 29,9 in	1,66 x 0,76 m
Tải trọng tối đa	600 lbs	272 kg
Tốc độ gió tối đa, ngoài trời	28 dặm/giờ	12,5 m/giây
Tốc độ gió tối đa, trong nhà	0 dặm/giờ	0 m/giây
Chiều dài cơ sở	4 ft 4 in	1,32 m
Bán kính xoay (bên ngoài)	5 ft 1 in	1,55 m
Bán kính xoay (bên trong)	0 in	0 cm
Khoảng cách gầm xe	3,2 in	8 cm
Khoảng cách với mặt đất Sử dụng tấm chắn bảo vệ tránh ổ gà	0,9 in	2,3 cm
Trọng lượng	2.739 lbs	1.242 kg

(Trọng lượng máy thay đổi tùy theo cấu hình lựa chọn. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy cụ thể.)

Nguồn điện		4 Ắc-quy, 6V
Điện áp hệ thống		24 V
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động điện)	2.700 psi	186 bar
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động thủy lực)	3.700 psi	255 bar
Kích cỡ lốp xe	12 x 4,5 in	31 x 11 cm

Nhiệt độ vận hành		
Tối thiểu	-20°F	-29°C
Tối đa	120°F	49°C
Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		30% (16,7°)
Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		30% (16,7°)

Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép.

Độ nghiêng khung lái tối đa cho phép	Tham khảo phần "Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng"

Tốc độ lái		
Xếp gọn tối đa	2,5 dặm/giờ	4,0 km/giờ
Khung nâng được nâng tối đa	0,5 dặm/giờ 40 ft/55 giây	0,8 km/giờ 12,2 m/55 giây

Thông tin về trọng tải sàn, GS-1530		
Trọng tải lốp xe, tối đa	1.370 lbs	621 kg
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe	152,2 psi	10,70 kg/cm^2 1.049 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy	269 psf	1.313 kg/m^2 12,88 kPa

Lưu ý: Thông tin về trọng tải sàn là thông tin ước lượng gần đúng và không bao gồm các cấu hình tuỳ chọn khác. Chỉ nên sử dụng thông tin này khi có các yếu tố an toàn thích hợp.

Không ngừng cải tiến các sản phẩm của mình là chính sách của Genie. Các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm sẽ thay đổi mà không thông báo trước hay chịu trách nhiệm.

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy		GS-1532
Chiều cao, làm việc ngoài trời	18 ft 8 in	5,86 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời	12 ft 8 in	3,86 m
Chiều cao, làm việc trong nhà	21 ft 1 in	6,61 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà	15 ft 1 in	4,61 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn nâng	6 ft 11 in	2,12 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn gập	5 ft 9 in	1,76 m
Chiều cao khung nâng, xếp gọn tối đa	3 ft 4 in	1,01 m
Chiều cao, thanh chắn bảo vệ	3 ft 7 in	1,10 m
Chiều rộng	32,2 in	81,8 cm
Độ dài máy, xếp gọn	6 ft 0 in	1,83 m
Chiều dài, khung nâng mở rộng	8 ft 11 in	2,72 m
Chiều dài mở rộng khung nâng	35,7 in	0,91 m
Kích thước khung nâng (dài x rộng)	5 ft 5 in x 29,9 in	1,66 x 0,76 m
Tải trọng tối đa	600 lbs	272 kg
Tốc độ gió tối đa, ngoài trời	28 dặm/giờ	12,5 m/giây
Tốc độ gió tối đa, trong nhà	0 dặm/giờ	0 m/giây
Chiều dài cơ sở	4 ft 4 in	1,32 m
Bán kính xoay (bên ngoài)	5 ft 1 in	1,55 m
Bán kính xoay (bên trong)	0 in	0 cm
Khoảng cách gầm xe	3,2 in	8 cm
Khoảng cách với mặt đất Sử dụng tấm chắn bảo vệ tránh ổ gà	0,9 in	2,3 cm
Trọng lượng	2.761 lbs	1.252 kg
(Trọng lượng máy thay đổi tùy theo cấu hình lựa chọn. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy cụ thể.)		
Nguồn điện		4 Ắc-quy, 6 V
Điện áp hệ thống		24 V
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động điện)	2.700 psi	186 bar
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động thủy lực)	3.700 psi	255 bar
Kích cỡ lốp xe	12 x 4,5 in	31 x 11 cm

Nhiệt độ vận hành		
Tối thiểu	-20°F	-29°C
Tối đa	120°F	49°C
Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		30% (16,7°)
Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		30% (16,7°)
Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép.		
Độ nghiêng khung lái tối đa cho phép		Tham khảo phần "Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng"
Tốc độ lái		
Xếp gọn tối đa	2,5 dặm/giờ	4,0 km/giờ
Khung nâng được nâng tối đa	0,5 dặm/giờ 40 ft/55 giây	0,8 km/giờ 12,2 m/55 giây
Thông tin về trọng tải sàn, GS-1530		
Trọng tải lốp xe, tối đa	1.370 lbs	621 kg
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe	152,2 psi	10,70 kg/cm^2 1.049 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy	254 psf	1.240 kg/m^2 12,16 kPa
Lưu ý: Thông tin về trọng tải sàn là thông tin ước lượng gần đúng và không bao gồm các cấu hình tuỳ chọn khác. Chỉ nên sử dụng thông tin này khi có các yếu tố an toàn thích hợp.		

Không ngừng cải tiến các sản phẩm của mình là chính sách của Genie. Các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm sẽ thay đổi mà không thông báo trước hay chịu trách nhiệm.

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy		GS-1930
Chiều cao, làm việc ngoài trời	20 ft 8 in	6,30 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời	14 ft 8 in	4,47 m
Chiều cao, làm việc trong nhà	25 ft 3 in	7,85 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà	19 ft 3 in	5,85 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn nâng	7 ft 1 in	2,16 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn gập	5 ft 11 in	1,80 m
Chiều cao khung nâng, xếp gọn tối đa	3 ft 5 in	1,04 m
Chiều cao, thanh chắn bảo vệ	3 ft 7 in	1,10 m
Chiều rộng	30,2 in	0,77 m
Độ dài máy, xếp gọn	6 ft 0 in	1,83 m
Chiều dài, khung nâng mở rộng	8 ft 11 in	2,72 m
Chiều dài mở rộng khung nâng	35,7 in	0,91 m
Kích thước khung nâng (dài x rộng)	5 ft 5 in x 29,9 in	1,66 x 0,76 m
Tải trọng tối đa	500 lbs	227 kg
Tốc độ gió tối đa, ngoài trời	28 dặm/giờ	12,5 m/giây
Tốc độ gió tối đa, trong nhà	0 dặm/giờ	0 m/giây
Chiều dài cơ sở	4 ft 4 in	1,32 m
Bán kính xoay (bên ngoài)	5 ft 1 in	1,55 m
Bán kính xoay (bên trong)	0 in	0 cm
Khoảng cách gầm xe	3,2 in	8 cm
Khoảng cách với mặt đất Sử dụng tấm chắn bảo vệ tránh ổ gà	0,9 in	2,3 cm
Trọng lượng	3.209 lbs	1.456 kg
(Trọng lượng máy thay đổi tùy theo cấu hình lựa chọn. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy cụ thể.)		
Nguồn điện		4 Ắc-quy, 6 V
Nguồn điện (Tùy chọn Lithium)		1 Ắc-quy, 24 V
Điện áp hệ thống		24 V
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động điện)	3.500 psi	241 bar
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động thủy lực)	3.700 psi	255 bar
Kích cỡ lốp xe	12 x 4,5 in	31 x 11 cm

Nhiệt độ vận hành		
Tối thiểu	-20°F	-29°C
Tối đa	120°F	49°C

Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn	25% (14°)
Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn	25% (14°)

Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép.

Độ nghiêng khung lái tối đa cho phép	Tham khảo phần "Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng"

Tốc độ lái		
Xếp gọn tối đa	2,5 dặm/giờ	4,0 km/giờ
Khung nâng được nâng tối đa	0,5 dặm/giờ 40 ft/55 giây	0,8 km/giờ 12,2 m/55 giây

Thông tin về trọng tải sàn, GS-1930		
Trọng tải lốp xe, tối đa	1.483 lbs	672 kg
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe	164,7 psi	11,58 kg/cm^2 1.136 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy	287 psf	1.400 kg/m^2 13,73 kPa

Lưu ý: Thông tin về trọng tải sàn là thông tin ước lượng gần đúng và không bao gồm các cấu hình tuỳ chọn khác. Chỉ nên sử dụng thông tin này khi có các yếu tố an toàn thích hợp.

Không ngừng cải tiến các sản phẩm của mình là chính sách của Genie. Các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm sẽ thay đổi mà không thông báo trước hay chịu trách nhiệm.

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy		GS-1932
Chiều cao, làm việc ngoài trời, vùng kép	20 ft 8 in	6,30 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời, vùng kép	14 ft 8 in	4,47 m
Chiều cao, làm việc ngoài trời, XH	25 ft 3 in	7,85 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời, XH	19 ft 3 in	5,85 m
Chiều cao, làm việc trong nhà, vùng kép/XH	25 ft 3 in	7,85 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà, vùng kép/XH	19 ft 3 in	5,85 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời	14 ft 8 in	4,47 m
Chiều cao, làm việc trong nhà	25 ft 3 in	7,85 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà	19 ft 3 in	5,85 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn nâng	7 ft 1 in	2,16 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn gập	5 ft 11 in	1,8 m
Chiều cao khung nâng, xếp gọn tối đa	3 ft 5 in	1,04 m
Chiều cao, thanh chắn bảo vệ	3 ft 7 in	1,10 m
Chiều rộng	32,2 in	0,82 m
Độ dài máy, xếp gọn	6 ft 0 in	1,83 m
Chiều dài, khung nâng mở rộng	8 ft 11 in	2,72 m
Chiều dài mở rộng khung nâng	35,7 in	0,91 m
Kích thước khung nâng (dài x rộng)	5 ft 5 in x 29,9 in	1,66 x 0,76 m
Tải trọng tối đa	500 lbs	227 kg
Tốc độ gió tối đa, ngoài trời	28 dặm/giờ	12,5 m/giây
Tốc độ gió tối đa, trong nhà	0 dặm/giờ	0 m/giây
Chiều dài cơ sở	4 ft 4 in	1,32 m
Bán kính xoay (bên ngoài)	5 ft 1 in	1,55 m
Bán kính xoay (bên trong)	0 in	0 cm
Khoảng cách gầm xe	3,2 in	8 cm
Khoảng cách với mặt đất Sử dụng tấm chắn bảo vệ tránh ổ gà	0,9 in	2,3 cm
Trọng lượng, vùng kép	2.929 lbs	1.329 kg
Trọng lượng, XH	3.429 lbs	1.555 kg

(Trọng lượng máy thay đổi tùy theo cấu hình lựa chọn. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy cụ thể.)

Nguồn điện		4 Ắc-quy, 6 V
Nguồn điện (Tùy chọn Lithium)		1 Ắc-quy, 24 V
Điện áp hệ thống		24 V
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động điện)	3.500 psi	241 bar
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động thủy lực)	3.700 psi	255 bar
Kích cỡ lốp xe	12 x 4,5 in	31 x 11 cm
Nhiệt độ vận hành		
Tối thiểu	-20°F	-29°C
Tối đa	120°F	49°C
Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		25% (14°)
Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		25% (14°)

Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép.

Độ nghiêng khung lái tối đa cho phép		Tham khảo phần "Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng"
Tốc độ lái		
Xếp gọn tối đa	2,5 dặm/giờ	4,0 km/giờ
Khung nâng được nâng tối đa	0,5 dặm/giờ 40 ft/55 giây	0,8 km/giờ 12,2 m/55 giây
Thông tin về trọng tải sàn, GS-1932		
Trọng tải lốp xe, tối đa, vùng kép	1.473 lbs	668 kg
Trọng tải lốp xe, tối đa, XH	1.712 lbs	776 kg
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe, vùng kép	163,3 psi	11,50 kg/cm^2 1.128 kPa
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe, XH	190,2 psi	13,37 kg/cm^2 1.311 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy, vùng kép	258 psf	1.262 kg/m^2 12,38 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy, XH	294 psf	1.435 kg/m^2 14,07 kPa

Lưu ý: Thông tin về trọng tải sàn là thông tin ước lượng gần đúng và không bao gồm các cấu hình tuỳ chọn khác. Chỉ nên sử dụng thông tin này khi có các yếu tố an toàn thích hợp.

Không ngừng cải tiến các sản phẩm của mình là chính sách của Genie. Các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm sẽ thay đổi mà không thông báo trước hay chịu trách nhiệm.

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy		GS-2032
Chiều cao, làm việc ngoài trời	22 ft	6,88 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời	16 ft	4,88 m
Chiều cao, làm việc trong nhà	26 ft 1 in	8,13 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà	20 ft 1 in	6,13 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn nâng	7 ft 2 in	2,17 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn gập	5 ft 11 in	1,80 m
Chiều cao khung nâng, xếp gọn tối đa	3 ft 6 in	1,07 m
Chiều cao, thanh chắn bảo vệ	3 ft 7 in	1,10 m
Chiều rộng	32,2 in	0,82 m
Độ dài máy, xếp gọn	8 ft 0 in	2,44 m
Chiều dài, khung nâng mở rộng	10 ft 11 in	3,33 m
Chiều dài mở rộng khung nâng	35,8 in	0,91 m
Kích thước khung nâng (dài x rộng)	7 ft 5 in x 32,9 in	2,27 x 0,84 m
Tải trọng tối đa	800 lbs	363 kg
Tốc độ gió tối đa, ngoài trời	28 dặm/giờ	12,5 m/giây
Tốc độ gió tối đa, trong nhà	0 dặm/giờ	0 m/giây
Chiều dài cơ sở	6 ft 1 in	1,85 m
Bán kính xoay (bên ngoài)	7 ft 0 in	2,1 m
Bán kính xoay (bên trong)	0 in	0 cm
Khoảng cách gầm xe	5 in	12 cm
Khoảng cách với mặt đất Sử dụng tấm chắn bảo vệ tránh ổ gà	0,9 in	2,3 cm
Trọng lượng	4.038 lbs	1.832 kg
(Trọng lượng máy thay đổi tùy theo cấu hình lựa chọn. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy cụ thể.)		
Nguồn điện		4 Ắc-quy, 6 V
Nguồn điện (Tùy chọn Lithium)		1 Ắc-quy, 24 V
Điện áp hệ thống		24 V
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động điện)	2.400 psi	165 bar
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động thủy lực)	3.500 psi	241 bar
Kích cỡ lốp xe	15 x 5 in	38 x 13 cm

Nhiệt độ vận hành		
Tối thiểu	-20°F	-29°C
Tối đa	120°F	49°C
Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		30% (16,7°)
Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		30% (16,7°)
Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép.		
Độ nghiêng khung lái tối đa cho phép		Tham khảo phần "Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng"
Tốc độ lái		
Xếp gọn tối đa, truyền động thủy lực	2,0 dặm/giờ	3,2 km/giờ
Xếp gọn tối đa, Truyền động điện	2,5 dặm/giờ	4,0 km/giờ
Khung nâng được nâng tối đa	0,5 dặm/giờ 40 ft/55 giây	0,8 km/giờ 12,2 m/55 giây
Thông tin về trọng tải sàn, GS-2032		
Trọng tải lốp xe, tối đa	1.653 lbs	750 kg
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe	108,5 psi 15.622 psf	7,63 kg/cm^2 748 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy	256 psf	1.250 kg/m^2 12,26 kPa
Lưu ý: Thông tin về trọng tải sàn là thông tin ước lượng gần đúng và không bao gồm các cấu hình tuỳ chọn khác. Chỉ nên sử dụng thông tin này khi có các yếu tố an toàn thích hợp.		

Không ngừng cải tiến các sản phẩm của mình là chính sách của Genie. Các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm sẽ thay đổi mà không thông báo trước hay chịu trách nhiệm.

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy		GS-2632
Chiều cao, làm việc ngoài trời	25 ft	7,79 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời	19 ft	5,79 m
Chiều cao, làm việc trong nhà	32 ft 1 in	9,96 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà	26 ft 1 in	7,96 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn nâng	7 ft 7 in	2,32 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn gập	6 ft 4 in	1,94 m
Chiều cao khung nâng, xếp gọn tối đa	3 ft 11 in	1,20 m
Chiều cao, thanh chắn bảo vệ	3 ft 7 in	1,10 m
Chiều rộng	32,2 in	0,82 m
Độ dài máy, xếp gọn	8 ft 0 in	2,44 m
Chiều dài, khung nâng mở rộng	10 ft 11 in	3,33 m
Chiều dài mở rộng khung nâng	35,8 in	0,91 m
Kích thước khung nâng (dài x rộng)	7 ft 5 in x 32,9 in	2,27 x 0,84 m
Tải trọng tối đa	500 lbs	227 kg
Tốc độ gió tối đa, ngoài trời	28 dặm/giờ	12,5 m/giây
Tốc độ gió tối đa, trong nhà	0 dặm/giờ	0 m/giây
Chiều dài cơ sở	6 ft 1 in	1,85 m
Bán kính xoay (bên ngoài)	7 ft 0 in	2,1 m
Bán kính xoay (bên trong)	0 in	0 cm
Khoảng cách gầm xe	5 in	12 cm
Khoảng cách với mặt đất Sử dụng tấm chắn bảo vệ tránh ổ gà	0,9 in	2,3 cm
Trọng lượng	4.729 lbs	2.145 kg
(Trọng lượng máy thay đổi tùy theo cấu hình lựa chọn. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy cụ thể.)		
Nguồn điện		4 Ắc-quy, 6 V
Nguồn điện (Tùy chọn Lithium)		1 Ắc-quy, 24 V
Điện áp hệ thống		24 V
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động điện)	2.100 psi	145 bar
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động thủy lực)	3.500 psi	241 bar
Kích cỡ lốp xe	15 x 5 in	38 x 13 cm

Nhiệt độ vận hành		
Tối thiểu	-20°F	-29°C
Tối đa	120°F	49°C
Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		25% (14°)
Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		25% (14°)
Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép.		
Độ nghiêng khung lái tối đa cho phép	Tham khảo phần "Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng"	
Tốc độ lái		
Xếp gọn tối đa, Truyền động thủy lực	2,0 dặm/giờ	3,2 km/giờ
Xếp gọn tối đa, Truyền động điện	2,5 dặm/giờ	4,0 km/giờ
Khung nâng được nâng tối đa	0,5 dặm/giờ 40 ft/55 giây	0,8 km/giờ 12,2 m/55 giây
Thông tin về trọng tải sàn, GS-2632		
Trọng tải lốp xe, tối đa	1.765 lbs	801 kg
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe	115,8 psi 16.680 psf	8,14 kg/cm^2 799 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy	274 psf	1.340 kg/m^2 13,14 kPa
Lưu ý: Thông tin về trọng tải sàn là thông tin ước lượng gần đúng và không bao gồm các cấu hình tuỳ chọn khác. Chỉ nên sử dụng thông tin này khi có các yếu tố an toàn thích hợp.		

Không ngừng cải tiến các sản phẩm của mình là chính sách của Genie. Các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm sẽ thay đổi mà không thông báo trước hay chịu trách nhiệm.

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy		GS-3232
Chiều cao, làm việc ngoài trời trên dầm chìa	24 ft	7,49 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời trên dầm chìa	18 ft	5,49 m
Chiều cao, làm việc ngoài trời có thể lái	21 ft 9 in	6,80 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời có thể lái	15 ft 9 in	4,80 m
Chiều cao, làm việc trong nhà trên dầm chìa	38 ft 1 in	11,78 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà trên dầm chìa	32 ft 1 in	9,78 m
Chiều cao, làm việc trong nhà có thể lái	28 ft 0 in	8,71 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà có thể lái	22 ft 0 in	6,71 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn nâng	8 ft	2,43 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn gập	6 ft 10 in	2,07 m
Chiều cao khung nâng, xếp gọn tối đa	4 ft 4 in	1,32 m
Chiều cao, thanh chắn bảo vệ	3 ft 7 in	1,10 m
Chiều rộng	32,2 in	0,82 m
Độ dài máy, xếp gọn	8 ft 0 in	2,44 m
Chiều dài, khung nâng mở rộng	10 ft 11 in	3,33 m
Chiều dài mở rộng khung nâng	35,8 in	0,91 m
Kích thước khung nâng (dài x rộng)	7 ft 5 in x 32,9 in	2,27 x 0,84 m
Tải trọng tối đa	500 lbs	227 kg
Tốc độ gió tối đa, ngoài trời	28 dặm/giờ	12,5 m/giây
Tốc độ gió tối đa, trong nhà	0 dặm/giờ	0 m/giây
Chiều dài cơ sở	6 ft 1 in	1,85 m
Bán kính xoay (bên ngoài)	7 ft 0 in	2,1 m
Bán kính xoay (bên trong)	0 in	0 cm
Khoảng cách gầm xe	5 in	12 cm
Khoảng cách với mặt đất Sử dụng tấm chắn bảo vệ tránh ổ gà	0,9 in	2,3 cm
Trọng lượng	5.367 lbs	2.434 kg
(Trọng lượng máy thay đổi tùy theo cấu hình lựa chọn. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy cụ thể.)		
Nguồn điện		4 Ắc-quy, 6 V
Nguồn điện (Tùy chọn Lithium)		1 Ắc-quy, 24 V
Điện áp hệ thống		24 V
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động điện)	2.300 psi	159 bar
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động thủy lực)	3.500 psi	241 bar
Kích cỡ lốp xe	15 x 5 in	38 x 13 cm
Nhiệt độ vận hành		
Tối thiểu	-20°F	-29°C
Tối đa	120°F	49°C
Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		25% (14°)
Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		25% (14°)
Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép.		
Độ nghiêng khung lái tối đa cho phép		Tham khảo phần "Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng"
Tốc độ lái		
Xếp gọn tối đa, Truyền động thủy lực	2,0 dặm/giờ	3,2 km/giờ
Xếp gọn tối đa, Truyền động điện	2,5 dặm/giờ	4,0 km/giờ
Khung nâng được nâng tối đa	0,5 dặm/giờ 40 ft/55 giây	0,8 km/giờ 12,2 m/55 giây
Thông tin về trọng tải sàn, GS-3232		
Trọng tải lốp xe, tối đa	1.840 lbs	835 kg
Trọng tải dầm chìa, tối đa	2.785 lbs	1.263 kg
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe	120,8 psi 17.389 psf	8,49 kg/cm^2 833 kPa
Áp suất đệm chân dầm chìa tối đa	221,6 psi 31.914 psf	15,58 kg/cm^2 1.528 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy	307 psf	1.498 kg/m^2 14,69 kPa
Lưu ý: Thông tin về trọng tải sàn là thông tin ước lượng gần đúng và không bao gồm các cấu hình tuỳ chọn khác. Chỉ nên sử dụng thông tin này khi có các yếu tố an toàn thích hợp.		

Không ngừng cải tiến các sản phẩm của mình là chính sách của Genie. Các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm sẽ thay đổi mà không thông báo trước hay chịu trách nhiệm.

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy		GS-2046
Chiều cao, làm việc ngoài trời	22 ft 4 in	6,98 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời	16 ft 4 in	4,98 m
Chiều cao, làm việc trong nhà	26 ft 1 in	8,13 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà	20 ft 1 in	6,13 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn nâng	7 ft 2 in	2,17 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn gập	5 ft 2 in	1,58 m
Chiều cao khung nâng, xếp gọn tối đa	3 ft 6 in	1,07 m
Chiều cao, thanh chắn bảo vệ	3 ft 7 in	1,10 m
Chiều rộng	3 ft 10 in	1,18 m
Độ dài máy, xếp gọn	8 ft 0 in	2,44 m
Chiều dài, khung nâng mở rộng	10 ft 11 in	3,32 m
Chiều dài mở rộng khung nâng	36 in	0,91 m
Kích thước khung nâng (dài x rộng)	7 ft 5 in x 3 ft 11 in	2,26 m x 1,18 m
Tải trọng tối đa	1.200 lbs	544 kg
Tốc độ gió tối đa, ngoài trời	28 dặm/giờ	12,5 m/giây
Tốc độ gió tối đa, trong nhà	0 dặm/giờ	0 m/giây
Chiều dài cơ sở	6 ft 1 in	1,85 m
Bán kính xoay (bên ngoài)	7 ft 6 in	2,29 m
Bán kính xoay (bên trong)	0 in	0 cm
Khoảng cách gầm xe	5 in	12 cm
Khoảng cách với mặt đất Sử dụng tấm chắn bảo vệ tránh ổ gà	0,9 in	2,3 cm
Trọng lượng	3.913 lbs	1.775 kg
(Trọng lượng máy thay đổi tùy theo cấu hình lựa chọn. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy cụ thể.)		
Nguồn điện		4 Ắc-quy, 6 V
Nguồn điện (Tùy chọn Lithium)		1 Ắc-quy, 24 V
Điện áp hệ thống		24 V
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động điện)	2.900 psi	200 bar
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động thủy lực)	3.500 psi	241 bar
Kích cỡ lốp xe	15 x 5 in	38 x 13 cm

Nhiệt độ vận hành		
Tối thiểu	-20°F	-29°C
Tối đa	120°F	49°C

Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn	30% (16,7°)
Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn	30% (16,7°)

Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép.

Độ nghiêng khung lái tối đa cho phép	Tham khảo phần "Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng"

Tốc độ lái		
Xếp gọn tối đa, Truyền động thủy lực	2,0 dặm/giờ	3,2 km/giờ
Xếp gọn tối đa, Truyền động điện	2,5 dặm/giờ	4,0 km/giờ
Khung nâng được nâng tối đa	0,5 dặm/giờ 40 ft/55 giây	0,8 km/giờ 12,2 m/55 giây

Thông tin về trọng tải sàn, GS-2046		
Trọng tải lốp xe, tối đa	2.017 lbs	915 kg
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe	134,5 psi 19.363 psf	9,45 kg/cm^2 927 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy	188 psf	916 kg/m^2 8,98 kPa

Lưu ý: Thông tin về trọng tải sàn là thông tin ước lượng gần đúng và không bao gồm các cấu hình tuỳ chọn khác. Chỉ nên sử dụng thông tin này khi có các yếu tố an toàn thích hợp.

Không ngừng cải tiến các sản phẩm của mình là chính sách của Genie. Các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm sẽ thay đổi mà không thông báo trước hay chịu trách nhiệm.

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy		GS-2646
Chiều cao, làm việc ngoài trời, vùng kép	25 ft 8 in	7,99 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời, vùng kép	19 ft 8 in	5,99 m
Chiều cao, làm việc ngoài trời, XH	32 ft 1 in	9,96 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời, XH	26 ft 1 in	7,96 m
Chiều cao, làm việc trong nhà, vùng kép/XH	32 ft 1 in	9,96 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà, vùng kép/XH	26 ft 1 in	7,96 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn nâng	7 ft 7 in	2,32 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn gập	5 ft 7 in	1,70 m
Chiều cao khung nâng, xếp gọn tối đa	3 ft 11 in	1,2 m
Chiều cao, thanh chắn bảo vệ	3 ft 7 in	1,10 m
Chiều rộng	3 ft 10 in	1,18 m
Độ dài máy, xếp gọn	8 ft 0 in	2,44 m
Chiều dài, khung nâng mở rộng	10 ft 11 in	3,32 m
Chiều dài mở rộng khung nâng	36 in	0,91 m
Kích thước khung nâng (dài x rộng)	7 ft 5 in x 3 ft 11 in	2,26 m x 1,18 m
Tải trọng tối đa	1.000 lbs	454 kg
Tốc độ gió tối đa, ngoài trời	28 dặm/giờ	12,5 m/giây
Tốc độ gió tối đa, trong nhà	0 dặm/giờ	0 m/giây
Chiều dài cơ sở	6 ft 1 in	1,85 m
Bán kính xoay (bên ngoài)	7 ft 6 in	2,29 m
Bán kính xoay (bên trong)	0 in	0 cm
Khoảng cách gầm xe	5 in	12 cm
Khoảng cách với mặt đất Sử dụng tấm chắn bảo vệ tránh ổ gà	0,9 in	2,3 cm
Trọng lượng ,vùng kép	4.346 lbs	1.971 kg
Trọng lượng, XH	5.057 lbs	2.294 kg
(Trọng lượng máy thay đổi tùy theo cấu hình lựa chọn. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy cụ thể.)		
Nguồn điện		4 Ắc-quy, 6 V
Nguồn điện (Tùy chọn Lithium)		1 Ắc-quy, 24 V
Điện áp hệ thống		24 V
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động điện)	2.800 psi	193 bar
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động thủy lực)	3.500 psi	241 bar
Kích cỡ lốp xe	15 x 5 in	38 x 13 m
Nhiệt độ vận hành		
Tối thiểu	-20°F	-29°C
Tối đa	120°F	49°C
Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		30% (16,7°)
Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		30% (16,7°)
Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép.		
Độ nghiêng khung lái tối đa cho phép	Tham khảo phần "Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng"	
Tốc độ lái		
Xếp gọn tối đa, Truyền động thủy lực	2,0 dặm/giờ	3,2 km/giờ
Xếp gọn tối đa, Truyền động điện	2,5 dặm/giờ	4,0 km/giờ
Khung nâng được nâng tối đa	0,5 dặm/giờ 40 ft/55 giây	0,8 km/giờ 12,2 m/55 giây
Thông tin về trọng tải sàn, GS-2646		
Trọng tải lốp xe, tối đa, vùng kép	2.127 lbs	965 kg
Trọng tải lốp xe, tối đa, XH	2.270 lbs	1.030 kg
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe, vùng kép	141,8 psi	9,97 kg/cm^2 859 kPa
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe, XH	151,3 psi	10,64 kg/cm^2 1.044 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy, vùng kép	195 psf	954 kg/m^2 9,36 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy, XH	220 psf	1.074 kg/m^2 10,53 kPa
Lưu ý: Thông tin về trọng tải sàn là thông tin ước lượng gần đúng và không bao gồm các cấu hình tuỳ chọn khác. Chỉ nên sử dụng thông tin này khi có các yếu tố an toàn thích hợp.		

Không ngừng cải tiến các sản phẩm của mình là chính sách của Genie. Các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm sẽ thay đổi mà không thông báo trước hay chịu trách nhiệm.

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy		**GS-3246**
Chiều cao, làm việc ngoài trời, vùng kép	28 ft	8,71 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời,vùng kép	22 ft	6,71 m
Chiều cao, làm việc ngoài trời, XH	38 ft 1 in	11,78 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời, XH	32 ft 1 in	9,78 m
Chiều cao, làm việc trong nhà, vùng kép/XH	38 ft 1 in	11,78 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà, vùng kép/XH	32 ft 1 in	9,78 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn nâng	8 ft	2,43 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn gập	6 ft	1,82 m
Chiều cao khung nâng, xếp gọn tối đa	4 ft 4 in	1,32 m
Chiều cao, thanh chắn bảo vệ	3 ft 7 in	1,10 m
Chiều rộng	3 ft 10 in	1,18 m
Độ dài máy, xếp gọn	8 ft 0 in	2,44 m
Chiều dài, khung nâng mở rộng	10 ft 11 in	3,32 m
Chiều dài mở rộng khung nâng	36 in	0,91 cm
Kích thước khung nâng (dài x rộng)	7 ft 5 in x 3 ft 11 in	2,26 m x 1,18 m
Tải trọng tối đa	700 lbs	318 kg
Tốc độ gió tối đa, ngoài trời	28 dặm/ giờ	12,5 m/ giây
Tốc độ gió tối đa, trong nhà	0 dặm/giờ	0 m/giây
Chiều dài cơ sở	6 ft 1 in	1,85 m
Bán kính xoay (bên ngoài)	7 ft 6 in	2,29 m
Bán kính xoay (bên trong)	0 in	0 cm
Khoảng cách gầm xe	5 in	12 cm
Khoảng cách với mặt đất Sử dụng tấm chắn bảo vệ tránh ổ gà	0,9 in	2,3 cm
Trọng lượng, vùng kép	5.218 lbs	2.367 kg
Trọng lượng, XH	6.120 lbs	2.776 kg
(Trọng lượng máy thay đổi tùy theo cấu hình lựa chọn. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy cụ thể.)		
Nguồn điện		4 Ắc-quy, 6 V
Nguồn điện, (Tùy chọn Lithium)		1 Ắc-quy, 24 V
Điện áp hệ thống		24 V
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động điện)	2.600 psi	179 bar
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động thủy lực)	3.500 psi	241 bar
Kích cỡ lốp xe	15 x 5 in	38 x 13 cm
Nhiệt độ vận hành		
Tối thiểu	-20°F	-29°C
Tối đa	120°F	49°C
Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		25% (14°)
Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn		25% (14°)
Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép.		
Độ nghiêng khung lái tối đa cho phép	Tham khảo phần "Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng"	
Tốc độ lái		
Xếp gọn tối đa, Truyền động thủy lực	2,0 dặm/giờ	3,2 km/giờ
Xếp gọn tối đa, Truyền động điện	2,5 dặm/giờ	4,0 km/giờ
Khung nâng được nâng tối đa	0,5 dặm/giờ 40 ft/55 giây	0,8 km/giờ 12,2 m/55 giây
Thông tin về trọng tải sàn, GS-3246		
Trọng tải lốp xe, tối đa, vùng kép	2.227 lbs	1.010 kg
Trọng tải lốp xe, tối đa, XH	2.304 lbs	1.045 kg
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe, vùng kép	148,5 psi	10,45 kg/cm^2 1.024 kPa
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe, XH	153,6 psi	10,80 kg/cm^2 1.059 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy, vùng kép	214 psf	1.047 kg/m^2 10,26 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy, XH	246 psf	1.203 kg/m^2 11,80 kPa
Lưu ý: Thông tin về trọng tải sàn là thông tin ước lượng gần đúng và không bao gồm các cấu hình tuỳ chọn khác. Chỉ nên sử dụng thông tin này khi có các yếu tố an toàn thích hợp.		

Không ngừng cải tiến các sản phẩm của mình là chính sách của Genie. Các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm sẽ thay đổi mà không thông báo trước hay chịu trách nhiệm.

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy		GS-4046
Chiều cao, làm việc ngoài trời	29 ft	9,01 m
Chiều cao, khung nâng ngoài trời	23 ft	7,01 m
Chiều cao, làm việc trong nhà	45 ft 0 in	13,89 m
Chiều cao, khung nâng trong nhà	39 ft 0 in	11,89 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn nâng	8 ft 5 in	2,57 m
Chiều cao, xếp gọn tối đa, thanh chắn gập	6 ft 6 in	1,98 m
Chiều cao khung nâng, xếp gọn tối đa	4 ft 9 in	1,45 m
Chiều cao, thanh chắn bảo vệ	3 ft 7 in	1,10 m
Chiều rộng	3 ft 10 in	1,18 m
Độ dài máy, xếp gọn	8 ft 2 in	2,48 m
Chiều dài, khung nâng mở rộng	11 ft 6 in	3,51 m
Chiều dài mở rộng khung nâng	36 in	0,91 m
Kích thước khung nâng (dài x rộng)	7 ft 5 in x 3 ft 11 in	2,26 m x 1,18 m
Tải trọng tối đa	770 lbs	350 kg
Tốc độ gió tối đa, ngoài trời	28 dặm/giờ	12,5 m/giây
Tốc độ gió tối đa, trong nhà	0 dặm/giờ	0 m/giây
Chiều dài cơ sở	6 ft 1 in	1,85 m
Bán kính xoay (bên ngoài)	7 ft 6 in	2,29 m
Bán kính xoay (bên trong)	0 in	0 cm
Khoảng cách gầm xe	5 in	12 cm
Khoảng cách với mặt đất Sử dụng tấm chắn bảo vệ tránh ổ gà	0,9 in	2,3 cm
Trọng lượng	6.871 lbs	3.117 kg
(Trọng lượng máy thay đổi tùy theo cấu hình lựa chọn. Xem nhãn số hiệu để biết trọng lượng máy cụ thể.)		
Nguồn điện		4 Ắc-quy, 12 V
Điện áp hệ thống		24 V
Áp suất thủy lực, tối đa (truyền động điện)	2.350 psi	162 bar
Kích cỡ lốp xe	15 x 5 in	38 x 13 cm

Nhiệt độ vận hành		
Tối thiểu	-20°F	-29°C
Tối đa	120°F	49°C

Độ dốc tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn	25% (14°)
Độ dốc nghiêng tối đa cho phép, tình trạng xếp gọn	25% (14°)

Lưu ý: Độ dốc cho phép tùy thuộc vào tình trạng mặt đất với một người trên khung nâng và sức kéo phù hợp. Tải trọng bổ sung của khung nâng có thể làm giảm độ dốc cho phép.

Độ nghiêng khung lái tối đa cho phép	Tham khảo phần "Cài Đặt Kích Hoạt Cảm Biến Nghiêng"

Tốc độ lái		
Xếp gọn tối đa	2,5 dặm/giờ	4,0 km/giờ
Khung nâng được nâng tối đa	0,5 dặm/giờ 40 ft/55 giây	0,8 km/giờ 12,2 m/55 giây

Thông tin về trọng tải sàn, GS-4046		
Trọng tải lốp xe, tối đa	2.657 lbs	1.205 kg
Áp suất tiếp xúc trên lốp xe	177,1 psi	12,46 kg/cm^2 1.221 kPa
Áp suất sàn khi tải đầy	275 psf	1.342 kg/m^2 13,16 kPa

Lưu ý: Thông tin về trọng tải sàn là thông tin ước lượng gần đúng và không bao gồm các cấu hình tuỳ chọn khác. Chỉ nên sử dụng thông tin này khi có các yếu tố an toàn thích hợp.

Không ngừng cải tiến các sản phẩm của mình là chính sách của Genie. Các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm sẽ thay đổi mà không thông báo trước hay chịu trách nhiệm.

www.genielift.com

Được phân phối bởi: